

**CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD KHÁNH HÒA**

**Địa chỉ : 194-196 Trần Quý Cáp, P. Phương Sài, TP Nha Trang, Khánh Hòa**

**Điện thoại : 058.3820197 fax : 058.3821005**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG  
của cơ sở**

**XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI NINH HOÀ – TN25**

***Địa chỉ : thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hoà,  
tỉnh Khánh Hoà***

**THÁNG 08 NĂM 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HOÀ  
-----000-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT**  
**CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**của cơ sở**

**XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI NINH HOÀ – TN25**

*Địa chỉ : Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà*

CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD KHÁNH HOÀ



*Nguyễn Văn Hoàng*

MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG I . THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	3
1. Tên chủ cơ sở .....	3
2. Tên cơ sở .....	3
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở .....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật5 liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở .....	8
CHƯƠNG II . SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	10
CHƯƠNG III . KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	11
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải .....	11
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	14
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	18
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại.....	19
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	20
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	20
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác .....	23
8. các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường .....	23
CHƯƠNG IV . NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ....	24
1. Nội dung đề nghị cấp lại giấy phép môi trường đối với nước thải .....	24
2. Nội dung đề nghị cấp lại giấy phép môi trường đối với khí thải .....	25
3. Nội dung đề nghị cấp lại giấy phép môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	27
CHƯƠNG V . KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	28
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải .....	28
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải .....	28
CHƯƠNG VI . CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	28
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải .....	28
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật .....	29
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm .....	30
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRAVE BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ .....	30
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....	31
PHỤ LỤC BÁO CÁO .....	32

**Chương I**  
**THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

**1. Tên chủ cơ sở:** CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD KHÁNH HOÀ

- Địa chỉ văn phòng: 194-196 Trần Quý Cáp, P. Phương Sài, TP Nha Trang, Khánh Hoà
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Văn Hoàng
- Điện thoại: 0913466050 ; Fax: ; ..... E-mail: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp: 4200570999 đăng ký đầu ngày 10/09/2004, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 21/05/2015; Cơ quan cấp: phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

**2. Tên cơ sở :** CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD KHÁNH HOÀ – XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI NINH HOÀ – TN25

- Địa điểm cơ sở: thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1064/QĐ-UB ngày 16/05/1997.
- Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại : Công ty đăng ký chung cho tất cả các Chi nhánh trực thuộc Công ty mã số QLCTNH : 56.000161.Tx .
- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm B – theo khoản 2, Điều 9, Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019.
- Tổng vốn đầu tư : **15.482.511.681 đồng.**

Được hình thành từ Quyết định số 1340/QĐ-UB ngày 09/07/1994 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt luận chứng Kinh tế kỹ thuật công trình “ Xí nghiệp gạch ngói Khánh Hoà “ với chủ đầu tư là Xí nghiệp gạch ngói Ninh Xuân. Sau đó sáp nhập với Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hoà, Công ty Đá Khánh Hoà và Công ty XNK Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà hình thành nên Công ty Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà – tiền thân của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà

Giấy phép xây dựng số 662 QH/XD ngày 29/09/1994 do Sở Xây dựng Khánh Hoà cấp .

**2.1. Các hạng mục của cơ sở được trình bày trong bảng sau :**

*Bảng 1.1. Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở*

TT	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Quy mô
1	Nhà chứa đất	M <sup>2</sup>	630
2	Nhà chứa than	M <sup>2</sup>	216
3	Nhà bao che lò nung Tuynen	M <sup>2</sup>	2.310
4	Nhà chế biến tạo hình	M <sup>2</sup>	378
5	Nhà phơi gạch mộc	M <sup>2</sup>	6.827
6	Văn phòng làm việc	M <sup>2</sup>	275

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

7	Đường nội bộ, bãi thành phẩm	M <sup>2</sup>	3.900
8	Cổng, tường rào bao che	M	600
9	Hệ thống cấp thoát nước tổng mặt bằng	M <sup>2</sup>	26.226
10	Điện, động lực chiếu sáng	Hệ thống	01
11	Ống khói lò nung sậy Tuynen	Hệ thống	01
12	Hệ thống móng máy	Hệ thống	01
13	Nhà cơ khí	M <sup>2</sup>	216
14	Nhà chứa sản phẩm mống	M <sup>2</sup>	4.848
15	Nhà để xe	M <sup>2</sup>	110

*Bảng 1.2. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất của cơ sở*

<b>TT</b>	<b>Tên máy móc thiết bị</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Quy mô</b>
1	Thiết bị chế biến tạo hình Tuynen	Hệ	25 triệu viên QTC/năm
2	Hệ Lò nung sậy Tuynen	Hệ	25 triệu viên QTC/năm
3	Hệ máy nhào lọc mở sàn cơ khí	Hệ	01
4	Máy đùn EVA 380	Cái	01
5	Máy cán mịn Φ 600x500	Cái	02
6	Máy cấp liệu thùng	Cái	01
7	Máy ép ngói	Cái	05
8	Xe ủi Komatsu D50P	Chiếc	02
9	Xe goòng	Chiếc	10
10	Máy phát điện	Cái	01
11	Máy nhào đùn Hữu Thịnh	Cái	01
12	Xe nâng hàng Komatsu 25 tấn	Chiếc	01
13	Xe nâng hàng Mitsubishi 2.5 tấn	Chiếc	04
14	Máy cán tách đá	Cái	01

**2.2. Vị trí của cơ sở :**

Chi nhánh Công ty Cổ phần VLXD Khánh Hoà – Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hoà – TN25 có tổng diện tích 35.991,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại KM6 Quốc lộ 26, thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà .

- Phía Bắc giáp Quốc lộ 26
- Phía Nam giáp Nghĩa địa xã Ninh Xuân
- Phía Đông giáp khu dân cư
- Phía Tây giáp khu dân cư



### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: Công suất thiết kế của cơ sở là 25 triệu viên gạch QTC/năm – hoạt động cho 02 ca sản xuất.

#### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở - Quy trình sản xuất :

- **Gia công nguyên liệu và tạo hình sản phẩm :**

Đất nguyên liệu được khai thác chở về nhà máy tập kết tại bãi chứa đất để ngâm ủ. Đất sét sau khi đã được ngâm ủ đủ thời gian phong hoá ít nhất từ 3-4 tháng mới đưa vào sản xuất .

Dùng máy ủi đưa đất từ nhà chứa xuống sàn máy cấp liệu thùng. Từ đây, nguyên liệu được cung cấp đều đặn cho máy nhào 2 trục qua băng tải cao su B600. Cùng với đất, than cao su hoặc than nhiệt điện ( tro bay ) cũng được cung cấp vào máy nhào qua băng tải than B500. Than trước khi đem pha được nghiền nhỏ (cỡ hạt  $\leq 2\text{mm}$ ), sàng lọc bỏ các tạp chất. Lượng than pha vào đất có thể từ 70-100% lượng than cần thiết để nung chín sản phẩm. Máy nhào 2 trục sẽ làm nhiệm vụ nhào trộn đều than và đất. Hỗn hợp đất than được pha thêm nước để đảm bảo độ ẩm tạo hình.

Khi ra khỏi máy nhào lọc, hỗn hợp nguyên nhiên liệu được băng tải đưa đến máy cán mịn 1. Tại đây, chúng được cán nhuyễn và theo băng tải đến máy nhào lọc mở sàng cơ khí. Một lần nữa hỗn hợp được nhào trộn triệt để hơn bảo đảm sự đồng nhất tỷ lệ đất/than cho mọi viên gạch sau khi tạo hình.

Máy nhào lọc mở sàng cơ khí sẽ cung cấp tiếp cho máy cán mịn 2 qua băng tải B600. Máy cán mịn 2 với khe hở giữa 2 trục hẹp hơn sẽ gia luyện, chà sát, phá vỡ cấu trúc của đất, tăng thêm độ liên kết và độ dẻo của đất.

Qua máy cán mịn, hỗn hợp đất than được rơi thẳng xuống máy nhào đùn liên hợp có hút chân không. Nhờ hai trục trong máy nhào đùn liên hợp, đất và than được nhào luyện lại đồng thời bổ sung thêm nước cho đủ độ ẩm tạo hình (nếu cần). Tiếp đến được cắt thành lát mỏng rơi xuống buồng chân không.

Qua buồng chân không, không khí được hút ra gần hết tạo cho đất có độ sít đặc, tăng mật độ, giảm sự biến dạng trong quá trình vận chuyển phơi sấy.

Sau đó qua máy đùn và được đẩy ra khỏi khuôn ép dưới dạng băng liên tục. Máy cắt tự động sẽ cắt các băng đất thành các viên gạch mộc có kích thước theo yêu cầu.

- **Phơi sấy gạch mộc:**

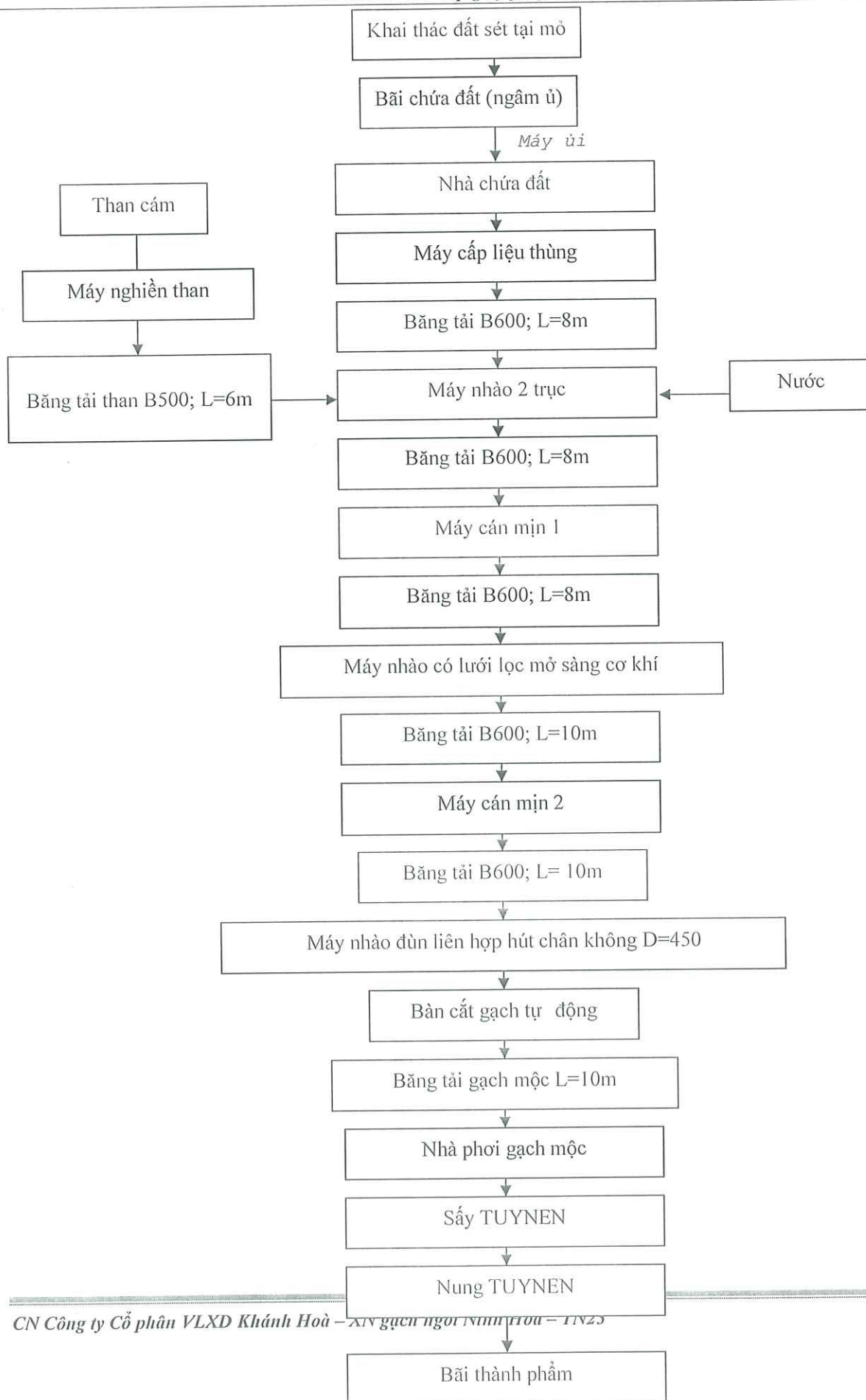
Gạch mộc được đưa ra cảng phơi bằng các xe bàn chuyên dùng, được xếp thành từng lô thẳng hàng, tận dụng tối đa diện tích nhà phơi nhưng phải bảo đảm thông thoáng. Gạch khi đạt độ ẩm 12-14% được tập kết vào khu vực riêng sau đó được xếp lên xe goòng (mỗi goòng từ 3.000 đến 3.500 viên) và đưa vào hầm sấy Tuynen nhờ hệ thống tời điện và kích đẩy thủy lực. Sản phẩm mộc được sấy đến độ ẩm  $\leq 6\%$  là có thể đưa vào nung.

- **Nung bằng lò Tuynen:**

Gạch mộc sau khi ra khỏi hầm sấy, được xe phà chuyển đến trước lò nung và đẩy vào lò nung bằng hệ thống kích thủy lực

Gạch sau khi được nung chín đưa ra khỏi lò nung, các xe goòng chứa gạch được vận chuyển đến vị trí ra lò, công nhân tiến hành dỡ xuống, phân loại và xếp ra bãi thành phẩm.

- **Sơ đồ quy trình sản xuất**



### 3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của Chi nhánh Công ty Cổ phần VLXD Khánh Hoà – Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hoà – TN25 là gạch rỗng đất; gạch đặc; ngói lợp các loại bằng đất sét nung. Công suất sản xuất là 25 triệu viên QTC/năm nhưng hiện tại nhu cầu thị trường giảm sút do suy thoái kinh tế nên từ năm 2022, 2023 công suất thực tế chỉ đạt 20-22 triệu viên QTC/năm.

### 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

#### 4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu

##### a. Nguyên liệu:

Nguyên liệu chính để sản xuất gạch là đất sét ở các xã Ninh Hưng, Ninh Quang được tận thu từ công tác cải tạo đồng ruộng từ nhu cầu của bà con nông dân nhằm chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất màu, gò hoang, ruộng 01 vụ sang ruộng lúa 02 vụ tưới tiêu bằng hệ thống mương tự chảy.

Nguồn nguyên liệu được tận thu từ việc cải tạo đồng ruộng theo Phương án cải tạo được UBND tỉnh Khánh Hoà phê duyệt nhằm chuyển đổi đất sản xuất 1 vụ sang sản xuất lúa 02 vụ tưới tiêu tự chủ đáp ứng nhu cầu của bà con cũng như phù hợp với quy hoạch chung tại địa phương – nơi có ruộng nằm trong Phương án cải tạo đồng ruộng được duyệt - *Đính kèm Quyết định phê duyệt cải tạo đồng ruộng tại Ninh Hưng năm 2020.*

\* Các chỉ tiêu lý, hoá của nguồn đất sét như sau:

- Thành phần hạt và chỉ số dẻo:

	Thành phần hạt (%) theo cấp đường kính mm						Chỉ số dẻo D
	> 1	1-0,25	0,25-0,05	0,05-0,01	0,01-0,005	< 0,005	
Giá trị mẫu NT1	1,3	3	33	14	7	44	22
Giá trị mẫu NT1	1,7	3,2	37	16	7	38	19
Giá trị TB	1,5	3,1	35	15	7	41	20,5

- Trị số trung bình của chỉ số dẻo: D = 20,5. Nằm trong khoảng đất sét thuộc loại dẻo ( $15 < D < 25$ ).
- Độ co không khí, độ co lửa – nhiệt độ kết khối – khoảng kết khối.

Giá trị	Co không khí	Co lửa	Độ co TP	Nhiệt độ kết khối	Khoảng kết khối
Cao nhất	4,3	5,5	9,0	1080 <sup>0</sup> C	-
Trung bình	4,0	4,5	8,8	1050 <sup>0</sup> C	280 <sup>0</sup> C
Thấp nhất	3,7	4,3	8,6	1000 <sup>0</sup> C	-

- Chỉ tiêu hoá của nguyên liệu:

Giá trị %	SiO <sub>2</sub>	Al <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	CaO	MgO	MKL	Na <sub>2</sub> O	K <sub>2</sub> O
Mẫu 1	53,33	25,02	6,06	1,52	0,06	11,05	0,48	1,35
Mẫu 2	57,42	21,25	6,22	1,68	0,60	9,73	0,52	1,75
T.Bình	55,37	23,13	6,14	1,6	0,6	10,39	0,5	1,55

Căn cứ vào giá trị hàm lượng các chất có trong đất sét cho thấy loại đất Nhà máy dùng thích hợp cho sản xuất gạch ngói.

Với công suất từ 20 đến 25 triệu viên/năm, khối lượng đất sét nguyên liệu hàng năm đưa vào chế biến từ  $36.000\text{m}^3 - 45.000\text{m}^3/\text{năm}$  ( đất sét rời )

**b. Nhiên liệu:**

- Nhiên liệu chính là than nhiệt điện và than cao su. Trong đó, than nhiệt điện ( tro bay ) dùng pha trộn trong gạch mộc được xếp tại ruột khối goòng, than cao su dùng pha trộn trong gạch mộc được xếp tại thành ngoài khối goòng và châm đốt trên nóc lò. Nhiệt lượng bình quân của than nhiệt điện : 1.690Kcal/kg; của than cao su : 4.500 – 6.000 Kcal/kg. Nhu cầu sử dụng hàng năm của Cơ sở khoảng 2.200 – 3.000 tấn.

Nguồn gốc than nhiệt điện ( tro bay ) : là phế thải phát sinh từ Nhà máy nhiệt điện của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắc Nông (DNI) do Công ty TNHH MTV Đặng Kiều ( ĐK ) đơn vị có chức năng mua thu gom cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu tái chế các sản phẩm khác. Trong đó, lượng tro bay có nhiệt lượng khoảng 2.000Kcal/kg Công ty TNHH MTV Đặng Kiều ( ĐK ) bán cho Công ty TNHH TM – DV Hưng Phát theo hình thức than xỉ nhiệt. Công ty Cổ phần VLXD Khánh Hoà mua lại tro, xỉ than nghiền này của Công ty TNHH TM – DV Hưng Phát để sản xuất gạch Tuynen ( pha trộn và đất theo tỷ lệ để tạo hình mộc ) – *Kèm các hợp đồng cung ứng*

- Ngoài ra hàng năm Nhà máy còn cần dùng khoảng 12 tấn dầu Diesel bôi trơn và dùng cho máy ủi đào đất sản xuất.

**4.2. Nhu cầu về điện, nước và các vật liệu khác**

- Nước dùng cho sản xuất được lấy từ giếng khoan, giếng đào đã có từ trước trong khu vực Cơ sở. Nước được bơm theo đường ống về bể chứa cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

+ Nhu cầu nước cho sản xuất:  $30\text{m}^3/\text{ngày}$ .

+ Nhu cầu nước cho sinh hoạt:  $1,5\text{m}^3/\text{ngày}$ .

- Nhu cầu tiêu thụ điện: Sử dụng trạm biến áp 560KVA cung cấp điện cho toàn bộ các thiết bị phục vụ sản xuất và điện chiếu sáng sinh hoạt. Nguồn điện lấy từ đường dây trung thế 22 KV chạy dọc phía trước nhà máy.

+ Nhu cầu điện dùng cho sản xuất bình quân :  $1.000.000\text{kw}/\text{năm}$

+ Nhu cầu điện dùng cho sinh hoạt bình quân :  $4.200\text{kw}/\text{năm}$

## Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:**

Dự án phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của tỉnh Khánh Hoà Về mặt chủ trương chung, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 15/2000 QĐ-BXD ngày 24/07/2000 và Thủ Tướng Chính Phủ có Quyết định số 155/QĐ-TTg ngày 01/08/2001 về việc xoá bỏ các lò gạch thủ công xung quanh các đô thị đến năm 2010 và trên phạm vi cả nước đến năm 2015.

Dự án phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường của tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Dự án Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hoà – TN25 được xây dựng trên quỹ đất phi nông nghiệp của thị xã Ninh Hoà, bàn giao cho Doanh nghiệp xây dựng Nhà máy từ năm 1994. Dự án này phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của thị xã Ninh Hoà đến năm 2030 theo Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của UBND tỉnh Khánh Hoà về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thị xã Ninh Hoà .

Thời hạn thuê đất của Dự án đến tháng 02/2025, Doanh nghiệp đang làm hồ sơ xin gia hạn quyền sử dụng đất thêm 20 năm, nhằm ổn định sản xuất của Nhà máy liên tục, đảm bảo công ăn việc làm gần 100 lao động tại địa phương đang làm việc tại Nhà máy.

### **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:**

Với đặc điểm hoạt động của cơ sở thì ảnh hưởng của cơ sở đến mạch nước ngầm là không đáng kể .

- Nước trong quá trình sản xuất dùng để ngâm ủ đất nguyên liệu cho nên nguồn nước thải hầu như không có. Nước thải của cơ sở chủ yếu là nước mưa .
- Nước thải sinh hoạt phát sinh với số lượng rất ít do người lao động làm việc tại cơ sở là người địa phương. Lượng nước thải này đã được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 05 ngăn được xây âm dưới lòng đất. Định kỳ 03 tháng 01 lần Công ty thuê đơn vị đến thu gom và xử lý .
- Nước thải từ quá trình phun ẩm khu vực lò nung, sân bãi, đường nội bộ được bốc hơi nên không phát sinh nước thải .
- Về nhiên liệu nung đốt : theo quy trình sản xuất trước đây, Doanh nghiệp sử dụng than cám 6 nhập từ Quảng Ninh về nung đốt sản phẩm nhưng nay do nguồn than này ngày càng khan hiếm, giá nhập cao, cung cấp không ổn định cũng như chất lượng ngày càng giảm, nên Doanh nghiệp tìm nguồn thay thế khác . Hưởng ứng Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 26/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ đẩy mạnh xử lý , sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các Nhà máy nhiệt điện, hoá chất phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong công trình xây dựng. Tháng 08/2022, Công ty triển khai các Xí nghiệp sản xuất gạch Tuynen sử dụng thử nghiệm tro bay – xỉ than nhiệt

điện mua từ Đồng Nai, pha trộn trong sản phẩm mộc ( sản phẩm chưa nung đốt ) ; đến năm 2023, sau khi xác định được nhiệt lượng của loại tro bay cần dùng cũng như quy trình sản xuất đã ổn định, các Xí nghiệp chính thức sử dụng tro bay từ nguồn cung cấp ổn định .

- Nguồn gốc tro bay : là phế thải phát sinh từ Nhà máy nhiệt điện của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắc Nông (DNI ) do Công ty TNHH MTV Đặng Kiều ( ĐK ) đơn vị có chức năng mua thu gom cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu tái chế các sản phẩm khác. Trong đó, lượng tro bay có nhiệt lượng khoảng 2.000Kcal/kg Công ty TNHH MTV Đặng Kiều( ĐK ) bán cho Công ty TNHH TM – DV Hưng Phát theo hình thức than xỉ nhiệt. Công ty Cổ phần VLXD Khánh Hoà mua lại tro, xỉ than nghiên này của Công ty TNHH TM – DV Hưng Phát để sản xuất gạch Tuynen ( pha trộn và đất theo tỷ lệ để tạo hình mộc ).
- Tro bay là phế thải tận thu từ các Nhà máy nhiệt điện nên quá trình nhập kho sẽ phát sinh bụi phát tán xung quanh Nhà máy. Để khống chế tình trạng này, khu vực kho sẽ bố trí bạt phủ, tưới nước chống bụi phát tán trong quá trình nhập kho cũng như đưa lên băng tải pha trộn đất trong sản xuất.
- Đối với than cao su : có mùi hôi đặc trưng nên nhà cung cấp phải xử lý mùi hôi mới được nhập kho; kho chứa được che kín hoàn toàn, loại than này dùng tra trên nóc lò nên lượng nhập không đáng kể, chiếm 10-15% nhu cầu sử dụng của Nhà máy.

Bên cạnh đó, các nội dung đã được đánh giá trong qua trình thực hiện đánh giá tác động môi trường trước đây theo Quyết định số 1064/QĐ-UB ngày 16/05/1997 không thay đổi.

### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

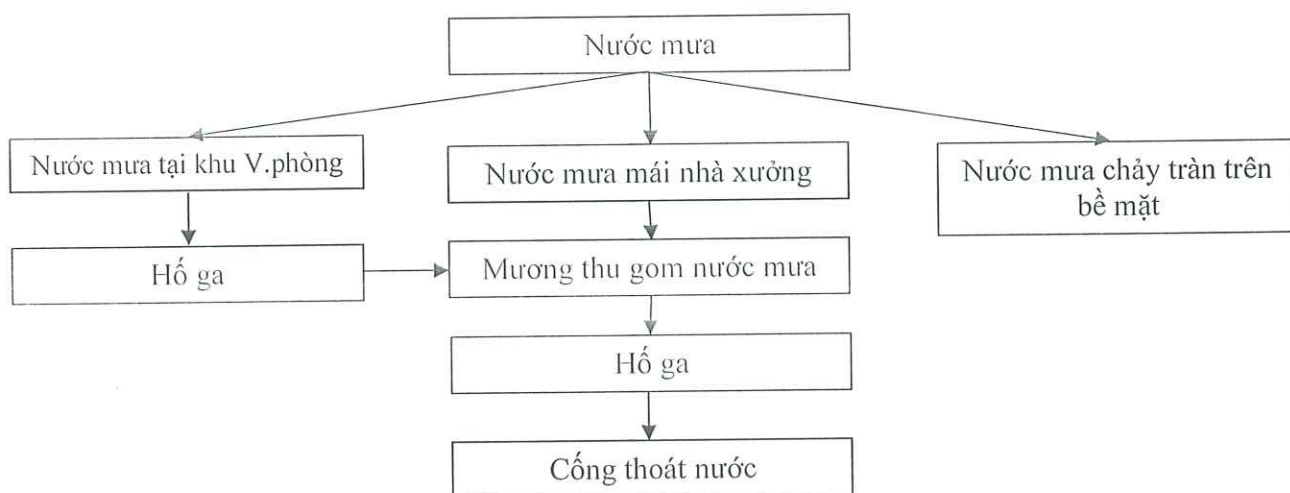
Lưu lượng nước mưa chảy tràn trung bình trên vùng diện tích của Xí nghiệp khoảng 270l/s ( đối với mưa lớn ) . Nước mưa chảy tràn sẽ cuốn theo đất cát, rác, dầu mỡ và các tạp chất rơi vãi trên mặt đất .Nếu lượng nước mưa này không quản lý tốt cũng sẽ gây tác động tiêu cực đến nguồn nước mặt, nước ngầm và đời sống thủy sinh trong khu vực . Ước tính nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn như sau :

- Tổng nitơ ( N )	:	0,5 – 1,5 mg/l
- Photpho ( P )	:	0,004 – 0,03 mg/l
- Nhu cầu oxy hóa học (COD)	:	10 – 20 mg/l
- Chất rắn lơ lửng ( SS )	:	10 – 20 mg/l

So với nguồn chất thải khác, nước mưa chảy tràn khá sạch. Hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải. Hệ thống thu gom nước mưa bao gồm thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng; nước mưa chảy tràn trên sân bãi thành phẩm, đường nội bộ trong cơ sở . Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng như sau :

+ Nước mưa trên mái nhà xưởng, văn phòng và các công trình khác ... được thu gom theo các đường ống BTCT  $\Phi 300$ ,  $\Phi 400$  dẫn về mương thoát nước mưa được xây dựng bằng BTCT có tấm đan che dầy. Ống đầu nối trực tiếp với mương thoát nước trên bề mặt đường nội bộ .

+ Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng hệ thống mương thoát nước BTCT rộng 0.3-0.4m, bố trí trên tổng mặt bằng nhà xưởng  $\rightarrow$  bể gom ( dung tích  $3m^3$ )  $\rightarrow$  lưới chắn rác để giữ lại các cặn rác có kích thước lớn  $\rightarrow$  bể lắng ( dung tích  $4,5m^3$ )  $\rightarrow$  bể thu nước thải sau lắng ( dung tích  $2m^3$ ), sau đó thải thẳng ra môi trường sau khi qua hệ thống hố ga .



## 1.2. Thu gom, thoát nước thải:

**Nước thải sinh hoạt** : Thành phần chủ yếu các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt bao gồm : các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ ( BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N,P) và vi sinh .

Lưu lượng nước thải : Người lao động làm việc tại Xí nghiệp chủ yếu là người địa phương, chế độ làm việc theo ca, hết giờ làm việc về nhà tắm rửa nên nhu cầu dùng nước của CBCNV trong Xí nghiệp nhỏ hơn so với nhu cầu sinh hoạt thực tế tại gia đình của người dân trong vùng .

Tổng số CBCNV bình quân tại Xí nghiệp : 65 người . Nhu cầu dùng nước trung bình của 1 người là 20 lít/ngày đêm nên lượng nước thải của 1 người bằng 80% lượng nước cấp ( 16lít/ngày đêm) . Như vậy, lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Xí nghiệp : 65người x 16 lít = 1.040 lít/ngày đêm ( tương ứng  $1,04m^3$ /ngày đêm) .

Tải lượng nước thải sinh hoạt : Dựa vào hệ số ô nhiễm do mỗi người hàng ngày sinh hoạt đưa vào môi trường ( chưa xử lý ) do Tổ chức Y Tế Thế Giới thiết lập có thể dự báo tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ nước thải sinh hoạt của người lao động tại Xí nghiệp như sau :

**Tải lượng các chất ô nhiễm sinh ra từ nước thải sinh hoạt ( chưa qua xử lý )**

Stt	Chất ô nhiễm	Khối lượng (g/người/ngày)	Tải lượng (kg/ngày)
1	BOD <sub>5</sub>	45 – 54	2,93 – 3,51
2	COD	72 – 102	4,68 – 6,63
3	SS	70 – 145	4,55 – 9,42
4	Dầu mỡ phi khoáng	10 – 30	0,65 – 1,95
5	Tổng N	6 – 12	0,39 – 0,78
6	N-NH <sub>4</sub>	2,4 – 4,8	0,16 – 0,31
7	Tổng P	0,8 – 4,0	0,05 – 0,26

Do thời gian làm việc của Xí nghiệp là 01 ca ( 8giờ ) nên tải lượng ô nhiễm ước tính khoảng 1/3 so với kết quả tính toán .

Nồng độ nước thải : Nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt được tính toán dựa trên tải lượng ô nhiễm, lưu lượng nước thải và hiệu suất xử lý của bể tự hoại .

**Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt**

Stt	Chất ô nhiễm	Nồng độ các chất ô nhiễm ( mg/l )		
		Không qua xử lý	Xử lý bằng bể tự hoại	QCVN 40:2010/BTNMT
1	BOD <sub>5</sub>	450 – 540	117 - 140	60
2	COD ( dicronate )	720 – 1020	188 – 266	-
3	SS ( chất rắn lơ lửng )	700 – 1450	182 – 378	120
4	Dầu mỡ phi khoáng	100 – 300	26 – 78	24
5	Tổng ni tơ ( N )	60 – 120	15,7 – 31,2	-
6	Amoni ( N-NH <sub>4</sub> )	24 – 48	6,25 – 12, 25	-
7	Tổng photpho ( P )	8 – 40	2,09 – 10, 46	-

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt đã qua xử lý bằng bể tự hoại với Quy chuẩn cho thấy : nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại hầu hết các thông số tương đối đạt Quy chuẩn cho phép; nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại và sẽ được thu gom định kỳ 03 tháng 01 lần tự các đơn vị có chức năng do Cơ sở thuê để thực hiện .

Nước thải sản xuất : không phát sinh

Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh:

Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh:

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt : nước thải từ nhà vệ sinh Xí nghiệp được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại với dung tích 05m<sup>3</sup>/bể ( Xí nghiệp có 09 bể tự hoại cho 12 nhà vệ sinh), sau đó hàng năm thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý ( *Đính kèm bản vẽ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt* )

- Đối với việc kiểm soát chất lượng của nước thải sinh hoạt : hiện tại nước thải sinh hoạt được xử lý thông qua bể tự hoại 05 ngăn; sau khi xử lý nước sẽ được thu gom, xử lý nên việc lấy mẫu kiểm soát không thể thực hiện được ; đề nghị không kiểm soát chỉ tiêu này .

## 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải :

### 2.1. Bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển ( vận chuyển sản phẩm và nguyên liệu)

2.1.1. Bụi phát sinh từ quá trình nhập than nhiệt điện ( tro bay ) : Bình quân mỗi tháng, Cơ sở nhập khoảng 400-500 tấn. Mặc dù kho đã được phủ kín bạt nhưng quá trình bốc dỡ từ xe xuống kho vẫn phát tán bụi ra không khí xung quanh. Để hạn chế vấn đề này, lượng than chủ yếu nhập đầy kho vào mùa mưa, hạn chế số lượng phải nhập vào mùa khô; trong quá trình nhập kho, bộ phận kho sẽ phun sương xung quanh kho tránh phát tán bụi tro ra xung quanh Cơ sở .

2.1.2. Bụi phát sinh từ quá trình nhập kho đất nguyên liệu : Tùy theo điều kiện chất lượng đường xá, phương thức bốc dỡ và tập kết nguyên liệu, sản phẩm mà ô nhiễm phát sinh nhiều hay ít . Nồng độ bụi sẽ tăng cao trong những ngày khô, nắng gió. Bụi do nguyên liệu rơi vãi từ các bãi chứa cuốn theo gió phát tán vào không khí gây nên ô nhiễm cho các khu vực xung quanh . Một thực tế khách quan là ô nhiễm bụi trên đường vận chuyển và tập kết nguyên liệu rất phổ biến ở các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng . Thông thường giá trị hàm lượng bụi lơ lửng đo tại khu vực bãi chứa nguyên liệu thường cao hơn tiêu chuẩn không khí xung quanh nhiều lần ( QCVN 26:2010/BTNMT quy định bụi  $0,3\text{mg}/\text{m}^3$  ).

Khối lượng sét toi nguyên liệu cung ứng cho Xí nghiệp hoạt động bình quân khoảng  $45.000\text{m}^3/\text{năm}$  ; với tỷ trọng đất sét là :  $1,3\text{ tấn}/\text{m}^3$  như vậy lượng sét sử dụng trong một năm là 58.500 tấn tương đương 160 tấn đất sét/ngày .Khối lượng sản phẩm bình quân của Xí nghiệp là 25 triệu viên/ năm ; trong lượng trung bình của mỗi viên gạch là 1,4kg . Tổng khối lượng sản phẩm của Nhà máy ước tính : 35.000 tấn/năm tương đương 95,9 tấn/ngày .

T toàn bộ sản phẩm và nguyên liệu của Xí nghiệp được vận chuyển bằng xe tải có tải trọng 15 tấn dùng dầu diesel ( hàm lượng lưu huỳnh 0,05% ) . Như vậy số lượng xe ra vào Xí nghiệp khoảng 15 lượt/ngày .Quãng đường vận chuyển trung bình cho 01 lượt xe là 6km ( khoảng cách từ Xí nghiệp đến vùng nguyên liệu . Trên cơ sở đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế Thế giới ( WHO ) thiết lập đối với loại xe tải sử dụng dầu DO có tải trọng từ 3,5 – 16 tấn thì tổng tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện vận chuyển đất thi công được ước tính :

**Tải lượng các chất ô nhiễm trong không khí**

Stt	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/1000km)	Tổng chiều dài tính toán (1000km/ngày )	Tải lượng trung bình ngày ( kg/ngày )
1	Bụi	0,9	0,252	0,23
2	SO <sub>2</sub>	4,15 S	0,252	0,052
3	NO <sub>x</sub>	14,4	0,252	3,63
4	CO	2,9	0,252	0,73
5	HC	0,8	0,252	0,20

Ghi chú : S là hàm lượng lưu huỳnh ( % ) trong dầu DO ; với S = 0,05

2.2. Khí thải HF từ đất sét nung :

Trong đất sét làm gạch ngói có chứa chất florua, khi nung nóng ở nhiệt độ cao ( nhiệt độ nung trong lò tuynen từ 980 – 1200<sup>0</sup>C ) sinh ra khí HF, SO<sub>2</sub> , NO<sub>2</sub>,...Khí HF là một tác nhân ô nhiễm quan trọng , HF tan vô hạn trong nước tạo axid HF có nhiều tác hại đến cây trồng và vật nuôi , đặc biệt là đối với sức khỏe con người .

Đa số cây ăn quả rất nhạy với HF , khi tiếp xúc với nồng độ HF lớn hơn 0,002mg/m<sup>3</sup> thì lá cây bị cháy đốm, tổn thương nặng dẫn đến rụng lá . ( ngoại trừ một số cây là cà chua, hướng dương, măng tre,lúa ) . Không khí bị ô nhiễm bởi HF và các hợp chất của florua gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống sinh vật và sức khỏe con người . Các hợp chất florua gây ra bệnh fluorosis trên hệ xương và răng; khí HF gây kích thích da, mắt , niêm mạc, xung huyết mũi và xoang, phù phổi, tổn thương thần kinh ...

Theo kết quả phân tích chất lượng đất sét đưa vào sản xuất và tham khảo một số tài liệu khác về hàm lượng F<sup>-</sup> trong đất sét dao động trong khoảng 166 – 175 g/tấn . Từ nhu cầu thực tế cho sản xuất là 45.000m<sup>3</sup> đất sét/năm , với tỷ trọng của đất sét là 1,3tấn/m<sup>3</sup>, như vậy lượng đất sét sử dụng trong một năm là 58.500 tấn tương đương 58.500 tấn/năm x 170g/tấn = 9,945tấn (F<sup>-</sup>)/năm . Theo nghiên cứu thực tế của Viện Kỹ thuật Nhiệt đới và Bảo vệ môi trường thực tế chỉ 42% hàm lượng F<sup>-</sup> trong đất chuyển thành dạng khí HF trong quá trình nung . Do đó lượng khí HF phát sinh trong quá trình sản xuất tại Xí nghiệp là 9,945 tấn/năm x 42% = 4,17tấn/năm tương ứng 11,42kg/ngày hay 0,13g/s .

2.3. Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu :

Nhiên liệu Xí nghiệp sử dụng để nung đốt sản phẩm là than nhiệt điện có nhiệt lượng khoảng 1.690Kcal/kg ( pha trong mộc ) và than cao su có nhiệt lượng từ 4.500 - 6.000Kcal/kg ( tra trên nóc goòng). Căn cứ theo định mức, với công suất 25 triệu viên/năm thì sản lượng than cần dùng trong năm là 2.850 – 3.000tấn /năm . Số ngày hoạt động của lò nung Tuynen là 330 ngày như vậy nhiên liệu tiêu hao 0,38tấn/h.

Dựa vào hệ số ô nhiễm của Tổ chức Y tế Thế giới và công suất bình quân của Xí nghiệp , có thể ước tính tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải của lò nung Tuynen như sau :

Tải lượng ô nhiễm khí thải đối với lò đốt

Chất ô nhiễm	Hệ số Kg/tấn gạch	Tải lượng	
		Kg/h	g/s
Bụi	0,34A	2,61	0,73
SO <sub>2</sub>	3,65S	2,45	0,68
NO <sub>x</sub>	0,0073	0,70	0,19
CO	0,0071	0,68	0,19
HF	-	0,47	0,13

Ghi chú : - S là % khối lượng lưu hìynh trong than cao su ( S = 0,7% )  
- A là % tro chử trong than cao su ( A = 8% )

Để tính nồng độ các chất ô nhiễm có trong khí thải lò đốt dùng nhiên liệu than cao su , chúng tôi tính toán lưu lượng khí thải bằng công thức sau :

**Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường**

$$L = B \times [ V_0^{20} + (\alpha - 1) V_0 ] \times (273 + t) / 273$$

Trong đó :  
 - B : là lượng than đốt trong 1 giờ = 0,38 tấn = 380kg  
 -  $V_0^{20}$  : khối sinh ra khi đốt 1kg than, lấy bằng 7,5m<sup>3</sup>/kg  
 -  $\alpha$  : là hệ số dư khí, lấy  $\alpha = 1,3$   
 -  $V_0$  : lượng không khí cần để đốt 1kg than, lấy bằng 7,1m<sup>3</sup>/kg  
 - t : nhiệt độ khói thải, lấy t = 200<sup>0</sup>C

$$L = 380\text{kg/h} \times [ 7,5\text{m}^3/\text{kg} + (1,3 - 1) \cdot 7,1\text{m}^3/\text{kg} ] \times (273 + 200) / 273$$

$$= 6.340\text{m}^3/\text{h} \text{ tương đương } 1,76\text{m}^3/\text{s}.$$

Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải được xác định như sau :

Chất ô nhiễm	Nồng độ tính ở điều kiện thực (mg/m <sup>3</sup> )	Nồng độ tính ở điều kiện tiêu chuẩn ( mg/Nm <sup>3</sup> )	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B (mg/m <sup>3</sup> ) KV = 1,2 ; Kp = 1
Bụi	348,56	-	200
SO <sub>2</sub>	326,73	565,25	500
NO <sub>2</sub>	93,37	161,53	850
CO	90,92	157,30	1000
HF	63,05	109,08	20

Ghi chú : - Nm<sup>3</sup> : thể tích khí quy về điều kiện tiêu chuẩn .

- TCVN QCVN 19:2009/BTNMT –Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ .

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải lò nung đốt tuynen với tiêu chuẩn khí thải QCVN 19:2009/BTNMT cho thấy : các chỉ tiêu ô nhiễm hầu hết đều nằm trong quy chuẩn cho phép; riêng Bụi theo tính toán vượt 1,5 lần và lượng HF cao hơn gấp 3 lần. Hai chỉ tiêu này sau khi qua hệ thống xử lý khí thải bằng nước vôi trong ống khói sẽ giảm bớt nồng độ HF cũng như bụi tổng thải ra không khí qua ống khói cao 25m.

**2.4. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng :**

Để ổn định điện cho hoạt động sản xuất, tại Xí nghiệp có sử dụng 01 máy phát điện công suất 150KvA . Khi chạy máy phát điện, mức tiêu thụ nhiên liệu khoảng 30kg dầu DO/h .

Dựa trên các hệ số tải lượng của Tổ chức T Tế Thế giới ( WHO ) có thể tính tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải của máy phát điện dự phòng như sau :

Chất ô nhiễm	Hệ số ( kg/tấn )	Tải lượng	
		Kg/h	Mg/s
Bụi	0,71	0,021	5,83
SO <sub>2</sub>	20S	0,003	0,833
NO <sub>x</sub>	9,62	0,289	80,28
CO	2,19	0,066	18,33

Thông thường quá trình đốt nhiên liệu lượng khí dư là 30% . Khi nhiệt độ khí thải là 200<sup>0</sup>C thì lượng khí thải khi đốt cháy 1kg dầu DO là 38m<sup>3</sup> . Với định mức 30kg dầu DO/h đối

với máy phát điện dự phòng thì lưu lượng khí thải là  $0,32\text{m}^3/\text{s}$  .

Dựa vào lưu lượng khí thải ( $\text{m}^3/\text{s}$ ) và tải lượng (g/s) ở trên ta có thể tính nồng độ của khí thải như sau :

Chất ô nhiễm	Nồng độ ( $\text{mg}/\text{m}^3$ )	Nồng độ ( $\text{mg}/\text{Nm}^3$ )	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B ( $\text{mg}/\text{m}^3$ ) KV = 1,2 ; Kp = 1
Bụi	18,2	-	240
SO <sub>2</sub>	2,6	4,5	600
NO <sub>2</sub>	250,8	434,54	696
CO	57,3	99,28	1200

Ghi chú : - Nm<sup>3</sup> : Thể tích khí quy về điều kiện tiêu chuẩn .

- TCVN QCVN 19:2009/BTNMT –Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ .

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải của máy phát điện với tiêu chuẩn khí thải ( QCVN 19:2009/BTNMT) cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép .

#### 2.6. Các biện pháp xử lý khí thải :

- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy .

- Tại khu vực bốc xếp sản phẩm đã lắp đặt thiết bị lọc bụi tay áo di động nhưng vẫn chưa giảm được lượng bụi phát sinh lơ lửng trong không khí . Công ty đã đầu tư hệ thống phun sương nên lượng bụi lơ lửng giảm thiểu đáng kể, kết quả kiểm soát mẫu đạt tiêu chuẩn cho phép .

- Trong quá trình vận chuyển nguyên liệu, Công ty gia cố , tưới nước đường đi nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển, tập kết nguyên liệu . Tại bãi tập kết đất, thường xuyên tưới nước ngâm ủ, đảm bảo độ ẩm của đất khi đưa vào sản xuất giảm lượng bụi phát sinh trong mùa nắng gió . Tại Nhà chứa than xây tường chắn hướng gió, phun sương than tạo độ ẩm trước khi xây đê giảm thiểu bụi phát sinh . Ngoài ra, đối với các đầu xe vận chuyển áp dụng các biện pháp khống chế :

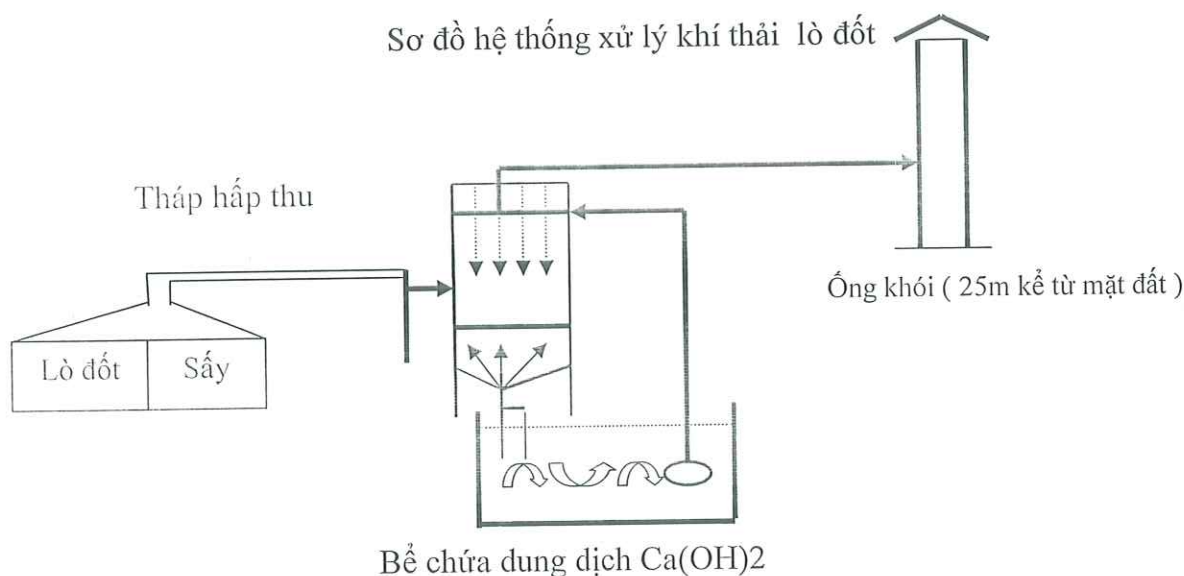
+ Tất cả các phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng có giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường .

+ Điều phối xe vận chuyển hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông tại cơ sở trong cùng một thời điểm.

+ Xe chở đất cũng như gạch ngói được che đậy bằng bạt kín đảm bảo không vương vãi, phát sinh bụi trong quá trình di chuyển

- Sử dụng hệ thống quạt hút và ống khói cao 25 mét để phân tán khói lò. Do đặc điểm cấu tạo và nguyên lý làm việc của Lò nung Tuynen, quá trình cháy trong lò diễn ra ở môi trường oxy hóa triệt để . Hệ số dư không khí từ 1,5-2 lần, làm cho hàm lượng CO được chuyển hóa thành CO<sub>2</sub> , toàn bộ khói lò sau khi nung được phục vụ cho quá trình sấy. Điều đó đồng nghĩa với việc giảm phần lớn nồng độ bụi độc hại phát tán ra môi trường . Để giảm thiểu tác

động của khói lò tới môi trường lân cận, đơn vị đã lắp đặt thêm hệ thống xử lý thải trước khi phát thải ra bên ngoài.



- Hệ thống dẫn khí thải lò nung được lắp đặt bằng quạt hút có công suất lớn ( quạt hút 12 ) đưa khí nóng từ lò nung sang hầm sấy, tận dụng nhiệt lượng sấy khô sản phẩm mộc nhằm làm giảm nhiệt lượng trong khí thải, đồng thời trong quá trình sấy sản phẩm mộc, một lượng hơi nước tỏa ra làm dung hòa và giảm đi một phần lượng chất ô nhiễm trong khí thải trước khi phát tán ra bên ngoài . Sau khi luồng khí thải qua hầm sấy, dùng quạt hút có công suất lớn ( quạt số 14 ) đưa khí thải vào ống khói xây bằng gạch có đường kính 3m, cao 25m. Với chiều cao này, khí thải thoát ra bên ngoài được các luồng gió làm phát tán nhanh trên không trung, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh Xí nghiệp .

- Về kiểm soát và khống chế mức độ ô nhiễm môi trường : Hàng năm, Công ty ký hợp đồng với Trung tâm kiểm soát ô nhiễm môi trường Khánh Hoà kiểm soát các chỉ tiêu về tiếng ồn, bụi, không khí xung quanh và khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất thoát ra từ ống khói với tần suất 01 quý/lần nhằm kiểm soát và khống chế mức độ ô nhiễm của không khí. Riêng việc kiểm soát và khống chế nồng độ HF trong khí thải lò nung là việc làm rất khó mà đến nay Công ty chưa thể thực hiện được . Nồng độ HF cao hay thấp phụ thuộc vào chất lượng đất sét đưa vào sản xuất nên Công ty không có biện pháp nào để khống chế .

### 3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn phát sinh tại cơ sở bao gồm chất thải rắn phát sinh trong quá trình sản xuất và chất thải rắn sinh hoạt .

#### 3.1. Chất thải rắn sản xuất :

Chất thải rắn trong sản xuất là gạch vỡ trong quá trình xếp dỡ , phân loại , bốc xếp sản phẩm đi tiêu thụ, là các vật liệu trợ trong quá trình sản xuất như xỉ lò .Khối lượng phát sinh khoảng 1,5% công suất sản xuất khoảng 1,4tấn/ngày đêm . Đối với loại chất thải này, Xí nghiệp tận dụng 30% để nghiền thành sa một phối trộn vào đất nhằm giảm độ co , phần còn lại tận dụng san lấp mặt bằng trong khu vực Xí nghiệp .

### 3.2. Chất thải rắn sinh hoạt :

Chất thải rắn sinh hoạt của CBCNV làm việc trong Xí nghiệp bao gồm : hộp giấy, bao nilon, giấy vụn, thủy tinh, thức ăn thừa ... Với số lao động bình quân tại Xí nghiệp 65 người; trung bình lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,1-0,3kg/người/ngày . Vậy, tổng lượng chất thải phát sinh bình quân khoảng 6,5kg – 19,5kg/ngày. Tại các tổ sản xuất cũng như khu vực Văn phòng, bố trí các thùng rác để thu gom chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày và tập kết tại vị trí trước cổng để Đơn vị thu gom rác thải tại địa phương vận chuyển đi xử lý theo quy định.

### 3.3. Thống kê chất thải rắn thông thường phát sinh bình quân hàng năm

#### • Chất thải rắn sinh hoạt

TT	CTRS	Khối lượng năm 2022(kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRS	Khối lượng năm 2021 (kg)
1	Rác thải sinh hoạt	393	Công ty Vệ sinh Môi trường Ninh Hoà	281
	<b>Tổng cộng</b>	<b>393</b>		<b>281</b>

#### • Chất thải rắn sản xuất

TT	CTRS	Khối lượng năm 2022(tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRS	Khối lượng năm 2021 (tấn)
1	Chất thải phải xử lý : Gạch vỡ + xỉ than phải xử lý	475,25	San lấp mặt bằng bãi chứa thành phẩm	272,66

### 4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất chủ yếu là cặn dầu nhớt bôi trơn được thay thế từ quá trình bảo trì máy móc thiết bị ; giẻ lau dính dầu trong quá trình sửa chữa bảo dưỡng; bình ắc quy hỏng thay ra từ máy ủi ; bóng đèn huỳnh quang hỏng . Tải lượng chất thải này không lớn, ước tính khoảng 0,1-0,2kg/ngày . Đây là chất thải độc hại, nhưng do tải lượng không lớn và nguồn phát sinh tập trung nên Công ty thu gom, phân loại theo mã quy định và tập kết tại kho chứa riêng biệt chờ xử lý chung cùng các đơn vị khác thuộc Công ty . Do số lượng phát sinh quá ít nên từ trước đến nay lượng rác thải nguy hại vẫn lưu kho, chưa xử lý lần nào.

#### • Thống kê chất thải nguy hại phát sinh hàng năm :

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2022 (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2021(kg)
Giẻ lau	18 02 01	3,6	Tập kết tại kho chờ xử lý		2,6
Nhớt thải	17 02 03	84	Sử dụng cho xe goòng		60
Bóng neon huỳnh quang	16 01 06	0,3	Tập kết tại kho chờ xử lý		0,2
<b>Tổng số lượng</b>		<b>87,9</b>			<b>62,8</b>

- **Chất thải nguy hại được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở :**

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương thức tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH
Nhớt thải	17 02 03	84	Châm bánh xe goòng xếp sản phẩm vào nung
<b>Tổng số lượng</b>		<b>84</b>	

Toàn bộ rác thải nguy hại còn lại, cơ sở thu gom và lưu trữ tại kho chất thải nguy hại có diện tích 25m<sup>2</sup> và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý .

#### 5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung :

Tiếng ồn và độ rung cũng là nguồn ô nhiễm không khí khá quan trọng và có thể gây ra các ảnh hưởng xấu đến môi trường và sức khỏe của người lao động trực tiếp làm việc trong Xí nghiệp , khu vực dân cư xung quanh Xí nghiệp . Nguồn phát sinh ra tiếng ồn và độ rung từ việc vận hành máy móc thiết bị trong sản xuất . Tiêu chuẩn tiếng ồn trong khu dân cư là 60dB(A) vào ban ngày và 45-50dB(A) vào ban đêm ; trong khu vực sản xuất là 90dB(A) . Để khống chế tiếng ồn và độ rung tkhi vận hành máy móc thiết bị , Công ty đã thực hiện các biện pháp sau :

- Gia cố hệ thống móng máy, giảm thiểu độ rung khi vận hành .
- Lắp thiết bị giảm âm cho các máy có độ ồn cao .
- Lắp đệm chống rung cho máy nén khí, máy cán, máy chà, chân quạt ... chống mất cân bằng động gây ra ồn cao .
- Có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy móc thiết bị , thường xuyên bảo đảm độ bôi trơn khi máy móc vận hành nhằm giảm thiểu tiếng ồn .
- Trang bị bảo hộ lao động cho CBNCV làm việc trong khu vực như phon tai, quần áo, găng tay, khẩu trang, giày bảo hộ, kính chống bụi ... nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn cũng như các nguồn tác động khác đến sức khỏe người lao động .

#### 6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

##### 6.1. Biện pháp phòng chống cháy nổ :

###### \* Phòng ngừa :

- Bố trí các vị trí đặt bình chữa cháy ở những nơi dễ xảy ra sự cố. Bố trí trụ nước cứu hoả tại các khu vực dễ lấy khi có sự cố cháy nổ xảy ra .
- Thiết lập các thiết bị và phương tiện chữa cháy hiệu quả. Tiến hành kiểm tra và sửa chữa định kỳ các hệ thống có thể gây cháy nổ; tổ chức luyện tập thường xuyên và hướng dẫn sử dụng các phương tiện PCCC nhằm hạn chế thiệt hại xảy ra khi có sự cố .
- Tuyên truyền, giao dục ý thức phòng chống cháy nổ cho người lao động, đặc biệt vào những tháng hè nắng nóng . Không hút thuốc lá và hoạt động phát sinh tia lửa điện tại các khu vực cấm, khu vực đặt bình ga .
- Đã thành lập đội PCCC bao gồm tổ chữa cháy, cứu thương và vận chuyển chăm ứng

phó khi có tình huống cháy nổ xảy ra. Đội PCCC sẽ được thường xuyên huấn luyện, diễn tập theo phương án PCCC được phê duyệt.

**\* Ứng phó sự cố cháy nổ :**

- Đội quản lý cơ sở phải thật bình tĩnh giải quyết tình huống; điện thoại số 114 để báo cho đội chữa cháy đến. Ngắt điện cô lập khu vực có khả năng cháy để tránh ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh. Có phương án di tản người đang có mặt tại cơ sở thật hợp lý, tránh trường hợp quá hỗn loạn, giẫm đạp lên nhau sẽ làm tình trạng tồi tệ hơn. Phải biết sử dụng và kích hoạt hệ thống chữa cháy cầm tay cũng như hệ thống chữa cháy tự động.

**\* Kế hoạch ứng phó sự cố**

Giai đoạn của cơ sở	Loại sự cố có thể xảy ra	Biện pháp ứng phó	Trách nhiệm thực hiện
Vận hành	Sự cố cháy nổ	- Các MMTB làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao có hồ sơ theo dõi và kiểm định theo định kỳ - Nhiên liệu dễ cháy có kho tập kết riêng, thuận tiện cho việc chữa cháy khi có sự cố. - Các họng nước chữa cháy được bố trí đều khắp phạm vi Xí nghiệp. Phương tiện chữa cháy luôn kiểm tra thường xuyên đảm bảo trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.	Công ty và Xí nghiệp phối hợp thực hiện
	Sự cố sấm sét	- Lắp đặt hệ thống chống sét tại vị trí cao nhất trên mái nhà xưởng. - Lắp đặt hệ thống chống sét chung cho toàn bộ Xí nghiệp - Các thiết bị của hệ thống chống sét phải đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.	Công ty và Xí nghiệp phối hợp thực hiện

**6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải :**

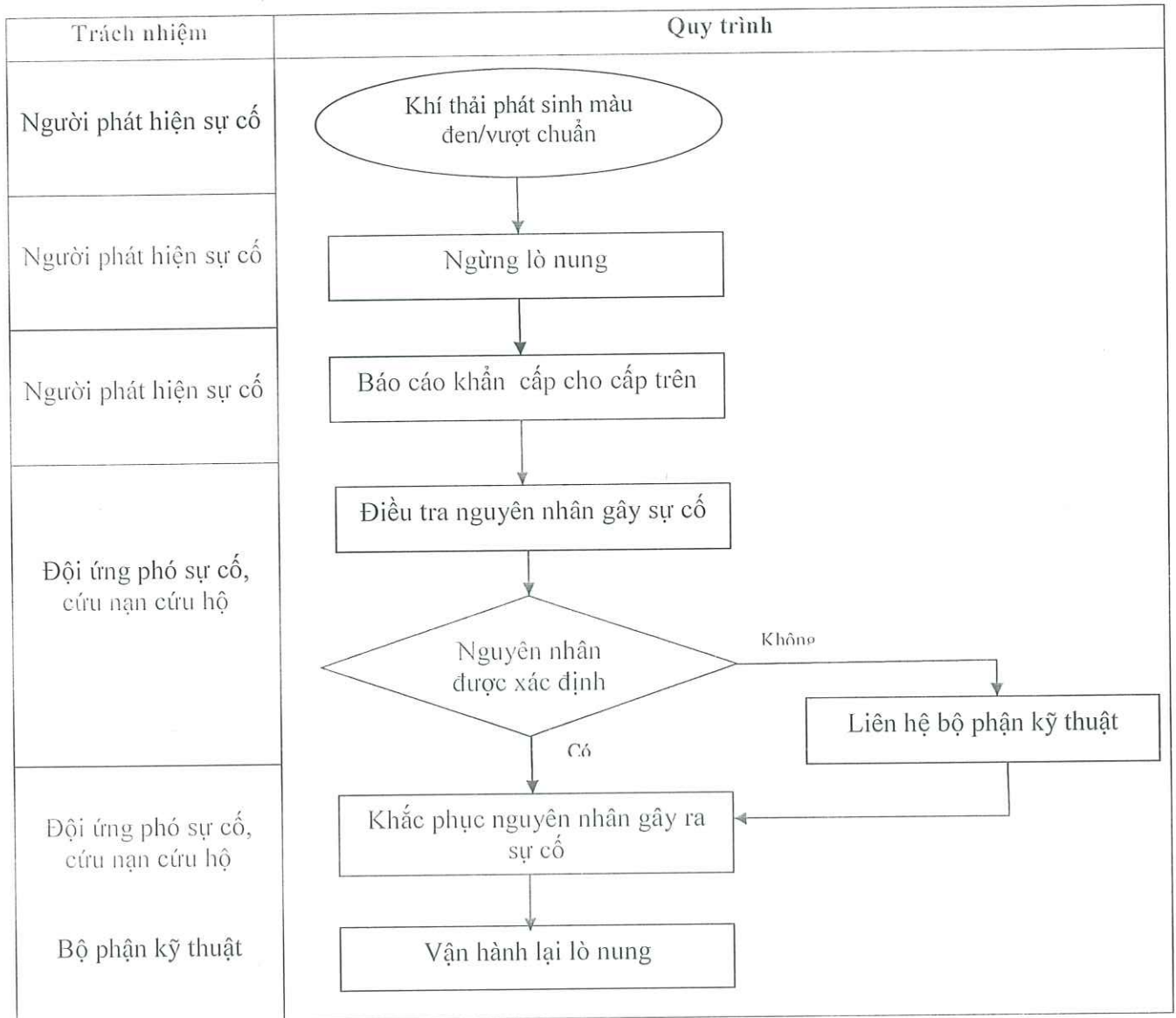
**\* Đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố khí thải :**

Phân loại và đánh giá môi nguy xảy ra sự cố khí thải

Số TT	Nguồn phát sinh khí thải	Môi nguy ảnh hưởng môi trường	Nguyên nhân/kịch bản	Khối lượng có thể phát tán ra môi trường
1	Ống khói lò nung, hầm sấy tuynen	Phát sinh bụi khói, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , CO; HF vượt quy chuẩn môi trường	Quạt hút khí thải sang hầm sấy bị sự cố và thải khí thải vượt quy chuẩn ra ngoài môi trường	4.500m <sup>3</sup> /h
2	Máy phát điện	Phát sinh bụi khói, SO <sub>2</sub> , NO <sub>2</sub> , CO vượt quy chuẩn môi trường	Máy phát điện có sự cố kỹ thuật và thải khí thải vượt quy chuẩn ra ngoài môi trường	1.152m <sup>3</sup> /h

**\* Quy trình ứng phó sự cố khí thải:**

Quy trình Phát sinh bụi khói, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO vượt quy chuẩn môi trường



Trường hợp người phát hiện sự cố không phải nhân viên kỹ thuật thì báo ngay cho nhân viên kỹ thuật để tắt lò nung/máy phát điện.

**\* Kiểm tra, xác nhận thực tế:** Người tiếp nhận thông tin lập tức kiểm tra, xác nhận các thông tin bằng cách xác nhận với người thông báo hoặc trực tiếp xuống hiện trường. Các thông tin cần kiểm tra và xác nhận.

**6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải :**

- Nước thải sản xuất : không có

- Nước thải sinh hoạt : Phát sinh rất ít, và được thu gom lắng lọc chứa trong bể phốt âm đất ( bể chứa tại các Nhà vệ sinh ) và được thu gom xử lý hàng năm nên việc phát sinh sự cố hầu như không có.

**6.4. Kế hoạch quản lý chất thải**

Giai đoạn của cơ sở	Nguồn phát sinh chất thải	Loại chất thải và tổng lượng/lưu lượng	Biện pháp quản lý/xử lý	Kinh phí dự kiến (tr.đ/năm)	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm thực hiện
Vận hành	Chất thải rắn	- Gạch vỡ + xỉ lò : 42 tấn/tháng	Chôn lấp, san lấp mặt bằng	15	Xử lý hàng tháng	XN tự thực hiện
		- Rác thải sinh hoạt : 13kg/ngày	Thu gom thiêu hủy	05	Xử lý hàng ngày	XN tự thực hiện
	Chất thải nguy hại	- Bình ac quy thải : 12kg/năm	Thu gom phân loại theo mã số	03	Thực hiện ngay khi phát sinh	XN tự thực hiện
		- Lọc dầu đã qua sử dụng thải : 0,6kg/năm	Thu gom phân loại theo mã số	1,5	Thực hiện ngay khi phát sinh	XN tự thực hiện
		- Giẻ lau dính dầu thải : 4kg/năm	Thu gom phân loại theo mã số	4,5	Thực hiện ngay khi phát sinh	XN tự thực hiện
		- Bóng điện huỳnh quang thải : 0,5kg/năm	Thu gom phân loại theo mã số	01	Thực hiện ngay khi phát sinh	XN tự thực hiện
	Chất thải lỏng	- Nước thải sinh hoạt 1,04m <sup>3</sup> /ngày đêm	Xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn, và tự thấm xuống đất	02	Thực hiện hàng ngày	XN tự thực hiện
		- Nước mưa chảy tràn	Thu gom, lắng rác dẫn vào hệ thống thoát nước chung	03	Thực hiện ngay khi có phát sinh	XN tự thực hiện

**7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác ( nếu có ):**

**8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường :**

\* Nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Nhiên liệu dùng cho nung đốt gạch ngói đất sét nung là than cám 6 có nguồn gốc từ Quảng Ninh.

\* Nội dung thay đổi : Nhiên liệu dùng cho nung đốt gạch ngói đất sét nung là tro bay còn nhiệt lượng từ 1.500Kcal – 2.000Kcal ( pha trong mộc ) thu mua từ các Nhà máy nhiệt điện khu vực Bình Thuận và than cao su ( tra trên nóc lò ) thu mua từ các Nhà máy tái chế lốp xe ô tô.

\* Lý do thay đổi nhiên liệu đốt :

- Hưởng ứng Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 26/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các Nhà máy nhiệt điện, hoá chất phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong công trình xây dựng.

- Lượng tro bay pha trong mộc sẽ giảm đi lượng đất sét tiêu hao trong sản phẩm, làm tăng hiệu quả cũng như tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản ngày càng khan hiếm.

- Nguồn tro bay và than cao su được cung cấp ổn định, kịp thời hơn so với than cám 6 Quảng Ninh; chi phí nhiên liệu rẻ hơn sẽ tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.

## Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải :

#### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình sinh hoạt được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại công suất  $5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

#### 1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải : Bể chứa nước thứ 5 của hệ thống bể tự hoại 5 ngăn.
- Vị trí xả nước thải : được đơn vị chức năng thu gom xử lý theo định kỳ 1 năm/lần
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: Lưu lượng xả thải cao nhất là  $0,3\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ .
- Phương thức xả nước thải : nước thải từ quá trình vệ sinh của người lao động và khách hàng được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 05 ngăn. Nước thải sau quá trình xử lý lắng lọc được chảy vào bể chứa nước thứ 5 của hệ thống bể tự hoại 5 ngăn và được thu gom đưa đi xử lý .

#### 1.3. Yêu cầu về môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải :

##### a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải :

- Nước thải từ quá trình vệ sinh của người lao động và khách hàng được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 05 ngăn với dung tích  $05\text{m}^3/\text{bể}$  ( Xí nghiệp có 09 bể tự hoại cho 12 nhà vệ sinh), sau đó được thu gom xử lý hàng năm .

- Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng hệ thống mương thoát nước BTCT rộng 0.3-0.4m, bố trí trên tổng mặt bằng nhà xưởng → bể gom ( dung tích  $3\text{m}^3$ ) → lưới chắn rác để giữ lại các cặn rác có kích thước lớn → bể lắng ( dung tích  $4,5\text{m}^3$ ) → bể thu nước thải sau lắng ( dung tích  $2\text{m}^3$ ), sau đó thải thẳng ra môi trường sau khi qua hệ thống hố ga công cộng .

##### b. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải :

Đối với việc kiểm soát chất lượng của nước thải sinh hoạt : hiện tại nước thải sinh hoạt được xử lý thông qua bể tự hoại 05 ngăn và được thu gom đưa đi xử lý nên việc lấy mẫu kiểm soát không thể thực hiện được ; đề nghị không kiểm soát chỉ tiêu này .

##### c. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường :

- Đơn vị chức năng thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải .

- Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này .

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

### 2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- + Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình nung đốt sản phẩm .
- + Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng .

### 2.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

#### a. Vị trí xả thải :

- + Nguồn số 01: Qua ống khói lò nung Tuynen cao 25m so với mặt đất .
- + Nguồn số 02: Môi trường xung quanh Cơ sở

#### b. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

- + Nguồn số 01: Lưu lượng xả thải 6.340m<sup>3</sup>/h
- + Nguồn số 02: Lưu lượng xả thải 1.152m<sup>3</sup>/h

#### c. Phương thức xả thải:

- + Nguồn số 01: Xả thải liên tục 24h/ngày đêm
- + Nguồn số 02: Xả thải gián đoạn, khi có phát sinh do mất điện.

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với Bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; cụ thể như sau :

#### Chất lượng khí thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT; Cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	Tần suất quan trắc khí thải 06 tháng/lần. Nhưng chủ cơ sở triển khai 03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
3	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850		
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000		
5	HF	mg/Nm <sup>3</sup>	20		

### 2.3. Công trình, thiết bị thu gom xử lý khí thải :

#### a. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải :

+ Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình nung đốt sản phẩm được dẫn qua khu vực sậy tận thu một phần nhiệt lượng trong khí thải trước khi thu gom vào ống khói cao 25m so với mặt đất có lắp đặt hệ thống xử lý khí thải trước khi thoát ra bên ngoài.

+ Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được thu gom và thải ra ngoài môi trường qua đường ống thải với đường kính D400mm, cao 3m.

**b. Công trình, thiết bị xử lý khí thải :**

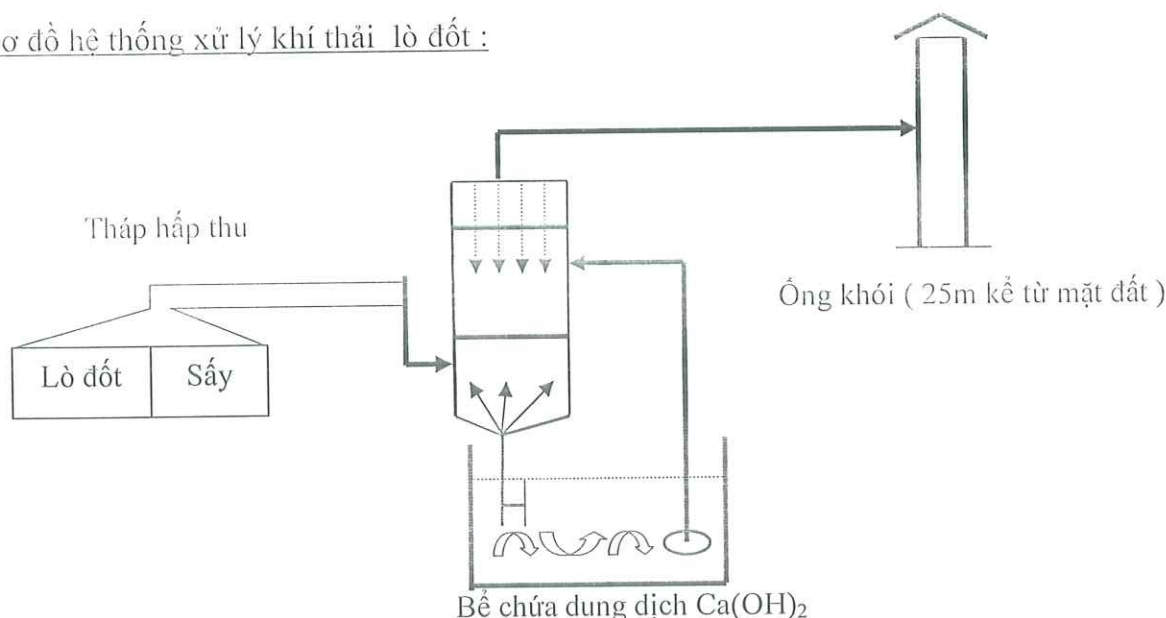
- Hệ thống ống khói bằng thép cao 20m có phễu chắn nước mưa lắp đặt đưa vào hoạt động từ năm 1994 đến năm 2004 thay đổi thành Hệ thống ống khói lò nung hầm sấy xây bằng gạch cao 25m.

- Thay đổi hệ thống dẫn khí thải lò nung bằng quạt hút có công suất lớn hơn ( thay quạt hút số 8 lên quạt hút 12 ) đưa khí nóng từ lò nung sang hầm sấy, tận dụng nhiệt lượng sấy khô sản phẩm mộc nhằm làm giảm nhiệt lượng trong khí thải, đồng thời trong quá trình sấy sản phẩm mộc, một lượng hơi nước tỏa ra làm dung hòa và giảm đi một phần lượng chất ô nhiễm trong khí thải trước khi phát tán ra bên ngoài

- Sau khi luân khí thải qua hầm sấy, dùng quạt hút có công suất lớn ( quạt số 14 thay cho quạt số 10 ) đưa khí thải vào ống khói xây bằng gạch có đường kính 3m, cao 25m. Với chiều cao này, khí thải thoát ra bên ngoài được các luồng gió làm phát tán nhanh trên không trung, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh Xí nghiệp .

- Để giảm thiểu tác động của khói lò tới môi trường lân cận , đơn vị đã lắp đặt thêm hệ thống xử lý thải trước khi phát thải ra bên ngoài.

Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải lò đốt :



- Tại khu vực bốc xếp sản phẩm đã lắp đặt thiết bị lọc bụi tay áo di động nhưng vẫn chưa giảm được lượng bụi phát sinh lơ lửng trong không khí . Cơ sở đã đầu tư hệ thống phun sương nên lượng bụi lơ lửng giảm thiểu đáng kể, kết quả kiểm soát mẫu đạt tiêu chuẩn cho phép .

**c. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải :**

Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

**d. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường :**

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và xử lý khí thải .

- Cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này .

### 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung :

3.1. **Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** tiếng ồn và độ rung từ việc vận hành máy móc thiết bị trong sản xuất mộc.

3.2. **Vị trí phát sinh ra tiếng ồn, độ rung :** Tại hệ thống dây chuyền chế biến gạch ngói bằng đất sét trước khi nung ( sản phẩm mộc ) .

3.3. **Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau :

*Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn*

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức độ ồn cho phép ( dBA )		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21giờ ( dBA )	Từ 21 giờ đến 6giờ ( dBA )		
1	70	55	Cơ sở triển khai 6 tháng/lần	Khu vực thông thường, xung quanh cơ sở

*Giá trị giới hạn đối với độ rung*

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức độ ồn cho phép ( dB )		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21giờ ( dB )	Từ 21 giờ đến 6giờ ( dB )		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

### 3.4. Yêu cầu về môi trường đối với tiếng ồn, độ rung :

#### a. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung :

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn : Lắp thiết bị giảm âm cho các máy có độ ồn cao . Có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy móc thiết bị , thường xuyên bảo đảm độ bôi trơn khi máy móc vận hành nhằm giảm thiểu tiếng ồn . Trang bị bảo hộ lao động cho CBCNV làm việc trong khu vực như phông tai, quần áo, găng tay, khẩu trang, giày bảo hộ, kính chống bụi ... nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn cũng như các nguồn tác động khác đến sức khỏe người lao động . Trồng cây xanh; tạo khoảng cách ly theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD để hạn chế tiếng ồn.

- Biện pháp giảm thiểu độ rung : Gia cố hệ thống móng máy, giảm thiểu độ rung khi vận hành. Lắp đệm chống rung cho máy nén khí, máy cán, máy chà, chân quạt ... chống mất cân bằng động gây ra ồn cao. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn .

#### b. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường :

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung .

Chương V  
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải : Không phát sinh

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.

*Kết quả quan trắc khí thải định kỳ tại Ống khói lò nung*

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	28/04/2022	19/06/2022	13/10/2022	19/06/2023	13/12/2023	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	102,6	54,3	60,7	60,7	57,4	200
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	563,5	1003	689,1	689,1	582,5	1000
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	55,7	26,2	227,9	227,9	28,8	500
4	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	6,6	10,5	1,9	1,88	9,7	850
5	HF	mg/Nm <sup>3</sup>	0,15	0,15	0,15	0,15	0,15	20

*Kết quả quan trắc định kỳ không khí xung quanh cơ sở*

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	28/04/2022	19/06/2022	13/10/2022	19/06/2023	13/12/2023	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	66,6	61,3	63,8	63,8	61,2	70
2	Bụi ( TSP )	µg/m <sup>3</sup>	20	20	20	20	24	300
3	SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	16	21	20	20	8,8	350
4	NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>	7	9	8	8	8,1	200
5	CO	µg/m <sup>3</sup>	2.211	1.549	1.500	1.500	2.202	30.000

Chương VI  
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: Không có

Theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP dự án đã đi vào hoạt động trước ngày Luật bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành sẽ không phải thực hiện vận hành thử nghiệm .

Cơ sở đã được UBND tỉnh Khánh Hoà phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường năm 1997 và đi vào hoạt động đến năm 2004 thay đổi phương án xử lý khí thải từ Hệ thống ống khói bằng thép cao 20m có phễu chắn nước mưa thành Hệ thống ống khói lò nung hầm sấy xây bằng gạch cao 25m. Việc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đã thực hiện trước khi nghiệm thu hạng mục Ống khói của cơ sở. Nay không thể thực hiện lại được vì hệ

thống xử lý được lắp đặt trong lòng Ống khói của Cơ sở đang hoạt động.

**2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.**

*2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:*

STT	Vị trí quan trắc	Số điểm quan trắc	Chỉ tiêu giám sát	Quy chuẩn so sánh	Tần suất
<b>I Khí thải từ hoạt động sản xuất</b>					
1	Tại ống khói	01	Bụi tổng cộng; SO <sub>2</sub> ; NO <sub>x</sub> ; HF ; CO	QCVN 19:2009/BTNMT	2 lần/năm
2	Tại máy phát điện	01	Bụi tổng cộng; SO <sub>2</sub> ; NO <sub>x</sub> ; HF ; CO	QCVN 19:2009/BTNMT	2 lần/năm
<b>II Môi trường không khí xung quanh</b>					
1	Tại khu vực tập kết sản phẩm	01	Bụi tổng cộng; SO <sub>2</sub> ; NO <sub>2</sub> ; HF ; CO	QCVN 19:2009/BTNMT	4 lần/năm
2	Tại khu vực chế biến tạo hình gạch mộc	01	Bụi tổng cộng; SO <sub>2</sub> ; NO <sub>2</sub> ; HF ; CO	QCVN 19:2009/BTNMT	4 lần/năm
3	Tại khu vực văn phòng Cơ sở	01	Bụi tổng cộng; SO <sub>2</sub> ; NO <sub>2</sub> ; HF ; CO	QCVN 19:2009/BTNMT	4 lần/năm
<b>III Tiếng ồn, độ rung</b>					
1	Tại khu vực chế biến tạo hình gạch mộc	01	Tiếng ồn	QCVN 26:2010/BTNMT	4 lần/năm
2	Tại khu vực tập kết sản phẩm	01	Tiếng ồn	QCVN 26:2009/BTNMT	4 lần/năm
<b>IV Chất thải rắn và chất thải nguy hại</b>					
1	Tại các khu vực phát sinh trong Cơ sở		Thống kê, phân loại và báo cáo theo quy định		Thực hiện ngay khi có phát sinh

*2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:*

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục.

*2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.*

Không có

**3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.**

STT	Chương trình giám sát	Tần suất	Kinh phí ( VNĐ/năm )
1	Chi phí lấy mẫu quan trắc khí thải	2 lần/năm	<u>18.600.000</u>
	- Hàm lượng bụi tổng ( $\Phi$ ống khói $\geq$ 300mm)	2 lần/năm	10.400.000
	- CO	2 lần/năm	2.000.000
	- SO <sub>2</sub>	2 lần/năm	2.000.000
	- NO <sub>x</sub>	2 lần/năm	2.000.000
	- HF*	2 lần/năm	2.200.000
2	Chi phí lấy mẫu quan trắc không khí xung quanh	4 lần/năm	<u>7.200.000</u>
	- Tổng bụi lơ lửng (TSP)	4 lần/năm	1.800.000
	- CO	4 lần/năm	1.800.000
	- SO <sub>2</sub>	4 lần/năm	1.800.000
	- NO <sub>2</sub>	4 lần/năm	1.800.000
3	Chi phí lấy mẫu quan trắc tiếng ồn	4 lần/năm	<u>800.000</u>
4	Chi phí lập báo cáo	1 lần/năm	<u>3.000.000</u>
5	Chi phí cho xử lý chất thải	Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại	<u>5.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>			<b>34.600.000</b>

**Chương VII**

**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Từ năm 2022-2023 Cơ sở vẫn luôn chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường, không bị thanh tra trong quá trình hoạt động trong 2 năm .

Năm 2021 cơ sở có kiểm tra do Đoàn kiểm tra Sở Tài nguyên và Môi trường Khánh Hoà chủ trì phối hợp với địa phương – UBND xã Ninh Xuân .

Tại thời điểm kiểm tra ( ngày 17/09/2021 ) Cơ sở ngưng hoạt động, Đoàn kiểm tra nhắc nhở dọn vệ sinh, tăng cường tưới nước trong quá trình vận chuyển nguyên liệu đất sét vào Cơ sở để giảm thiểu bụi phát tán trong không khí; yêu cầu cơ sở thực hiện đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, lưu ý kiểm soát khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Năm 2023, Cơ sở có thay đổi nhiên liệu nung đốt từ than cám 6 sang than Cao su; do chưa có kinh nghiệm nên nhập than cao su chưa xử lý mùi nên phát tán mùi hôi của cao su xung quanh Nhà máy, gây ảnh hưởng đến dân cư quanh khu vực . Sau khi nghe các hộ dân phản ánh, cũng như qua quá trình nhắc nhở của Đoàn kiểm tra liên ngành : UBND xã Ninh Xuân, Phòng

Tài nguyên và Môi trường thị xã Ninh Hoà, Chi cục bảo vệ Môi trường Khánh Hoà; Cơ sở đã triển khai khắc phục mùi hôi bằng cách : dùng bạt che kín toàn bộ than cao su mới nhập kho; che tol, quây bạt bao che toàn bộ kho than cao su tránh phát tán mùi ra ngoài cơ sở; đồng thời yêu cầu Nhà cung cấp xử lý mùi trước khi vận chuyển đến Cơ sở . Trong quá trình sản xuất, mở dần bạt để lấy than đưa lên băng tải, tưới nước kiểm tra độ ẩm của than, đảm bảo không phát tán bụi.

## **Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Chủ cơ sở cam kết tuân thủ đúng Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của Nhà nước Việt Nam liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường .

Chủ cơ sở cam kết phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và đền bù thiệt hại khi xảy ra sự cố môi trường .

Chủ cơ sở cam kết không hoạt động vượt công suất so với Giấy phép môi trường được cấp.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt QCVN 40:2021/BTNMT .
- Khí thải tại Ống khói lò nung Tuynen, tại nguồn máy phát điện đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường .
- Thực hiện các biện pháp khống chế tiếng ồn, độ rung sinh ra trong quá trình hoạt động của cơ sở .
- Cam kết thu gom, xử lý chất thải rắn phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và 2 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường .
- Chủ cơ sở sẽ tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường trong cơ sở, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường .
- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường .
- Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các quy chuẩn Việt Nam .

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu trên là đúng sự thật nếu có gì sai trái, chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật .

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà .
2. Bản sao giấy chứng nhận hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà – Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hoà – TN25
3. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất tại Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hoà – TN25 ; Quyết định cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất; Biên bản bàn giao và cắm mốc định vị .
4. Bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được duyệt.
5. Hoá đơn tiền điện năm 2023
6. Hoá đơn tiền nước năm 2023
7. Sổ đăng ký chủ nguồn thải; Chứng từ chất thải nguy hại năm 2023
8. Kết quả quan trắc khái thải và môi trường không khí xung quanh năm 2022+2023
9. Bản vẽ mặt bằng tổng thể Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hoà – TN25
10. Hợp đồng cung ứng thanh nhiệt điện – tro bay

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH KHÁNH HOÀ  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 4200570999**

*Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 09 năm 2004*

*Đăng ký thay đổi lần thứ 10: ngày 21 tháng 05 năm 2015*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANH HOA CONSTRUCTION MATERIALS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KCM

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 194-196 Trần Quý Cáp, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

Điện thoại: 058. 3820197

Fax: 058. 3816329

Email:

Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: Thăm dò khoáng sản	0990
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất gạch ngói nung	2392
3	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng	4663
5	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Mua bán than đá và nhiên liệu rắn khác. Mua bán xăng dầu và các sản phẩm có liên quan	4661
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
7	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
8	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
9	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: Hướng dẫn công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng	7210



STT	Tên ngành	Mã ngành
10	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: khách sạn	5510

#### 4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 45.150.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ một trăm năm mươi triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 4.515.000

5. Số cổ phần được quyền chào bán: 0

#### 6. Vốn pháp định

#### 7. Danh sách cổ đông sáng lập

#### 8. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Họ và tên: NGUYỄN VĂN HOÀNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/05/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số: 225023472

Ngày cấp: 24/11/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

35B Bắc Sơn, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

35B Bắc Sơn, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

#### 9. Thông tin về chi nhánh

- Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA - XÍ NGHIỆP KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG NHA TRANG

Địa chỉ chi nhánh: 09 Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 4200570999-004
- Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA - XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI NINH HÒA - TN10

Địa chỉ chi nhánh: Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 4200570999-005

3. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA - XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI NINH HÒA TN25

Địa chỉ chi nhánh: thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 4200570999 - 001

4. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA - XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI DIÊN KHÁNH

Địa chỉ chi nhánh: Km12 tỉnh lộ 2, thôn Sơn Thành, Xã Diên Thọ, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 4200570999-002

5. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA - XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT ĐÁ GRANITE KHÁNH HÒA - KCM

Địa chỉ chi nhánh: Thôn Ninh Lâm, Xã Vạn Khánh, Huyện Vạn Ninh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 4200570999-003

6. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA- XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI DIÊN KHÁNH- TN 20

Địa chỉ chi nhánh: Thôn Thượng, Xã Diên Lâm, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 4200570999-006

10. Thông tin về văn phòng đại diện

11. Thông tin về địa điểm kinh doanh



Nguyễn Thị Hà

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG  
CHI NHÁNH**

**Mã số Chi nhánh: 4200570999 - 001**

*Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 01 năm 2008*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 22 tháng 02 năm 2013*

**1. Tên chi nhánh**

Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU  
XÂY DỰNG KHÁNH HOÀ - XÍ NGHIỆP GẠCH NGÓI NINH HOÀ TN25

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

**2. Địa chỉ**

*thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

Điện thoại: 058,620668

Fax: 058,620668

Email:

Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất gạch ngói nung; Mua bán vật liệu xây dựng, than đá, xăng dầu. Dịch vụ vận tải hàng hóa	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

**4. Thông tin về người đứng đầu chi nhánh**

Họ và tên: NGUYỄN VĂN HOÀNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/05/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số: 225023472

Ngày cấp: 24/11/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Khánh Hòa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

*35B Bắc Sơn, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại:

*35B Bắc Sơn, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

**5. Địa điểm kinh doanh trực thuộc**

**6. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA

Mã số doanh nghiệp: 4200570999

Địa chỉ trụ sở chính: Số 194-196 Trần Quý Cáp, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam



*Trương Minh Bình*

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực..... Quyền số..... TP/CC-CT/SGT

Ngày 23 tháng 2 năm 2023.....



Lữ Phúc Trí



GIẤY CHỨNG NHẬN  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

SỐ 22/2009

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH KHÁNH HOÀ**

**CHỨNG NHẬN**

**I- Tên người sử dụng đất**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA**

**Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3703000113**

**do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp ngày 07/06/2006**

**Trụ sở :194-196 Đường Trần Quý Cáp, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa**

**II- Thửa đất được quyền sử dụng**

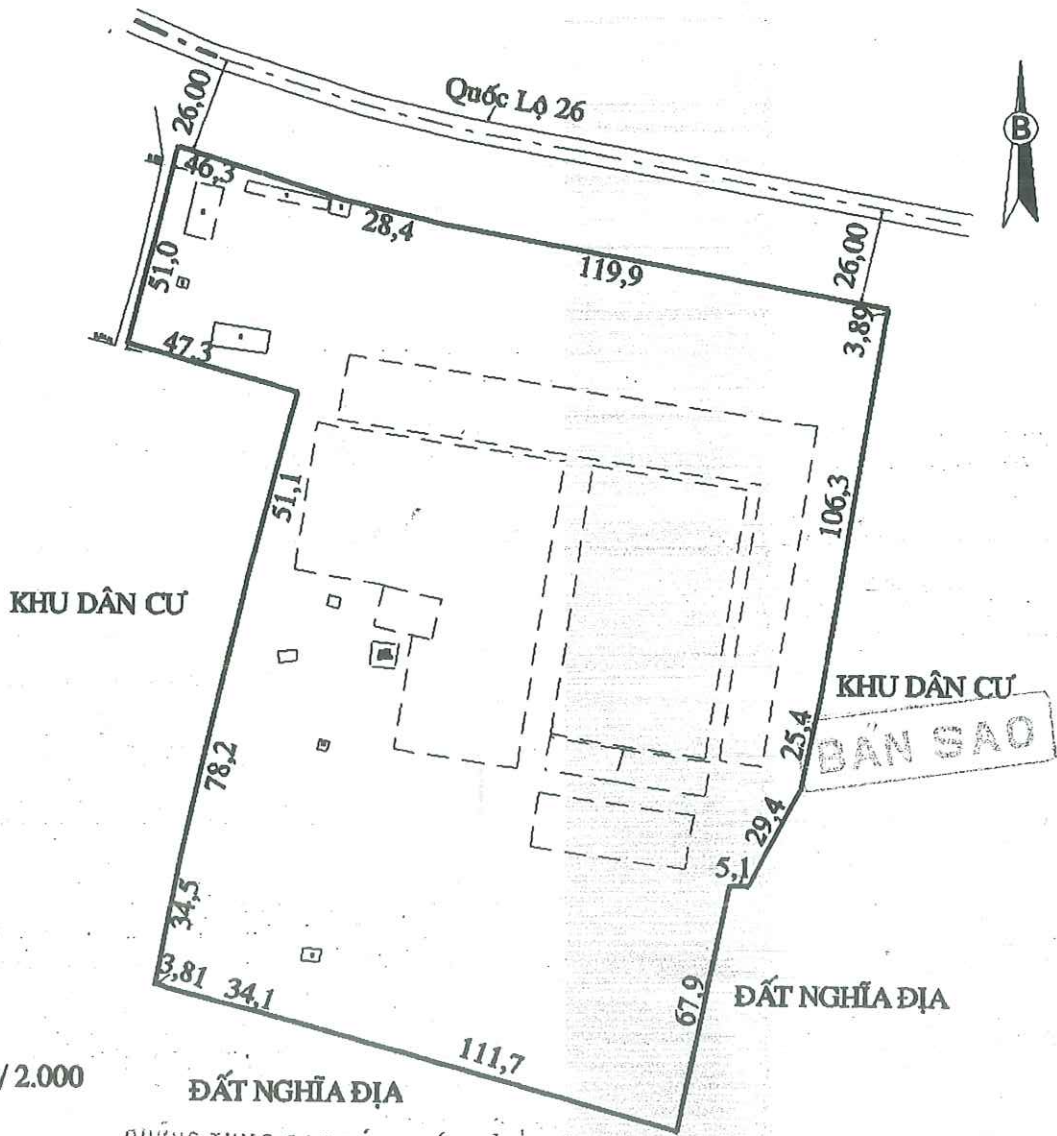
1. Thửa đất số : 267      2. Tờ bản đồ số 43
3. Địa chỉ thửa đất : Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
4. Diện tích : 35991,4 m<sup>2</sup>  
Bằng chữ : Ba lăm ngàn chín trăm chín mươi một phẩy bốn mét vuông
5. Hình thức sử dụng :
  - + Sử dụng riêng : 35991,4 m<sup>2</sup>
  - + Sử dụng chung : Không
6. Mục đích sử dụng đất : Đất cơ sở sản xuất kinh doanh
7. Thời hạn sử dụng đất : Đến ngày 15/02/2025
8. Nguồn gốc sử dụng đất : Đất nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm

**III- Tài sản gắn liền với đất**

- + Nhà cấp 4: 205 m<sup>2</sup>
- + Nhà xưởng sản xuất: 12912,5 m<sup>2</sup>

**IV- Ghi chú**

V- Sơ đồ thửa đất



Tỷ lệ : 1/2.000

ĐẤT NGHĨA ĐỊA

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 26 062 0007

Ngày 19 tháng 6 năm 2007

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CH. H  
PHÓ CHỦ TỊCH

THỦA ỦY QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH UBND. TP. NHATRANG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP



Nguyễn Thị Kim Hoa



Nguyễn Chiến Thắng

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : T-00591/2006

Nha Trang, ngày 15 tháng 02 năm 2005

### QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH KHÁNH HOÀ

“V/v Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hoà thuê đất để làm nhà máy gạch Tuynel tại thôn Phước Lâm – xã Ninh Xuân – huyện Ninh Hoà”

#### UBND TỈNH KHÁNH HOÀ

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003.
- Căn cứ Luật Đất đai được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003;
- Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 48/TN-MT ngày 02/2/2005 và đơn xin thuê đất của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hoà.

#### QUYẾT ĐỊNH

##### Điều 1:

Cho Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hoà thuê đất để làm nhà máy gạch Tuynel theo chỉ định sau:

- **Vị trí khu đất:** tại thôn Phước Lâm – xã Ninh Xuân – huyện Ninh Hoà; Ranh giới khu đất được giới hạn từ mốc M1 đến mốc M18 theo tờ bản đồ địa chính trích đo số 264/2004/TĐ-BĐ tỷ lệ 1/500 do Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 29/12/2004, thuộc thửa đất số 267, tờ bản đồ địa chính số 43 (82-90-d) xã Ninh Xuân.
  - + Phía Bắc: giáp quốc lộ 26 (cách tim đường 26.0 m) có chiều dài 194.64 m.
  - + Phía Nam: giáp đất nghĩa địa có chiều dài 145.84 m.
  - + Phía Đông: giáp khu dân cư và đất nghĩa địa có chiều dài 234.13 m.
  - + Phía Tây: giáp đất lúa có chiều dài 265.39 m
- Diện tích đất 35991.4 m<sup>2</sup>.
- Loại đất: Nhóm đất phi nông nghiệp (sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh).
- Thời hạn thuê đất 20 năm kể từ ngày ký quyết định.
- Giá tiền thuê đất hàng năm bằng 0,5% giá đất (đất ven trục đường giao thông chính huyện Ninh Hoà; đường loại 3, vị trí 1, hệ số 0.8\*1.1).

- Giá tiền thuê đất hàng năm sẽ được điều chỉnh khi nhà nước thay đổi mức tiền thuê đất và UBND tỉnh ban hành giá các loại đất hàng năm theo luật định.
- Phương thức nộp tiền thuê đất: Hàng năm
- Tiền thuê đất bắt đầu được tính từ ngày 12/05/2004.

**Điều 2: Phân công thực hiện**

**a. Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hoà.**

- Nộp tiền thuê đất và lệ phí địa chính theo quy định của Bộ Tài chính.
- Sử dụng đất đúng mục đích được thuê, chấp hành các điều 11,15,38,111 của Luật Đất đai, các quy định về Luật bảo vệ môi trường và xây dựng cơ bản hiện hành.

**b. Sở Tài Nguyên và Môi trường.**

- Thu lệ phí địa chính nộp vào ngân sách nhà nước.
- Tổ chức giao đất, cắm mốc lô đất ngoài thực địa cho Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hoà sử dụng.
- Lập hợp đồng thuê đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**c. Sở Xây dựng**

Quản lý việc xây dựng trên đất theo quy Luật Xây dựng.

**d. Chi cục Thuế huyện Ninh Hoà**

Thu tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

**e. UBND huyện Ninh Hoà và UBND xã Ninh Xuân.**

Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai theo quy định hiện hành.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Ninh Hoà, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Cục trưởng cục thuế Khánh Hoà, Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện Ninh Hoà, Giám đốc Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hoà, Chủ tịch UBND xã Ninh Xuân và thủ trưởng các ban ngành liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ**

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nơi nhận

- Như Điều 3
- Lưu VT +PH

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực ..... Quyển số: TP/CC-SGT/SGT

Ngày 21/09/2006

NGUYỄN TRỌNG HÒA



Lê Văn Mui

Nha Trang, ngày 28 tháng 12 năm 2005

### HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Nghị định số 181/ 2004/ NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ: Về thi hành Luật Đất đai;
- Căn cứ Quyết định cho thuê đất số 506/ QĐ-UB ngày 15 tháng 02 năm 2005 của UBND tỉnh Khánh Hoà: “V/v cho Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hoà thuê đất để làm nhà máy gạch Tuynel (25 triệu viên) tại thôn Phước Lâm – xã Ninh Xuân – huyện Ninh Hoà”.

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2005 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hoà (số 14 đường Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà) chúng tôi gồm:

#### I. Bên cho thuê đất là UBND tỉnh Khánh Hoà.

Do ông: Mai Đức Chính.

Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm đại diện.

#### II. Bên thuê đất là Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hoà.

Họ tên: Vũ Duy Thắng.

Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hoà làm đại diện.

Tài khoản: số 710A00051 – tại Ngân hàng Công thương Khánh Hoà.

#### III. Hai Bên thoả thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

**Điều 1:** Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất 35.991,4 m<sup>2</sup> (ba mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi một phẩy bốn mét vuông).

Tại thôn Phước Lâm - xã Ninh Xuân - huyện Ninh Hòa để xây dựng nhà máy gạch Tuynel 25 triệu viên.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được giới hạn từ mốc M1 đến mốc M18 theo tờ bản đồ địa chính trích đo số 264/2004/TĐ-BĐ tỷ lệ 1/500 do Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 29/12/2004, thuộc thửa đất số 267, tờ bản đồ địa chính số 43 (82-90-d) xã Ninh Xuân.

3. Thời hạn thuê đất kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2005 đến hết ngày 15 tháng 02 năm 2025.

4. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

5. Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hoà phải sử dụng đất đúng mục đích cho thuê để xây dựng nhà máy gạch Tuynel; không được sử dụng vào mục đích khác.

**Điều 2.** Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá tiền thuê đất: theo Quyết định số 03/2005/QĐ-UB ngày 12/01/2005 của UBND tỉnh Khánh Hoà (vị trí 1, đường loại 3, hệ số 0.8\*1.1 đất ven trục giao thông chính huyện Ninh Hoà).

a. Từ ngày 15 tháng 02 năm 2005 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2005 là

+ Khoảng cách 30 m đầu tiên là 880 đồng/m<sup>2</sup>/năm/5.871 m<sup>2</sup>.

+ Khoảng cách 30 m tiếp theo là 616 đồng/m<sup>2</sup>/năm/5.641 m<sup>2</sup>.

+ Khoảng cách 40 m tiếp theo là 440 đồng/m<sup>2</sup>/năm/6.188 m<sup>2</sup>.

+ Khoảng cách còn lại là 375 đồng/m<sup>2</sup>/năm/18.291,4 m<sup>2</sup>.

b. Giá tiền thuê đất hàng năm sẽ được điều chỉnh khi nhà nước thay đổi mức tiền thuê đất và UBND tỉnh ban hành giá các loại đất hàng năm theo luật định.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc nhà nước huyện Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà.

**Điều 3.** Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

**Điều 4.** Trách nhiệm của mỗi bên.

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho Bên thứ ba (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai);

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất không được chuyển quyền sử dụng đất thuê; trường hợp Bên thuê đất bị chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp mà hình thành pháp nhân mới hoặc bán tài sản gắn liền với đất thuê cho tổ chức, cá nhân khác thì pháp nhân mới hoặc cho tổ chức, cá nhân mua tài sản được tiếp tục thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

- Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;

- Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
- Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 của Luật Đất đai.

**Điều 5.** Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 6.** Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

**Điều 7.** Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế để xác định mức thu tiền thuê đất, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**BÊN THUÊ ĐẤT**  
**CÔNG TY CPVLXD KHÁNH HÒA**



**GIÁM ĐỐC**

*Vũ Duy Cường*

**BÊN CHO THUÊ ĐẤT**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**GIÁM ĐỐC**



**MAI ĐỨC CHÍNH**

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực \_\_\_\_\_ Quyển: TP/CC-S0T/SGT  
Ngày **21/09/2006** tháng \_\_\_\_\_ Năm \_\_\_\_\_

THỦA ỦY QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH UBND TP NHA TRANG  
TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP



*Lê Văn Mười*



**BIÊN BẢN  
GIAO ĐẤT VÀ CẤM MỐC ĐỊNH VỊ**

Thực hiện theo điều II Quyết định số 506/ QĐ-UB ngày 15/02/2005 của UBND tỉnh Khánh Hoà: “V/v Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hoà thuê đất để làm nhà máy gạch Tuynel 25 triệu viên tại thôn Phước Lâm – xã Ninh Xuân – huyện Ninh Hoà”

Hôm nay, vào lúc giờ phút, ngày 06 tháng 10 năm 2005, Chúng tôi gồm có:

1. Ông Nguyễn Trọng Bảo ĐD Sở Tài nguyên và Môi trường.
2. Ông ...*Nguyễn Xuân Phú*... ĐD P. Tài nguyên & Môi trường huyện Ninh Hoà.
3. Ông ...*Hoàng Thanh Minh*... ĐD UBND xã Ninh Xuân.
4. Ông ...*Nguyễn Văn Tuấn*... ĐD Công ty CPVLXD Khánh Hoà.

Đã tiến hành giao đất, cấm mốc định vị khu đất tại thôn Phước Lâm – xã Ninh Xuân – huyện Ninh Hoà cho Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Khánh Hoà sử dụng để làm nhà máy gạch Tuynel 25 triệu viên.

– Ranh giới cụ thể: Vị trí, ranh giới, kích thước khu đất được đóng ở các góc của khu đất (theo chiều kim đồng hồ) được giới hạn từ mốc đến M1 đến mốc M18 theo tờ bản đồ địa chính trích đo số 264/2004/TĐ-BĐ tỷ lệ 1/500 do Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 29/12/2004, thuộc thửa đất số 267, tờ bản đồ địa chính số 43 (82-90-d) xã Ninh Xuân.

- + Phía Bắc: giáp quốc lộ 26 (cách tim đường 26,0 m) có chiều dài 194,64 m.
- + Phía Nam: giáp đất nghĩa địa có chiều dài 145,84 m.
- + Phía Đông: giáp khu dân cư và đất nghĩa địa có chiều dài 234,13 m.
- + Phía Tây: giáp đất lúa có chiều dài 265,39 m
- Diện tích đất: 35.991,4 m<sup>2</sup>.

Đại diện các đơn vị đã chứng kiến việc giao đất, cấm mốc định vị khu đất tại thực địa đúng theo Quyết định số 506/ QĐ-UB ngày 15/2/2005 của UBND tỉnh Khánh Hoà.

Biên bản này đính kèm Quyết định số: Quyết định số 506/ QĐ-UB ngày 15/2/2005 của UBND tỉnh Khánh Hoà.

Được lập thành 02 bản (01 bản lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường, 01 bản giao cho người sử dụng đất) và kết thúc vào lúc giờ phút ngày 06/10/2005 có đọc lại cho mọi người cùng nghe và nhất trí ký tên dưới đây.

**ĐẠI DIỆN**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*[Signature]*  
*Đỗ Kỳ Hải*

**ĐẠI DIỆN**  
**P. TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG**

*[Signature]*  
*Ngô Văn Độ*

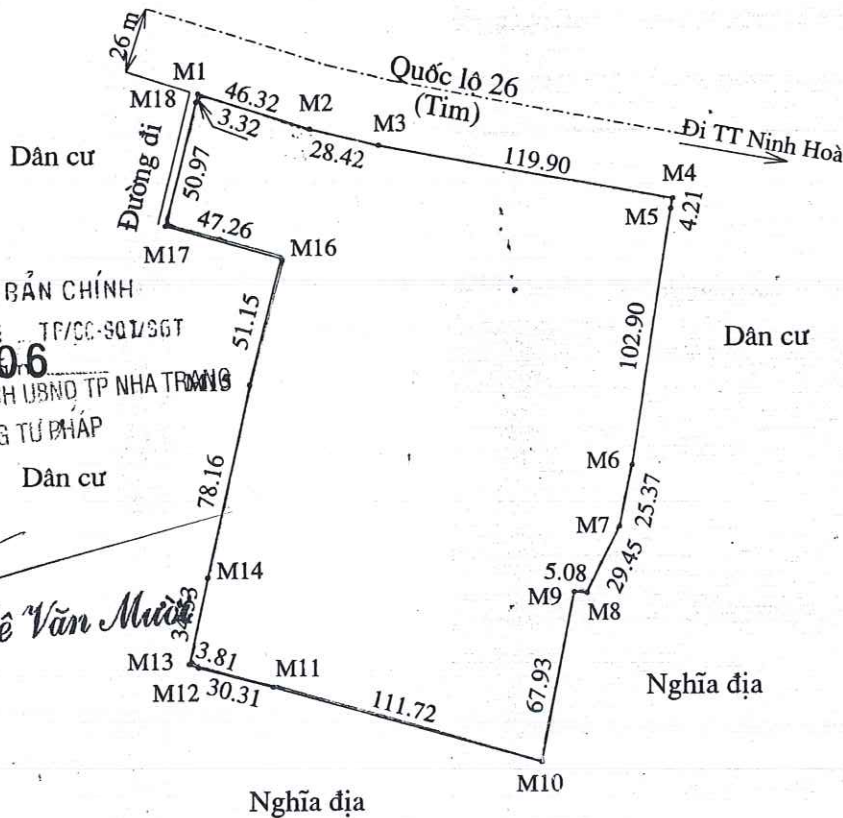


**ĐẠI DIỆN**  
**CÔNG TY CPVLXD KHÁNH HOÀ**  
**GIÁM ĐỐC**

*[Signature]*  
*Vũ Duy Cường*

**SƠ ĐỒ KHU ĐẤT**  
Tỷ lệ 1/3000

(theo tờ bản đồ trích đo địa chính số 264/2004/TĐ-BĐ)



CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực ..... 21.092006  
Ngày .....  
THỦA ỦY QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH UBND TP NHA TRANG  
TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP



*[Signature]*  
*Lê Văn Mạnh*

Ranh giới khu đất thuê

**XÁC NHẬN CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Nơi nhận:  
- Cty CPVLXD Khánh Hoà.  
- Sở Tài nguyên & Môi trường.



*[Signature]*  
*Vũ Xuân Thiêng*

Ktt lược

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 1064/QĐ-UB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nha Trang, ngày 16 tháng 5 năm 1997

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**  
*Về việc : Phê chuẩn Báo cáo Đánh giá tác động môi trường  
của Xí nghiệp Gạch ngói Ninh Hòa.*

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 21/6/1994;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 27/12/1993;
- Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18/10/1994 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Công văn ủy quyền thẩm định Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường số 2618/MTg ngày 14/11/1996;
- Xét Biên bản Hội đồng thẩm định Báo cáo Đánh giá tác động môi trường số 603/KHCNMT ngày 28/12/1996;
- Xét Công văn đề nghị số 204 /KHCNMT, ngày 13 tháng 5 năm 1997 của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Xét Đơn xin thẩm định ngày 06/11/1996 của Xí nghiệp Gạch ngói Ninh Hòa;

**QUYẾT ĐỊNH**

- Điều 1 :** Phê chuẩn nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường và phần bổ sung của Xí nghiệp Gạch ngói Ninh Hòa.
- Điều 2 :** Chủ doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung, cam kết về bảo vệ môi trường được nêu trong Báo cáo và những yêu cầu sau :
1. Các vùng mỏ nguyên liệu phải được lập phương án khai thác cụ thể, tuân thủ Luật Đất Đai, Luật Khoáng sản, và phải được sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Các vùng mỏ sau khi khai thác phải hoàn trả cho sản xuất nông nghiệp theo như phương án được các cơ quan có chức năng duyệt.

3. Thực hiện kiểm soát ô nhiễm môi trường khu vực Xí nghiệp định kỳ 01 lần / quý.

**Điều 3 :** Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Doanh nghiệp và những nội dung được bổ sung đã được phê chuẩn cùng với những yêu cầu đối với chủ doanh nghiệp là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp.

**Điều 4 :** Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, chủ doanh nghiệp phải báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra.

**Điều 5 :** Ủy nhiệm Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Khánh Hòa theo dõi, giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Nơi nhận :

- Xí nghiệp Gạch ngói Ninh Hòa.
- Sở KHCN&MT Khánh Hòa.
- Bộ KHCN&MT (để báo cáo).
- Cục Môi trường (để báo cáo).
- Lưu VP.



CHỦ TỊCH

*Nguyễn Chiết Khương*

*Nguyễn Chiết Khương*

Số: 662 QH/XD

Nha Trang, ngày 22 tháng 7 năm 1994

### GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

— Căn cứ Quyết định số 1144/UB ngày 10-12-1991 của UBND Tỉnh Khánh Hòa v/v: Kiên toàn tổ chức và qui định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Xây Dựng.

— Xét hồ sơ xin xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa mở rộng công trình: .....

Của Ông Bà: Xi nghiệp gạch ngói Khánh Hòa  
Xi nghiệp gạch ngói Ninh Xuân  
đã có ý kiến của chính quyền địa phương.

— Căn cứ vào việc thăm tra địa điểm xây dựng và thiết kế công trình của phòng Quản lý qui hoạch kiến trúc đô thị.

### SỞ XÂY DỰNG KHÁNH HÒA QUYẾT ĐỊNH

**ĐIỀU 1 :**

Cho phép Ông, Bà: Xi nghiệp gạch ngói Ninh Xuân

Được phép xây dựng mới, cải tạo sửa chữa, mở rộng công trình: .....

Xi nghiệp gạch ngói Khánh Hòa 25 triệu tiền/năm

Với các hội dung chính như sau (có hồ sơ bản vẽ kèm theo).

a) Địa điểm công trình Thôn Phước Lâm xã Ninh Xuân  
Huyện Ninh Hòa

b) Tính chất công trình: các hạng mục công trình: Theo  
thiết kế kỹ thuật được duyệt (số 2054/QĐ-UB  
ngày 24/3/94 của UBND Tỉnh)

c) Hướng mặt đứng công trình: Theo tổng mặt bằng được duyệt

**ĐIỀU 2 :** Khi khởi công xây dựng phải có sự chứng kiến của Phòng Quản lý qui hoạch kiến trúc đô thị thuộc Sở xây dựng và chính quyền địa phương trong việc xác định mốc giới công trình cho phù hợp với hồ sơ thiết kế

**ĐIỀU 3 :** Sẽ bị thu hồi giấy phép xây dựng, đình chỉ thi công, tháo dỡ một phần hay toàn bộ công trình nếu xây dựng không đúng thiết kế được duyệt, lấn chiếm đất đai, xâm phạm lộ giới lòng đường, làm ảnh hưởng đến công trình kiến trúc đã có xung quanh...

**ĐIỀU 4 :** — Giấy phép này có giá trị sử dụng trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký quyết định này.

— Giấy phép này không thay thế cho việc xác nhận quyền sở hữu về nhà và quyền sử dụng về đất.

**ĐIỀU 5 :** Phòng qui hoạch kiến trúc đô thị thuộc Sở Xây dựng, các cơ quan chức năng liên và Ông, bà: Xi nghiệp gạch ngói Ninh Xuân thực hiện thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

— Lưu theo  
— Lưu QH

**SAO Y TÀI LIỆN LƯU TRỮ**  
**TẠI SỞ XÂY DỰNG KH.**  
NHA TRANG, Ngày 31/7/2006  
SỞ XÂY DỰNG KHÁNH HÒA

LIAM ĐOC

SỞ XÂY DỰNG TỈNH KHÁNH HÒA

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 9 năm 2012

**SỔ ĐĂNG KÝ**  
**CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**  
Mã số QLCTNH: 56.000161.Tx  
(Cấp lại)

**I. Thông tin chung về chủ nguồn chất thải:**

- Tên: Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Khánh Hòa.
- Địa chỉ: 194 – 196 Trần Quý Cáp, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại: 058. 3 819 962 Fax: 058.3 821 005
- Tài khoản số: 4700201005850, tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy đăng ký kinh doanh số: 4200570999, Ngày cấp: 22/5/2012, Nơi cấp: Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

**II. Nội dung đăng ký:**

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký 05 cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

**III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:**

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**IV. Thời hạn hiệu lực:**

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động. /.

**Nơi nhận:**

- Như phần I;
- Lưu: CCBVMT, Nghi.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Mai Văn Thắng**

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 56.000161.Tx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa cấp lại ngày 17/9/2012)

**1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại**

1.1. Tên: Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN25.

Địa chỉ: Km6, QL26, thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3 620 668; Fax: 058.3 620 668

1.2. Tên: Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN10.

Địa chỉ: Km8, QL26, thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3 620 371; Fax: 058.3 620 371

1.3. Tên: Công trường đá Tân Dân.

Địa chỉ : thôn Tân Dân, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3 934 277; Fax: 058.3 934 277

1.4. Tên: Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh.

Địa chỉ: Km12, Tỉnh lộ 2, thôn Sơn Thạnh, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3 786 667; Fax: 058.3 786 667

1.5. Tên: Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20.

Địa chỉ: thôn Thượng, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 058.3 785 785; Fax: 058.3 785 785

**2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:****2.1. Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN10:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1.	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	400	17 02 03
2.	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	12	18 02 01
3.	Lọc dầu đã qua sử dụng thải	Rắn	6	15 01 02
4.	Ắc quy thải	Rắn	6	16 01 12
5.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	3	16 01 06
<b>Tổng cộng</b>			<b>427</b>	

**2.2. Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN25:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng trung bình	Mã CTNH
----	---------------	------------	---------------------	---------

		tồn tại	(kg/năm)	
1.	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03
2.	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	18	18 02 01
3.	Lọc dầu đã qua sử dụng thải	Rắn	6	15 01 02
4.	Ắc quy thải	Rắn	12	16 01 12
5.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	4	16 01 06
<b>Tổng cộng</b>			<b>640</b>	

## 2.3. Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1.	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03
2.	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	18	18 02 01
3.	Lọc dầu đã qua sử dụng thải	Rắn	6	15 01 02
4.	Ắc quy thải	Rắn	12	16 01 12
5.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	4	16 01 06
<b>Tổng cộng</b>			<b>640</b>	

## 2.4. Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1.	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	400	17 02 03
2.	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	18	18 02 01
3.	Lọc dầu đã qua sử dụng thải	Rắn	6	15 01 02
4.	Ắc quy thải	Rắn	12	16 01 12
5.	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	4	16 01 06
<b>Tổng cộng</b>			<b>425</b>	

## 2.5. Công trường đá Tân Dân:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
----	---------------	--------------------	------------------------------	---------

1.	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03
2.	Giẻ lau dính dầu thải	Rắn	12	18 02 01
3.	Lọc dầu đã qua sử dụng thải	Rắn	6	15 01 02
4.	Ắcquy thải	Rắn	18	16 01 12
<b>Tổng cộng</b>			<b>636</b>	

### 3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

#### 3.1. Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN10:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1.	Rác thải sinh hoạt	Rắn	540
2.	Nước thải sinh hoạt	Lỏng	360
<b>Tổng cộng</b>			<b>900</b>

#### 3.2. Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN25:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1.	Rác thải sinh hoạt	Rắn	540
2.	Nước thải sinh hoạt	Lỏng	360
<b>Tổng cộng</b>			<b>900</b>

#### 3.3. Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1.	Rác thải sinh hoạt	Rắn	540
2.	Nước thải sinh hoạt	Lỏng	360
<b>Tổng cộng</b>			<b>900</b>

#### 3.4. Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1.	Rác thải sinh hoạt	Rắn	480
2.	Nước thải sinh hoạt	Lỏng	240
<b>Tổng cộng</b>			<b>720</b>

#### 3.5. Công trường đá Tân Dân:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
----	---------------	--------------------	------------------------------

1.	Rác thải sinh hoạt	Rắn	540
2.	Nước thải sinh hoạt	Lỏng	360
<b>Tổng cộng</b>			<b>900</b>

#### 4. Danh sách CTNH đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở:

##### 4.1. Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN10:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	400	17 02 03	Tái sử dụng để bôi trơn máy móc thiết bị

##### 4.2. Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa – TN25:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03	Tái sử dụng để bôi trơn máy móc thiết bị

##### 4.3. Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03	Tái sử dụng để bôi trơn máy móc thiết bị

##### 4.4. Xí nghiệp gạch ngói Diên Khánh – TN20:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	400	17 02 03	Tái sử dụng để bôi trơn máy móc thiết bị

##### 4.5. Công trường đá Tân Dân:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	600	17 02 03	Tái sử dụng để bôi trơn máy móc thiết bị

#### 5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký (với dòng chữ sau trên trang bìa: “Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có Mã số QLCTNH: 56.000161.Tx do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lại ngày 17 tháng 9 năm 2012”) được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00271/2022

- Tên đơn vị : Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà
- Địa chỉ : 194-196 Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hoà
- Vị trí thu mẫu : Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hoà – TN25; Xã Ninh Xuân, Ninh Hoà, Khánh Hoà
- Thời gian thu mẫu : 28/04/2022
- Loại mẫu : Khí thải; Không khí xung quanh
- Số lượng mẫu : 02 mẫu
- Ký hiệu mẫu : Xem phần kết quả thử nghiệm
- Ngày trả kết quả : 10/05/2022
- Thời gian lưu mẫu : 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

### KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

#### Khí thải

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KT-21-0951	QCVN 19:2009/BTNMT (B)
1	Bụi tổng** (mg/Nm <sup>3</sup> )	US.EPA Method 5	102,6	200
2	CO (mg/Nm <sup>3</sup> )	Máy đo nhanh TESTO 350	563,5	1.000
3	SO <sub>2</sub> (mg/Nm <sup>3</sup> )		55,7	500
4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) (mg/Nm <sup>3</sup> )		6,6	850
5	HF** (mg/Nm <sup>3</sup> )	US.EPA Method 26	KPH MDL=0,15	20

#### Không khí xung quanh

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-21-0952	QCVN
1	Tiếng ồn (L <sub>Aeq</sub> , dBA)	TCVN 7878-2:2010	66,6	70(+)
2	Bụi (TSP) (µg/m <sup>3</sup> )	TCVN 5067:1995	20	300(+)
3	SO <sub>2</sub> (µg/m <sup>3</sup> )	TCVN 5971 : 1995	16	350(+)

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-21-0952	QCVN
4	NO <sub>2</sub> (µg/m <sup>3</sup> )	TCVN 6137:2009	7	200(+)
5	CO (µg/m <sup>3</sup> )	HDCV 60	2.211	30.000(+)

**Ghi chú:**

1. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được thử nghiệm
2. Kế hoạch và vị trí thu mẫu theo đề xuất của đơn vị
3. (\*\*\*) Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ (Vimcerts 075)
4. Ký hiệu mẫu:  
 KS-KT-21-0951: Tại ống khói lò nung  
 KS-KK-21-0952: Bên ngoài nhà máy  
 (+): QCVN 05:2013/BTNMT  
 (++) : QCVN 26:2010/BTNMT - Từ 6 giờ đến 21 giờ

Trưởng phòng Quan trắc



Quách Thanh Thủy

GIÁM ĐỐC



Đông Thị Quyên



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA  
**TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
 Địa chỉ: 99A Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa  
 Tel: (0258) 3811026; Fax: (0258) 3811028



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00343/2022

1. Tên đơn vị : Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hoà
2. Địa chỉ : 194-196 Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hoà
3. Vị trí thu mẫu : Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hoà – TN25; Xã Ninh Xuân, Ninh Hoà, Khánh Hoà
4. Thời gian thu mẫu : 19/06/2022
5. Loại mẫu : Khí thải; Không khí xung quanh
6. Số lượng mẫu : 02 mẫu
7. Ký hiệu mẫu : Xem phần kết quả thử nghiệm
8. Ngày trả kết quả : 30/06/2022
9. Thời gian lưu mẫu : 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

### KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

#### Khí thải

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KT-22-0782	QCVN 19:2009/BTNMT (B)
1	Bụi tổng** (mg/Nm <sup>3</sup> )	US.EPA Method 5	54,3	200
2	CO (mg/Nm <sup>3</sup> )	Máy đo nhanh TESTO 350	1.003	1.000
3	SO <sub>2</sub> (mg/Nm <sup>3</sup> )		26,2	500
4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) (mg/Nm <sup>3</sup> )		10,5	850
5	HF** (mg/Nm <sup>3</sup> )	US.EPA Method 26	KPH MDL=0,15	20

#### Không khí xung quanh

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-22-0783	QCVN
1	Tiếng ồn (L <sub>Aeq</sub> , dBA)	TCVN 7878-2:2010	61,3	70 <sup>(++)</sup>
2	Bụi (TSP) (µg/m <sup>3</sup> )	TCVN 5067:1995	20	300 <sup>(+)</sup>
3	SO <sub>2</sub> (µg/m <sup>3</sup> )	TCVN 5971 : 1995	21	350 <sup>(+)</sup>

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-22-0783	QCVN
4	NO <sub>2</sub> (µg/m <sup>3</sup> )	TCVN 6137:2009	9	200(+)
5	CO (µg/m <sup>3</sup> )	HDCV 60	1.549	30.000(+)

**Ghi chú:**

1. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được thử nghiệm
2. Kế hoạch và vị trí thu mẫu theo đề xuất của đơn vị
3. (\*\*\*) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ (Vimcerts 075)
4. Ký hiệu mẫu:  
 KS-KT-22-0782: Tại ống khói lò nung  
 KS-KK-22-0783: Bên ngoài nhà máy  
 (+): QCVN 05:2013/BTNMT  
 (++) : QCVN 26:2010/BTNMT - Từ 6 giờ đến 21 giờ  
 KPH: Không phát hiện  
 MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp

**Trưởng phòng Quan trắc**



**Quách Thanh Thủy**

**GIÁM ĐỐC**



**Đông Thị Quyên**



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG KHÁNH HÒA  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
Địa chỉ: 99A Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa  
Tel: (0258) 3811026; Fax: (0258) 3811028



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00569/2022

- Tên đơn vị : Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hòa
- Địa chỉ : 194 – 196 Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa
- Vị trí thu mẫu : Xí nghiệp Gạch ngói Ninh Hòa – TN25; Xã Ninh Xuân, Ninh Hòa, Khánh Hòa
- Thời gian thu mẫu : 13/10/2022
- Loại mẫu : Khí thải; Không khí xung quanh
- Số lượng mẫu : 02 mẫu
- Ký hiệu mẫu : Xem phân kết quả thử nghiệm
- Ngày trả kết quả : 25/10/2022
- Thời gian lưu mẫu : 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

### KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

#### Khí thải

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KT-23-0432	QCVN 19:2009/BTNMT (A)
1	Bụi tổng** (mg/Nm <sup>3</sup> )	US.EPA Method 5	60,7	400
2	CO (mg/Nm <sup>3</sup> )	Máy đo nhanh, TESTO 350	689,1	1.000
3	SO <sub>2</sub> (mg/Nm <sup>3</sup> )		227,9	1.500
4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) (mg/Nm <sup>3</sup> )		<1,88	1.000
5	HF** (mg/Nm <sup>3</sup> )	US.EPA Method 26	0,15	50

#### Không khí xung quanh

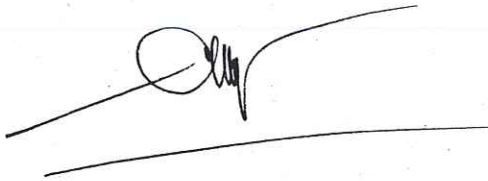
STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-23-0433	QCVN
1	Tiếng ồn (L <sub>Aeq</sub> , dBA)	TCVN 7878-2:2018	63,8	70 <sup>(++)</sup>
2	Bụi (TSP) (µg/m <sup>3</sup> )	TCVN 5067:1995	20	300 <sup>(+)</sup>
3	SO <sub>2</sub> (µg/m <sup>3</sup> )	TCVN 5971 : 1995	20	350 <sup>(+)</sup>
4	NO <sub>2</sub> (µg/m <sup>3</sup> )	TCVN 6137:2009	8	200 <sup>(+)</sup>

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-23-0433	QCVN
5	CO ( $\mu\text{g}/\text{m}^3$ )	HDCV 60	KPH MDL=1.500	30.000(+)

**Ghi chú:**

1. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được thử nghiệm
2. Kế hoạch và vị trí thu mẫu theo đề xuất của đơn vị
3. (\*\*) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ (Vimcerts 075)
4. Ký hiệu mẫu:  
 KS-KT-23-0432: Tại ống khói lò nung  
 KS-KK-21-0433: Bên ngoài nhà máy  
 (+): QCVN 05:2013/BTNMT  
 (++) : QCVN 26:2010/BTNMT - Từ 6 giờ đến 21 giờ

**Phó trưởng phòng Quan trắc**



**Lê Xuân Tiên**

**GIÁM ĐỐC**



**Đông Thị Quyên**



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00343/2023

1. Tên đơn vị : Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hòa
2. Địa chỉ : 194 – 196 Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa
3. Vị trí thu mẫu : Xí nghiệp Gạch ngói Ninh Hòa – TN25; Xã Ninh Xuân, Ninh Hòa, Khánh Hòa
4. Thời gian thu mẫu : 19/6/2023
5. Loại mẫu : Khí thải; Không khí xung quanh
6. Số lượng mẫu : 02 mẫu
7. Ký hiệu mẫu : Xem phần kết quả thử nghiệm
8. Ngày trả kết quả : 29/6/2023
9. Thời gian lưu mẫu : 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

### KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

#### Khí thải

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KT-23-0432	QCVN 19:2009/BTNMT (A)
1	Bụi tổng** (mg/Nm <sup>3</sup> )	US.EPA Method 5	60,7	400
2	CO (mg/Nm <sup>3</sup> )	Máy đo nhanh TESTO 350	689,1	1.000
3	SO <sub>2</sub> (mg/Nm <sup>3</sup> )		227,9	1.500
4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) (mg/Nm <sup>3</sup> )		<1,88	1.000
5	HF** (mg/Nm <sup>3</sup> )	US.EPA Method 26	0,15	50

#### Không khí xung quanh

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-23-0433	QCVN
1	Tiếng ồn (L <sub>Aeq</sub> , dBA)	TCVN 7878-2:2018	63,8	70 <sup>(++)</sup>
2	Bụi (TSP) (µg/m <sup>3</sup> )	TCVN 5067:1995	20	300 <sup>(+)</sup>
3	SO <sub>2</sub> (µg/m <sup>3</sup> )	TCVN 5971 : 1995	20	350 <sup>(+)</sup>
4	NO <sub>2</sub> (µg/m <sup>3</sup> )	TCVN 6137:2009	8	200 <sup>(+)</sup>

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-23-0433	QCVN
5	CO ( $\mu\text{g}/\text{m}^3$ )	HDCV 60	KPH MDL=1.500	30.000 <sup>(+)</sup>

**Ghi chú:**

1. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được thử nghiệm
2. Kế hoạch và vị trí thu mẫu theo đề xuất của đơn vị
3. (\*\*\*) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ (Vimcerts 075)
4. Ký hiệu mẫu:  
 KS-KT-23-0432: Tại ống khói lò nung  
 KS-KK-21-0433: Bên ngoài nhà máy  
 (+): QCVN 05:2013/BTNMT  
 (++) : QCVN 26:2010/BTNMT - Từ 6 giờ đến 21 giờ

Phó trưởng phòng Quan trắc

GIÁM ĐỐC



Lê Xuân Tiến

Đông Thị Quyên



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00819/2023

- Tên đơn vị : **Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hòa**
- Địa chỉ : 194 – 196 Trần Quý Cáp, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa
- Vị trí thu mẫu : Xí nghiệp Gạch ngói Ninh Hòa – TN25; Xã Ninh Xuân, Ninh Hòa, Khánh Hòa
- Thời gian thu mẫu : 13/12/2023
- Loại mẫu : Khí thải; Không khí xung quanh
- Số lượng mẫu : 02 mẫu
- Ký hiệu mẫu : Xem phần kết quả thử nghiệm
- Ngày trả kết quả : 26/12/2023
- Thời gian lưu mẫu : 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

### KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

#### Khí thải

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KT-23-0995	QCVN 19:2009/BTNMT (A)
1	Bụi tổng** (mg/Nm <sup>3</sup> )	US.EPA Method 5	57,4	400
2	CO (mg/Nm <sup>3</sup> )	Máy đo nhanh TESTO 350	582,5	1.000
3	SO <sub>2</sub> (mg/Nm <sup>3</sup> )		28,8	1.500
4	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) (mg/Nm <sup>3</sup> )		9,7	1.000
5	HF** (mg/Nm <sup>3</sup> )	US.EPA Method 26	<0,15	50

#### Không khí xung quanh

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm	Giá trị KS-KK-23-0996	QCVN
1	Tiếng ồn (L <sub>Aeq</sub> , dBA)	TCVN 7878-2:2018	61,2	70 <sup>(++)</sup>
2	Bụi (TSP)(mg/Nm <sup>3</sup> )	TCVN 5067:1995	24	300 <sup>(+)</sup>
3	SO <sub>2</sub> (mg/Nm <sup>3</sup> )	TCVN 5971 : 1995	8,8	350 <sup>(+)</sup>
4	NO <sub>2</sub> (mg/Nm <sup>3</sup> )	TCVN 6137:2009	8,1	200 <sup>(+)</sup>
5	CO (mg/Nm <sup>3</sup> )	HDCV 60	2.202	30.000 <sup>(+)</sup>

**Ghi chú:**

1. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được thử nghiệm
2. Kế hoạch và vị trí thu mẫu theo đề xuất của đơn vị
3. (\*\*\*) Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ (Vimcerts 075)
4. Ký hiệu mẫu:

KS-KT-23-0995: Tại ống khói lò nung. Tọa độ: N: 12.502716; E: 109.075590

KS-KK-23-0996: Bên ngoài nhà máy. Tọa độ: N: 12.503551; E: 109.074902

(+): QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

(++): QCVN 26:2010/BTNMT - Từ 6 giờ đến 21 giờ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

**Phó trưởng phòng Quan trắc**



**Lê Xuân Tiên**

**GIÁM ĐỐC**



**\* Đồng Thị Quyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 2321/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 9 năm 2020



Ký bởi: Ủy  
ban nhân  
dân tỉnh  
Khánh Hòa  
NAM  
Ngày ký:  
04.09.2020  
08:14:14  
+07:00

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói tại  
xứ đồng Giữa, xứ đồng Hà Thô, xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa,  
tỉnh Khánh Hòa

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản năm  
2010;*

*Xét Phương án cải tạo đồng ruộng của Chi nhánh Công ty CPVLXD  
Khánh Hòa-XN gạch ngói Ninh Hòa TN 25 về việc đề nghị cải tạo đồng ruộng,  
thu hồi sét gạch ngói tại xứ đồng Cảnh Chỏ và xứ đồng Gò Cháy, xã Ninh  
Hưng, thị xã Ninh Hòa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại công văn số  
3333/STNMT-KS-N-KTTV&BĐKH ngày 14 tháng 8 năm 2020.*

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói tại  
xứ đồng Giữa, xứ đồng Hà Thô, xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh  
Hòa.

1. Tổng diện tích khu vực cải tạo đồng ruộng là diện tích là 255.009 m<sup>2</sup>,  
tổng khối lượng sét thu hồi là 147.587 m<sup>3</sup>, gồm:

1.1. Xứ đồng Giữa, diện tích khu vực là 148.897 m<sup>2</sup> gồm 02 khu vực:

- Khu vực 1: diện tích là 91.271 m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm khép góc  
từ M15÷M40, M179, M178... M153 (tọa độ các điểm khép góc khu vực xác  
định theo Bản đồ địa hình hiện trạng khu đất, tỷ lệ 1:1.000 do Công ty TNHH  
Đo đạc và Dịch vụ Địa chính Ninh Hòa đo vẽ và thành lập tháng 12 năm 2017);  
Độ sâu cải tạo trung bình là 0,52 m (so với bề mặt địa hình hiện trạng); khối  
lượng sét gạch ngói thu hồi là 47.461 m<sup>3</sup>.



- Khu vực II: diện tích là 57.626 m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm khếp góc từ M1+M15, M153+M169, M113+M152 (tọa độ các điểm khếp góc khu vực xác định theo Bản đồ địa hình hiện trạng khu đất, tỷ lệ 1:1.000 do Công ty TNHH Đo đạc và Dịch vụ Địa chính Ninh Hòa đo vẽ và thành lập tháng 12 năm 2017); Độ sâu cải tạo trung bình là 0,78 m (so với bề mặt địa hình hiện trạng); khối lượng sét gạch ngói thu hồi là 44.948 m<sup>3</sup>.

1.2. Xứ đồng Hà Thô, diện tích khu vực là 106.112 m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm khếp góc từ M169, M168, M167, M170, M171...M180, M40+M113 (tọa độ các điểm khếp góc khu vực xác định theo Bản đồ địa hình hiện trạng khu đất, tỷ lệ 1:1.000 do Công ty TNHH Đo đạc và Dịch vụ Địa chính Ninh Hòa đo vẽ và thành lập tháng 12 năm 2017); Độ sâu cải tạo trung bình là 0,52 m (so với bề mặt địa hình hiện trạng); khối lượng sét gạch ngói thu hồi là 55.178 m<sup>3</sup>.

2. Thời hạn cho phép cải tạo: 36 tháng, kể từ ngày ký quyết định này.

Điều 2. Phân công thực hiện như sau:

1. Chi nhánh Công ty CPVLXD Khánh Hòa-XN gạch ngói Ninh Hòa TN 25 có trách nhiệm:

- Thực hiện cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói theo đúng nội dung Phương án cải tạo đồng ruộng đã được phê duyệt; thực hiện bảo vệ môi trường theo quy định;

- Thông báo kế hoạch cải tạo đồng ruộng, thu hồi sét gạch ngói cụ thể cho Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Ninh Hòa và UBND xã Ninh Hưng để thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát;

- Nghĩa vụ tài chính: ngoài việc thực hiện nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường theo quy định, Công ty CPVLXD Khánh Hòa-XN gạch ngói Ninh Hòa TN 25 thực hiện lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Sau khi hoàn thành công tác cải tạo, Chi nhánh Công ty CPVLXD Khánh Hòa-XN gạch ngói Ninh Hòa TN 25 có trách nhiệm xây dựng lại hệ thống kênh tưới, tiêu, đường giao thông nội bộ kết nối đồng bộ với hệ thống chung của khu vực; Phối hợp với UBND thị xã Ninh Hòa và UBND xã Ninh Hưng chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân.

2. UBND thị xã Ninh Hòa thực hiện kiểm tra, giám sát việc cải tạo đồng ruộng, san ủi trả lại mặt bằng theo đúng ranh giới, cao độ cho phép; giao đất cho các hộ dân để canh tác.

3. UBND xã Ninh Hưng thực hiện kiểm tra, giám sát việc cải tạo đồng ruộng theo phương án đã được phê duyệt; lập thủ tục chỉnh lý biến động hồ sơ

địa chính; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Ninh Hòa thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản và môi trường.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Ninh Hòa; Chủ tịch UBND xã Ninh Hưng và Chi nhánh Công ty CPVLXD Khánh Hòa-XN gạch ngói Ninh Hòa TN 25 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /S/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục thuế tỉnh;
- Lưu: VT, TN, LC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*

Lê Hữu Hoàng

11/11/2011

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
—o—

Đắk Nông, ngày 01 tháng 6 năm 2021

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TÁC**  
**Số: 02/2021/HĐ/DNI-ĐK**  
**Về việc thu mua, xử lý tro bay Nhiệt điện**

- Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

**CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG**

**1. Bên A: Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông (DNI)**

- Địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông
- Điện thoại: 0261 222 6666
- Tài khoản: 112 000 177923 tại Vietinbank, Chi nhánh tỉnh Đắk Nông
- Mã số thuế: 6400348804
- Người đại diện: Ông Nguyễn Thành Luân                      Chức vụ: Giám đốc

**2. Bên B: Công ty TNHH MTV Đặng Kiều (ĐK)**

- Địa chỉ: Thôn 13, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.
- Điện thoại: 0981 970 771
- Mã số thuế: 6400432245
- Tài khoản số: 113601155777 tại Vietinbank, Chi nhánh tỉnh Đắk Nông
- Mã số thuế: 6400432245
- Người đại diện: Bà Đặng Thị Mỹ Kiều                      Chức vụ: Giám đốc

**HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT**  
**HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU**

**Điều 1: Nội dung Hợp đồng:**

Bên A đồng ý giao cho bên B thu mua, xử lý khối lượng tro bay mà bên A thu gom từ nhà máy Nhiệt điện, Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV (DNA) thải ra trong suốt quá trình vận hành của nhà máy. Mục đích của việc thu mua, xử lý để sản xuất ra các sản phẩm tái chế thân thiện với môi trường, đúng theo quy định của pháp luật.

**Điều 2: Số lượng, địa điểm giao nhận:**

- Tro bay bên A cung cấp cho bên B được tính theo đơn vị tấn;
- Khối lượng được sẽ được tính tại cơ sở phiếu xuất tro bay do Công ty NHÔM ĐẮK NÔNG -

TKV giao cho DNI, thu gom hàng ngày trong tháng;

- Khối lượng tro bay từ Nhà máy Nhiệt điện nêu trên được bên B thu mua, xử lý phải đảm bảo các quy định về an toàn môi trường.

- Địa điểm nhận tro bay: tại bãi tro bay của bên B ở địa chỉ thôn Quảng Sơn, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông. Bên B tự bố trí phương tiện để tiếp nhận, xử lý.

**Điều 3. Thời gian, phương thức thực hiện:**

**3.1. Thời gian thực hiện Hợp đồng**

Khối lượng tro bay từ Nhà máy Nhiệt điện sẽ được DNI thu gom hàng ngày, sau đó vận chuyển đến vị trí tập kết của bên B. Thời gian thực hiện tương ứng với thời gian DNI ký kết với DNA thu gom, xử lý hoặc cho tới khi hai bên có thoả thuận khác hoặc quyết toán, thanh lý Hợp đồng.

**3.2. Phương thức thực hiện**

Trong thời gian thu gom nêu trên, Bên B phải bố trí đầy đủ phương tiện thực hiện 03 ca/ngày liên tục, đảm bảo xử lý khối lượng tro bay từ Nhà máy Nhiệt điện phát sinh trong nhà máy Alumin mà bên A thu gom giao cho bên B.

**Điều 4. Đơn giá Hợp đồng**

4.1. Giá hợp đồng được dựa theo khối lượng thực tế DNI thu gom tại DNA và giao lại cho bên B thu mua, xử lý. Đơn giá thu mua cụ thể như sau:

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thu mua, xử lý tro bay từ nhà máy Nhiệt điện	Tấn	TT	15.000	Khối lượng theo thực tế giao nhận

4.2. Khối lượng, giá trị thanh toán được xác định dựa trên khối lượng nghiệm thu theo thực tế thực hiện và đơn giá hợp đồng

4.3. Đơn giá Hợp đồng bao gồm tất cả các chi phí để thực hiện nội dung công việc nêu tại Điều 1 của Hợp đồng: toàn bộ chi phí, phí, lợi nhuận và tất cả các loại thuế theo đúng theo quy định của pháp luật.

4.4. Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định. Trường hợp giá cả thị trường có biến động (ví dụ như giá xăng dầu biến động...) thì hai bên cùng nhau thương thảo lại đơn giá này.

**Điều 5. Nghiệm thu, thanh toán**

**5.1. Nghiệm thu**

- Hàng tháng, trên cơ sở các phiếu cân hoặc phiếu xác nhận số chuyển vận chuyển, hai bên tiến hành nghiệm thu tổng khối lượng tro bay Nhà máy nhiệt điện do bên B thu mua, xử lý trong tháng, làm cơ sở xác định giá trị thanh toán giữa các bên.

**5.2. Thanh toán:**

Bên B sẽ thanh toán cho Bên A 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu trong vòng 10 (mười) ngày làm việc.

- Phương thức thanh toán: Thực hiện theo phương thức chuyển khoản hoặc tiền mặt.

- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

**Điều 6: Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng được ký kết;
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng);
- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nộp tiền mặt cho bên A;
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Có hiệu lực kể từ khi phát hành đến hết khi hợp đồng này hết hiệu lực.

#### Điều 7: Trách nhiệm của mỗi bên

##### 7.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Tạo điều kiện cho bên B thu mua, xử lý khối lượng tro bay mà bên A thu gom tại nhà máy Nhiệt điện, công ty Nhôm Đắk Nông - TKV trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng này.

##### 7.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Trong suốt quá trình thực hiện, bên B cam kết không làm ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của bên A;

- Xử lý hết toàn bộ số lượng tro bay bên A giao;

- Cam kết tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành cũng như đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các đơn vị xung quanh khu vực xử lý;

- Bên B tự chịu trách nhiệm về an ninh trật tự, an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ liên quan đến nhân lực, thiết bị của bên B trong quá trình thực hiện theo Hợp đồng;

- Phương tiện vận tải bên B phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thu mua, xử lý, vận hành theo quy định;

- Khi có sự cố phát sinh cùng bên A lập biên bản, thống nhất biện pháp giải quyết, tạo mọi điều kiện thuận lợi để bên B thực hiện Hợp đồng;

- Thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng;

- Chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật trong toàn bộ quá trình thu mua, xử lý khối lượng tro bay theo Hợp đồng này;

- Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường, chịu hoàn toàn chi phí xử lý hậu quả nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, nếu cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý vi phạm do hoạt động xử lý làm ô nhiễm môi trường, bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm (chi phí xử phạt, trách nhiệm pháp lý).

#### Điều 8. Hiệu chỉnh bổ sung hợp đồng

8.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu một bên thấy rằng nội dung điều khoản nào đó của hợp đồng không còn phù hợp với thực tế thì bên đó có quyền đề xuất để hai bên xem xét thương thảo, làm cơ sở để hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng;

8.2. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng sẽ được thể hiện bằng phụ lục được hai bên ký kết. Phụ lục hợp đồng sẽ là một phần không tách rời của hợp đồng.

#### Điều 9. Bất khả kháng

9.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: sự cố thiên nhiên, dịch bệnh, chiến tranh, bạo



- Hợp đồng được thanh lý sau khi hai bên hoàn thành công việc và bên A đã thanh toán hết cho bên B;

- Hiệu lực Hợp đồng kể từ ngày ký;

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản, có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi các điều khoản trên đã thực hiện xong và có thỏa thuận chấm dứt hợp đồng bằng văn bản giữa hai bên.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
=====o0o=====

Đắk Nông, ngày 15 tháng 9 năm 2021

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC**  
**Số: 02/2021/HĐ**  
**Về việc mua bán xỉ than- xỉ than nghiền**

- Căn cứ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội;
  - Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
  - Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội
- Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

**CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG**

**1. Bên Bán ( Bên A): CÔNG TY TNHH MTV ĐẶNG KIỀU**

- Địa chỉ: Thôn 13, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.
- Điện thoại: 0981 970 771
- Mã số thuế: 6400432245
- Tài khoản số: 113601155777 tại ngân hàng Vietinbank, Chi nhánh tỉnh Đắk Nông.

- Người đại diện: Bà Đặng Thị Mỹ Kiều                      Chức vụ: Giám đốc

**2. Bên Mua ( Bên B): CÔNG TY TNHH TM-DV NHẤT HUNG PHÁT**

- Địa chỉ: 2 Nguyễn Cao Luyện, Phường Phước Long, TP Nha Trang, Khánh Hòa.
- Điện thoại: 0903 534 757
- Mã số thuế: 4201919400
- Tài khoản số: 0001509512870 tại ngân hàng TMCP Quân Đội, Chi nhánh Khánh Hòa.

- Người đại diện: Ông Vũ Văn Đót                              Chức vụ: Giám đốc

**HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT**  
**HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU**

**Điều 1: HÀNG HÓA, KHỐI LƯỢNG**

Bên A đồng ý bán xỉ than- xỉ than nghiền và Bên Mua đồng ý mua xỉ than và xỉ than nghiền cụ thể như sau:

- Tên hàng hóa: Than xỉ nhiệt 2000Kcal/kg( cho phép sai số 50Kcal/kg).
- Đơn giá được hai bên thỏa thuận thống nhất theo từng chuyến hàng và thể

hiện trên chứng từ thanh toán.

- Chất lượng: Theo thỏa thuận của đại diện bên bán và bên mua.
- Đơn giá: Giá bán tại kho bãi: xi than 100.000đ/ tấn, xi than nghiền 250.000đ chưa bao gồm tiền vận chuyển và thuế giá trị gia tăng 10%.
- Bên A sẽ thanh toán tiền đầu khi bên B sắp xếp được xe lấy hàng tại kho bãi cho bên A theo từng chuyến hàng trong ngày.

## Điều 2: ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

- Địa điểm giao: tại kho bãi Thôn 13, xã Đắc Wer, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông. Bên B tự bố trí phương tiện để tiếp nhận, xử lý.
- Phương thức giao nhận: Qua tổng đo tấn trên xe dưới sự giám sát của đại diện bên mua và bên bán.

## Điều 3: THANH TOÁN

Thời hạn thanh toán:

- Bên B sẽ thanh toán cho bên A 100% giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu sau khi đo xong và thanh toán trước khi xe lăn bánh.
- Phương thức thanh toán: Tiền mặt.
- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

## Điều 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

### 4.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Đảm bảo nguồn hàng để giao cho bên B theo đúng khối lượng và tiến độ của hai bên đã thỏa thuận.
- + Đảm bảo độ mịn theo đúng mẫu đã đưa cho bên mua.
- + Đảm bảo nhiệt trị.
- + Chất lượng than là xi than nghiền
  - Thực hiện giao nhận xi than nghiền tại địa điểm giao nhận với bên mua.
  - Đảm bảo cung cấp nguồn than hợp pháp.
  - Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của bên bán theo quy định của hợp đồng này.

### 4.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Thanh toán tiền hàng cho bên bán theo thỏa thuận trong hợp đồng này.
- Bên mua cam kết:
  - + Chỉ mua xi than nghiền để sử dụng vào sản xuất, kinh doanh đúng mục đích quy định pháp luật.
  - + Không mua xi than nghiền để đưa đi xuất khẩu.

## Điều 5: CAM KẾT CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã ghi trong hợp đồng này, trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc thông báo cho nhau để cùng giải quyết, không bên nào tự sửa đổi, hủy bỏ hợp đồng, bên nào vi phạm phải chịu trách nhiệm theo pháp luật
- Bất cứ sự thay đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập văn bản và

hai bên cùng xác nhận thì mới có hiệu lực. Nếu có tranh chấp trước hết phải thông qua thương lượng hòa giải đôi bên cùng có lợi.

- Nếu có xảy ra tranh chấp không tự hòa giải được thì sẽ đưa ra Tòa án kinh tế tỉnh Đắk Nông giải quyết. Quyết định của Tòa án là phán quyết cuối cùng buộc hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên sai chịu.
- Sau 15 ngày kể từ khi Hợp đồng hết hiệu lực hai bên không có tranh chấp gì coi như hợp đồng thanh lý.
- Hợp đồng này được thành lập 2 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.
- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A  
GIÁM ĐỐC



Đặng Mỹ Kiều

ĐẠI DIỆN BÊN B  
GIÁM ĐỐC



Văn Đót



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
-----o0o-----

Đắk Nông, ngày 1 tháng 7 năm 2022

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC**

Số 01

- Căn cứ theo HĐNT số 02/2021/HĐ đã ký ngày 15 tháng 9 năm 2021
- Căn cứ nhu cầu thực tế 2 bên

Chúng tôi gồm có:

**BÊN BÁN (Bên A): CÔNG TY TNHH MTV ĐẶNG KIỀU**

- Địa chỉ: Thôn 13, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.
- Điện thoại: 0981 970 771
- Mã số thuế: 6400432245
- Tài khoản số: 113601155777 tại ngân hàng Vietinbank, Chi nhánh tỉnh Đắk

Nông.

- Người đại diện: Bà Đặng Thị Mỹ Kiều Chức vụ: Giám đốc

**Bên Mua (Bên B): CÔNG TY TNHH TM-DV NHẤT HÙNG PHÁT**

- Địa chỉ: 2 Nguyễn Cao Luyện, Phường Phước Long, TP Nha Trang, Khánh Hòa.
- Điện thoại: 0903 534 757
- Mã số thuế: 4201919400
- Tài khoản số: 0001509512870 tại ngân hàng TMCP Quân Đội, Chi nhánh Khánh

Hòa.

- Người đại diện: Ông Vũ Văn Đót Chức vụ: Giám đốc

Sau khi xem xét, thỏa thuận hai bên đã đi đến thống nhất ký Phụ lục hợp đồng dịch vụ số 01 về điều chỉnh giá xi than (xi khí hóa than) và xi than nghiền đối với hợp đồng đã ký số 02/2021/HĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 cụ thể như sau:

1 Điều chỉnh giá xi than (xi khí hóa than) từ 100.000đ/ tấn lên 170.000đ/ tấn.

2 Giá xi than nghiền từ 250.000đ/tấn lên 320.000đ/ tấn.

4 Bên A sẽ không thanh toán tiền dầu khí Bên B lấy hàng tại kho bãi Bên A.

4. Điều khoản chung:

4.1 Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên được quy định trong hợp đồng số: 02/2021/HĐ



4.2 Phụ lục hợp đồng được lập thành 2 bản, có nội dung & giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 1 bản.

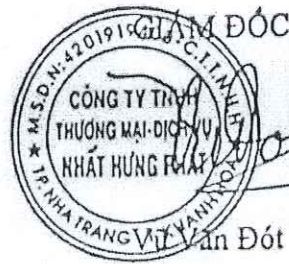
4.3 Phụ lục này là 1 phần không thể tách rời của HĐNT số 01 và có giá trị kể từ ngày ký 01/07/2022

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC



ĐẠI DIỆN BÊN B



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Nha Trang, ngày 02 tháng 01 năm 2023*

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ NĂM 2023**

**Số : 01.2023/HĐKT**

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được ban hành ngày 14/06/2005 có hiệu lực ngày 01/01/2006.

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017.

- Căn cứ nhu cầu khả năng của hai đơn vị.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2023, tại Văn phòng Công ty CP VLXD Khánh Hòa, chúng tôi gồm có :

**1. Bên bán : Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Nhất Hưng Phát (gọi tắt là bên A)**

- Địa chỉ : 2 Nguyễn Cao Luyện, P.Phước Long, TP Nha Trang, Khánh Hòa.

- Mã số thuế : 4201919400

- Điện thoại : 0906 136 999

- Tài khoản : 0001509512870 NHTMCP Quân đội - CN Khánh Hòa.

- Do Ông Bùi Hạnh Phúc; Chức vụ : Giám đốc làm đại diện.

**2. Bên mua : Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Khánh Hòa (gọi tắt là bên B)**

- Địa chỉ : 194-196 Trần Quý Cáp, P.Phương Sài, Nha Trang, Khánh Hòa

- Mã số thuế : 4200570999

- Điện thoại : 02583 822 124 – 3820 197, Fax : 02583 816 329

- Tài khoản : 4700201005850 Ngân hàng NN và PTNT tỉnh Khánh Hòa.

- Do Ông Nguyễn Văn Hoàng; Chức vụ : Giám đốc làm đại diện.

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng mua bán Tro, xỉ than nghiền năm 2023 với các điều khoản cụ thể dưới đây :

**Điều I : Số lượng, Chứng loại, Chất lượng :**

1. Chứng loại : Tro, xỉ than nghiền.

2. Số lượng : Theo nhu cầu của bên B.

3. Chất lượng :

- Chất bốc : 4%-5%

- Nhiệt lượng : 1.600 kcal/kg – 2.000 kcal/kg

**Điều II : Tiến độ, địa điểm, hình thức giao nhận.**

1. Tiến độ giao hàng : Theo đặt hàng của bên B và được sự đồng ý của bên A.

2. Địa điểm, hình thức giao hàng : Bên A giao trên phương tiện vận chuyển của bên A, qua cân điện tử tại các kho của bên B, Kho bên nào bên đó chịu chi phí xếp dỡ.

**Điều III : Giá cả và phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán.**

1. Giá cả : Tùy thời điểm, theo thư báo giá của bên A.

Tro, xỉ than nghiền : 672.000 đồng/tấn.

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT; và cước vận chuyển đến kho bên mua, kho bên nào bên đó chịu chi phí xếp dỡ.

Đơn giá trên là đơn giá tại thời điểm ký hợp đồng, trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi về giá thì bên bán báo giá cho bên mua và hai bên tiến hành ký phụ lục hợp đồng. Nếu Bên B không thống nhất giá theo thư báo giá thì coi như hợp đồng này hết hiệu lực và Bên A không chịu trách nhiệm trong việc cung cấp lô hàng tiếp theo.

2. Hình thức thanh toán : Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

- Thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng thì ngày thực tế thanh toán căn cứ trên ngày báo có của ngân hàng, thanh toán bằng tiền mặt thì ngày thực tế thanh toán là ngày ghi trên phiếu thu của bên A.

3. Thời hạn thanh toán :

Bên B thanh toán toàn bộ giá trị lô hàng trong vòng 20 ngày, kể từ ngày ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

Nếu sau đó vì bất cứ lý do gì mà bên B chưa chuyển hết tiền, thì bên B phải trả thêm tiền lãi nợ quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm chậm thanh toán đối với số tiền và thời gian chậm thanh toán, thời điểm tính lãi được tính từ ngày ghi trên hóa đơn. Trong trường hợp này bên A không chịu trách nhiệm về việc cung cấp lô hàng tiếp theo cho tới khi bên B chuyển hết số tiền còn nợ cho bên A.

**Điều IV : Trách nhiệm các bên.**

1. Bên bán : Chuẩn bị nguồn hàng, đảm bảo số lượng, tiến độ giao hàng. Tạo điều kiện cho bên mua nhận hàng được thuận lợi.

2. Bên mua : Tổ chức nhận hàng theo lịch đăng ký, thanh toán đúng như đã cam kết và đối chiếu hàng hóa, công nợ giữa hai bên.

**Điều V : Cam kết chung.**

Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng. Mọi sửa đổi bổ sung nếu có được thể hiện bằng văn bản và được hai bên chấp nhận. Nếu có khó khăn gì hai bên sẽ gặp nhau bàn bạc giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên, không bên nào tự ý thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Trường hợp hai bên đã nỗ lực nhưng không giải quyết được các tranh chấp xảy ra thì sẽ được giải quyết tại Toà án thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Phán quyết của cơ quan này có hiệu lực cuối cùng và hai bên có trách nhiệm thi hành. Mọi chi phí do bên thua kiện chịu

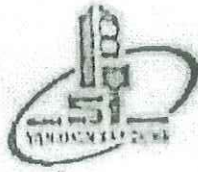
Hợp đồng này được lập thành 04 bản, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2023. Khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên thực hiện xong trách nhiệm của mình và không có khiếu kiện gì thì hợp đồng xem như tự động được thanh lý.



Nguyễn Văn Hoàng



Bùi Hạnh Phúc



BỘ XÂY DỰNG  
Ministry of Construction

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG  
Vietnam Institute for Building Science and Technology  
AM 11 Đường Nguyễn Văn Ngọc, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Website: www.vibst.vn • Email: vibst@vibst.vn

# GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP QUY CERTIFICATE OF CONFORMITY

No: 240/2018VKH

Chứng nhận sản phẩm/ This is to certify that:

**CÁT NGHIÊN CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA XÂY DỰNG**

Đơn vị sản xuất/ Manufactured by:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG.**

Địa chỉ/ Address:

**Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.**

Phù hợp với/ Conforms to: **QCVN 16:2017/BXD**

Phương thức đánh giá sự phù hợp/ Certification method:

**Phương thức 5/ Method 5**

Giấy chứng nhận có giá trị/ This certificate is valid:

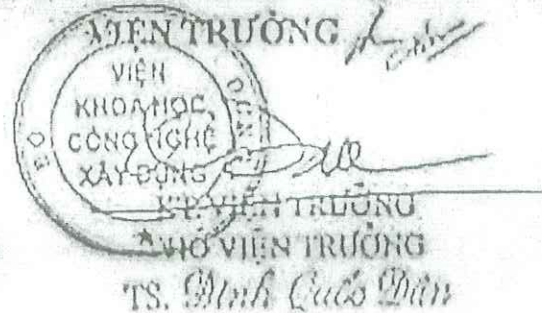
**SAO Ý BẢN CHÍNH**  
từ ngày 05 tháng 10 năm 2018 đến ngày 04 tháng 10 năm 2021.  
Ngày... 26 tháng ... 12 năm ... 2018



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Ngọc Lương*

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2018





**BỘ XÂY DỰNG**  
**VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG**  
Vietnam Institute for Building Science and Technology  
Add: 81 Trần Hưng Đạo - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax 84.4.38361197  
Website: www.bst.vn - Email: vien.khcnxd@bst.vn

## GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

No: 141/2019VKH

Chứng nhận sản phẩm:

**XI DÂY LÒ NHIỆT ĐIỆN ĐÓT THAN LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP.**

Đơn vị sản xuất: CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV.

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk Rlấp, tỉnh Đắk Nông.

Đơn vị phân phối: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk Rlấp, tỉnh Đắk Nông.

Phù hợp với: TCVN 12249:2018.

Phương thức đánh giá sự phù hợp:

Phương thức 1.

Giấy chứng nhận có giá trị: đối với xi dây lò tại chân silô của đơn vị sản xuất kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2019 đến ngày 18 tháng 7 năm 2020.

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2019



TCVN 12249  
Số: 141/2019



GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Ngọc Lương



\* KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
TS. Đinh Quốc Dân



**BỘ XÂY DỰNG**

**VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG**

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội. Hotline: 0975.131656

Website: www.ibst.vn FB: www.facebook.com/hopchuan.hopquylBST

## GIẤY CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN

No: 125/2022VKH



Chứng nhận sản phẩm:

**TRO BAY LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP.**

Đơn vị sản xuất:

**NHÀ MÁY ALUMIN NHÂN CƠ - CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV.**

Địa chỉ: Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông, Việt Nam.

Phù hợp với:

**TCVN 12249:2018.**

Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp - Yêu cầu chung.

Phương thức đánh giá sự phù hợp:

Phương thức 1.

Giấy chứng nhận có giá trị: đối với tro bay tại chân si lô, phân xưởng nhiệt điện của đơn vị sản xuất kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2022 đến ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Được phép sử dụng dấu hợp chuẩn



Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2022

**KT. VIỆN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**Đình Quốc Dân**



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 5 tháng 7 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TNH

Số: 00354451

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**

Mã số thuế: 4 2 0 0 4 4 2 8 5 2

Địa chỉ: 198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com

Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa



Tên khách hàng:

Mã khách hàng: KH052607

Đơn vị mua hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xí Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã số thuế: 4200570999-001

Loại hình: SXVC NX 2019

Điện thoại: 0984395428

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ký hóa đơn: Tháng 07/2024

Thời gian sử dụng: Từ 05/06/2024 đến 04/07/2024

STT	Chỉ số cuối kỳ	Chỉ số đầu kỳ	Tổng tiêu thụ (m <sup>2</sup> )	Phân loại	Tiêu thụ (m <sup>2</sup> )	Đơn giá (vnd/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (vnd)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6x7)
1	1039+0	1015	24	>0	24	12.600	302.400
Cộng tiền nước:							302.400
Thuế suất 5%:							15.120
Tổng cộng tiền thanh toán:							317.520

Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm mười bảy nghìn năm trăm hai mươi đồng chẵn./.

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA  
Ký ngày: 5 tháng 7 năm 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử tại: <https://tracuuhoadon.vetc.com.vn>. Mã tra cứu: kpaPyMKAg2Po



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 4 tháng 6 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TNH

Số: 00298024

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**

Mã số thuế: **4200442852**

Địa chỉ: 198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com

Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa



Tên khách hàng:	Mã khách hàng: KH052607
Đơn vị mua hàng : Chi Nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xí Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25	
Địa chỉ : Phước Lâm , Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa	
Mã số thuế: 4200570999-001	Loại hình: SXVC NX 2019
Điện thoại: 0984395428	Hình thức thanh toán: TM/CK
Kỳ hóa đơn: Tháng 06/2024	Thời gian sử dụng: Từ 05/05/2024 đến 04/06/2024

STT	Chỉ số cuối kỳ	Chỉ số đầu kỳ	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Phân loại	Tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (vnd/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (vnd)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6x7)
1	1015+0	1001	14	>0	14	12.600	176.400

Cộng tiền nước: 176.400

Thuế suất 5%: 8.820

Tổng cộng tiền thanh toán: **185.220**

Tổng số tiền bằng chữ: **Một trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi đồng chẵn./.**

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA  
Ký ngày: 4 tháng 6 năm 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử tại: <https://tracuuhoadon.vetc.com.vn>. Mã tra cứu: **oDo6kvFYAsg7**



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 5 tháng 5 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TNH

Số: 00243375

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**

Mã số thuế: 4 2 0 0 4 4 2 8 5 2

Địa chỉ: 198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com

Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa



Tên khách hàng:	Mã khách hàng: KH052607
Đơn vị mua hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xí Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25	
Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa	
Mã số thuế: 4200570999-001	Loại hình: SXVC NX 2019
Điện thoại: 0984395428	Hình thức thanh toán: TM/CK
Kỳ hóa đơn: Tháng 05/2024	Thời gian sử dụng: Từ 05/04/2024 đến 04/05/2024

STT	Chỉ số cuối kỳ	Chỉ số đầu kỳ	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Phân loại	Tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (vnd/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (vnd)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6x7)
1	1001+0	983	18	>0	18	12.600	226.800
Cộng tiền nước:							226.800
Thuế suất 5%:							11.340
Tổng cộng tiền thanh toán:							238.140

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám nghìn một trăm bốn mươi đồng chẵn./.

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA  
Ký ngày: 5 tháng 5 năm 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử tại: <https://tracuuhoadon.vetc.com.vn>. Mã tra cứu: WgwQhchRnjgd



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 5 tháng 4 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TNH

Số: 00181291

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**

Mã số thuế: **4 2 0 0 4 4 2 8 5 2**

Địa chỉ: 198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com

Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa



Tên khách hàng: Chi Nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xí Nghiệp Gạch Ngói  
Ninh Hòa TN 25

Mã khách hàng: KH052607

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã số thuế: 4200570999-001

Loại hình: SXVC NX 2019

Điện thoại: 0984395428

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ký hóa đơn: Tháng 04/2024

Thời gian sử dụng: Từ 05/03/2024 đến 04/04/2024

STT	Chỉ số cuối kỳ	Chỉ số đầu kỳ	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Phân loại	Tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (vnd/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (vnd)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6x7)
1	983+0	974	9	>0	9	12.600	113.400
Cộng tiền nước:							113.400
Thuế suất 5%:							5.670
Tổng cộng tiền thanh toán:							119.070

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm mười chín nghìn không trăm bảy mươi đồng chẵn./.

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA  
Ký ngày: 5 tháng 4 năm 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử tại: <https://tracuuhoadon.vetc.com.vn>. Mã tra cứu: 3quSW4WDsZAan



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 7 tháng 3 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TNH

Số: 00147586

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**

Mã số thuế: **4 2 0 0 4 4 2 8 5 2**

Địa chỉ: 198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com

Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa



Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xi Nghiệp Gạch Ngói  
Ninh Hòa TN 25

Mã khách hàng: KH052607

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã số thuế: 4200570999-001

Loại hình: SXVC NX 2019

Điện thoại: 0984395428

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ký hóa đơn: Tháng 03/2024

Thời gian sử dụng: Từ 05/02/2024 đến 04/03/2024

STT	Chỉ số cuối kỳ	Chỉ số đầu kỳ	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Phân loại	Tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (vnd/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (vnd)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6x7)
1	974+0	958	16	>0	16	12.600	201.600
Cộng tiền nước:							201.600
Thuế suất 5%:							10.080
Tổng cộng tiền thanh toán:							211.680

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm mười một nghìn sáu trăm tám mươi đồng chẵn./.

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA  
Ký ngày: 7 tháng 3 năm 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử tại: <https://tracuuhoadon.vetc.com.vn>. Mã tra cứu: 2TIEpoxdiUvqy



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 5 tháng 2 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TNH

Số: 00075894

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**

Mã số thuế: **4200442852**

Địa chỉ: 198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com

Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa



Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xí Nghiệp Gạch

Ngôi Ninh Hòa TN 25

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã số thuế: 4200570999-001

Điện thoại: 0984395428

Kỳ hóa đơn: Tháng 02/2024

Mã khách hàng: KH052607

Loại hình: SXVC NX 2019

Hình thức thanh toán: TM/CK

Thời gian sử dụng: Từ 05/01/2024 đến 04/02/2024

STT	Chỉ số cuối kỳ	Chỉ số đầu kỳ	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Phân loại	Tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (vnđ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (vnđ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6x7)
1	958+0	929	29	>0	29	12.600	365.400

Cộng tiền nước: 365.400

Thuế suất 5%: 18.270

Tổng cộng tiền thanh toán: **383.670**

Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi đồng chẵn./.

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA

Ký ngày: 5 tháng 2 năm 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử tại: <https://tracuuhoadon.vetc.com.vn>. Mã tra cứu: **GfNCPxqayTHk**



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 6 tháng 1 năm 2024

Ký hiệu: 1K24TNH

Số: 00030654

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**

Mã số thuế: **4200442852**

Địa chỉ: 198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com

Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa



Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xí Nghiệp Gạch

Ngôi Ninh Hòa TN 25

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã số thuế: 4200570999-001

Điện thoại: 0984395428

Kỳ hóa đơn: Tháng 01/2024

Mã khách hàng: KH052607

Loại hình: SXVC NX 2019

Hình thức thanh toán: TM/CK

Thời gian sử dụng: Từ 05/12/2023 đến 04/01/2024

STT	Chỉ số cuối kỳ	Chỉ số đầu kỳ	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Phân loại	Tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (vnđ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (vnđ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6x7)
1	929+0	902	27	>0	27	12.600	340.200

**Cộng tiền nước:** 340.200

**Thuế suất 5%:** 17.010

**Tổng cộng tiền thanh toán:** **357.210**

**Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm mười đồng chẵn./.**

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA

Ký ngày: 6 tháng 1 năm 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử tại: <https://tracuuhoadon.vetc.com.vn>. Mã tra cứu: 272mThetG2uE2



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**

198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Tel: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com

Mã số thuế: **4200442852**

Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa

Mẫu số: 01GTKT0/001

Ký hiệu: DT/21E

Số: 0484960

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC)**

Tháng: 1 Từ ngày: 07/12/2021 đến ngày: 04/01/2022

Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xi Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã khách hàng: KH052607

Mã số thuế: 4200570999-001

Loại hình: SXVC NX 2019

Chỉ số đầu kỳ: 972

Chỉ số cuối kỳ: 981 + 0

Tiêu thụ (m3): 9

Phân loại	Tiêu thụ (m3)	Đơn giá (đ/m3)	Thành tiền (đồng)
Phân loại 1 >0	9	12.600	113.400

Cộng tiền nước: 113.400 Thuế suất 5% : 5.670

Tiền thuê bao đồng hồ: 0

Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 0

Tổng cộng số tiền phải thanh toán: 119.070

Bằng chữ: Một trăm mười chín nghìn không trăm bảy mươi đồng chẵn.

Ngày 08 tháng 01 năm 2022

**Giám đốc**

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ  
NINH HÒA  
Ký ngày: 08/01/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**  
198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Tel: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com

Mã số thuế: 4200442852

Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa

Mẫu số: 01GTKT0/001

Ký hiệu: DT/21E

Số: 0511606

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC)

Tháng: 2 Từ ngày: 05/01/2022 đến ngày: 04/02/2022

Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xi Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã khách hàng: KH052607

Mã số thuế: 4200570999-001

Loại hình: SXVC NX 2019

Chỉ số đầu kỳ: 981

Chỉ số cuối kỳ: 998 + 0

Tiêu thụ (m3): 17

Phân loại	Tiêu thụ (m3)	Đơn giá (đ/m3)	Thành tiền (đồng)
Phân loại 1 >0	17	12.600	214.200

Cộng tiền nước: 214.200 Thuế suất 5% : 10.710  
Tiền thuê bao đồng hồ: 0  
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 0  
Tổng cộng số tiền phải thanh toán: 224.910

Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm mười đồng chẵn.

Ngày 07 tháng 02 năm 2022

**Giám đốc**

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ  
NINH HÒA  
Ký ngày: 07/02/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**  
198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Tel: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com  
Mã số thuế: 4200442852  
Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa

Mẫu số: 01GTKT0/001  
Ký hiệu: DT/21E  
Số: 0576871

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC)

Tháng: 3 Từ ngày: 05/02/2022 đến ngày: 04/03/2022

Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xí Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã khách hàng: KH052607

Mã số thuế: 4200570999-001

Loại hình: SXVC NX 2019

Chỉ số đầu kỳ: 998

Chỉ số cuối kỳ: 1014 + 0

Tiêu thụ (m3): 16

Phân loại	Tiêu thụ (m3)	Đơn giá (đ/m3)	Thành tiền (đồng)
Phân loại 1 >0	16	12.600	201.600

Cộng tiền nước: 201.600 Thuế suất 5% : 10.080  
Tiền thuê bao đồng hồ: 0  
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 0  
Tổng cộng số tiền phải thanh toán: 211.680  
Bằng chữ: Hai trăm mười một nghìn sáu trăm tám mươi đồng chẵn.

Ngày 07 tháng 03 năm 2022

Giám đốc

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ  
NINH HÒA  
Ký ngày: 07/03/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**  
198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Tel: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com  
Mã số thuế: **4200442852**  
Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa

Mẫu số: 01GTKT0/001  
Ký hiệu: DT/22E  
Số: **0013625**

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC)

Tháng: 4 Từ ngày: 05/03/2022 đến ngày: 04/04/2022

Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xí Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã khách hàng: KH052607

Mã số thuế: 4200570999-001

Loại hình: SXVC NX 2019

Chỉ số đầu kỳ: 1014

Chỉ số cuối kỳ: 1022 + 0

Tiêu thụ (m3): 8

Phân loại	Tiêu thụ (m3)	Đơn giá (đ/m3)	Thành tiền (đồng)
Phân loại 1 >0	8	12.600	100.800

Cộng tiền nước: 100.800 Thuế suất 5% : 5.040  
Tiền thuê bao đồng hồ: 0  
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 0  
Tổng cộng số tiền phải thanh toán: 105.840  
Bằng chữ: Một trăm lẻ năm nghìn tám trăm bốn mươi đồng chẵn.

Ngày 05 tháng 04 năm 2022

**Giám đốc**

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ  
NINH HÒA  
Ký ngày: 05/04/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**  
198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Tel: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com  
Mã số thuế: **4200442852**  
Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa

Mẫu số: 01GTKT0/001  
Ký hiệu: DT/22E  
Số: 0013625

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC)

Tháng: 4 Từ ngày: 05/03/2022 đến ngày: 04/04/2022

Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xi Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã khách hàng: KH052607

Mã số thuế: 4200570999-001

Loại hình: SXVC NX 2019

Chỉ số đầu kỳ: 1014

Chỉ số cuối kỳ: 1022 + 0

Tiêu thụ (m3): 8

Phân loại	Tiêu thụ (m3)	Đơn giá (đ/m3)	Thành tiền (đồng)
Phân loại 1 >0	8	12.600	100.800

Cộng tiền nước: 100.800 Thuế suất 5% : 5.040  
Tiền thuê bao đồng hồ: 0  
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 0  
Tổng cộng số tiền phải thanh toán: 105.840  
Bằng chữ: Một trăm lẻ năm nghìn tám trăm bốn mươi đồng chẵn.

Ngày 05 tháng 04 năm 2022

**Giám đốc**

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ  
NINH HÒA  
Ký ngày: 05/04/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**  
198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Tel: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com  
Mã số thuế: **4200442852**  
Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa

Mẫu số: 01GTKT0/001  
Ký hiệu: DT/22E  
Số: 0086458

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC)

Tháng: 5 Từ ngày: 05/04/2022 đến ngày: 04/05/2022

Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xí Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25

Địa chỉ: Phước Lâm , Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã khách hàng: KH052607

Mã số thuế: 4200570999-001

Loại hình: SXVC NX 2019

Chỉ số đầu kỳ: 1022

Chỉ số cuối kỳ: 1031 + 0

Tiêu thụ (m<sup>3</sup>): 9

Phân loại	Tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (đ/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (đồng)
Phân loại 1 >0	9	12.600	113.400

Cộng tiền nước: 113.400 Thuế suất 5% : 5.670  
Tiền thuê bao đồng hồ: 0  
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 0  
Tổng cộng số tiền phải thanh toán: 119.070  
Bằng chữ: Một trăm mười chín nghìn không trăm bảy mươi đồng chẵn.

Ngày 09 tháng 05 năm 2022

**Giám đốc**

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ  
NINH HÒA  
Ký ngày: 09/05/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**

198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Tel: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com  
Mã số thuế: **4200442852**  
Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa

Ký hiệu: 1K22TDT  
Số: 00009961

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC)**

Tháng: 6 Từ ngày: 05/05/2022 đến ngày: 04/06/2022

Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xí Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã khách hàng: KH052607

Mã số thuế: 4200570999-001

Loại hình: SXVC NX 2019

Chỉ số đầu kỳ: 1031

Chỉ số cuối kỳ: 1042 + 0

Tiêu thụ (m3): 11

Phân loại	Tiêu thụ (m3)	Đơn giá (đ/m3)	Thành tiền (đồng)
Phân loại 1 >0	11	12.600	138.600

Cộng tiền nước: 138.600 Thuế suất 5% : 6.930  
Tiền thuê bao đồng hồ: 0  
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 0  
Tổng cộng số tiền phải thanh toán: 145.530  
Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi đồng chẵn.

Ngày 04 tháng 06 năm 2022

**Giám đốc**

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA  
Ký ngày: 04/06/2022 16:08:58



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**  
198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Tel: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com  
Mã số thuế: **4200442852**  
Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa

Ký hiệu: 1K22TDT  
Số: 00071583

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC)

Tháng: 7 Từ ngày: 05/06/2022 đến ngày: 04/07/2022

Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xí Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã khách hàng: KH052607

Mã số thuế: 4200570999-001

Loại hình: SXVC NX 2019

Chỉ số đầu kỳ: 1042

Chỉ số cuối kỳ: 1059 + 0

Tiêu thụ (m3): 17

Phân loại	Tiêu thụ (m3)	Đơn giá (đ/m3)	Thành tiền (đồng)
Phân loại 1 >0	17	12.600	214.200

Cộng tiền nước: 214.200 Thuế suất 5% : 10.710  
Tiền thuê bao đồng hồ: 0  
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 0  
Tổng cộng số tiền phải thanh toán: 224.910

Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm mười đồng chẵn.

Ngày 07 tháng 07 năm 2022

**Giám đốc**

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA  
Ký ngày: 07/07/2022 14:12:09



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**  
198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX. Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Tel: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com  
Mã số thuế: **4200442852**  
Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa

Ký hiệu: 1K22TDT  
Số: 00118908

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC)

Tháng: 8 Từ ngày: 05/07/2022 đến ngày: 04/08/2022

Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xí Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã khách hàng: KH052607

Mã số thuế: 4200570999-001

Loại hình: SXVC NX 2019

Chỉ số đầu kỳ: 1059

Chỉ số cuối kỳ: 1087 + 0

Tiêu thụ (m3): 28

Phân loại	Tiêu thụ (m3)	Đơn giá (đ/m3)	Thành tiền (đồng)
Phân loại 1 >0	28	12.600	352.800

Cộng tiền nước: 352.800 Thuế suất 5% : 17.640  
Tiền thuê bao đồng hồ: 0  
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 0  
Tổng cộng số tiền phải thanh toán: 370.440  
Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi nghìn bốn trăm bốn mươi đồng chẵn.

Ngày 06 tháng 08 năm 2022

**Giám đốc**

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA  
Ký ngày: 06/08/2022 15:59:08



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**  
198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Tel: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com  
Mã số thuế: **4200442852**  
Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa

Ký hiệu: 1K22TDT  
Số: 00175646

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (HÓA ĐƠN TIỀN NƯỚC)

Tháng: 9 Từ ngày: 05/08/2022 đến ngày: 04/09/2022

Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xi Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25

Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX. Ninh Hòa, Khánh Hòa

Mã khách hàng: KH052607

Mã số thuế: 4200570999-001

Loại hình: SXVC NX 2019

Chỉ số đầu kỳ: 1087

Chỉ số cuối kỳ: 1132 + 0

Tiêu thụ (m3): 45

Phân loại	Tiêu thụ (m3)	Đơn giá (đ/m3)	Thành tiền (đồng)
Phân loại 1 >0	45	12.600	567.000

Cộng tiền nước: 567.000 Thuế suất 5% : 28.350  
Tiền thuê bao đồng hồ: 0  
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt: 0  
Tổng cộng số tiền phải thanh toán: 595.350  
Bằng chữ: Năm trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi đồng chẵn.

Ngày 08 tháng 09 năm 2022

**Giám đốc**

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA  
Ký ngày: 08/09/2022 20:37:15



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 10 tháng 10 năm 2022

Ký hiệu: 1K22TNH  
Số: 00026982

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**

Mã số thuế: **4200442852**

Địa chỉ: 198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Điện thoại: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com



Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa

Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xi Nghiệp Gạch Ngói Ni nh Hòa TN 25	Mã khách hàng: KH052607
Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX Ninh Hòa, Khánh Hòa	Loại hình: SXVC NX2019
Mã số thuế: 4200570999-001	Hình thức thanh toán: TM/CK
Điện thoại: 0984395428	Thời gian sử dụng: Từ 05/09/2022 đến 04/10/2022
Kỳ hóa đơn: Tháng 10/2022	

STT	Chỉ số cuối kỳ	Chỉ số đầu kỳ	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Phân loại	Tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (vnd/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (vnd)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6x7)
1	1166+0	1132	34	>0	34	12.600	428.400
<b>Cộng tiền nước:</b>							428.400
<b>Thuế suất 5%:</b>							21.420
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>							<b>449.820</b>

Tổng số tiền bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm hai mươi đồng chẵn./.

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA Ký ngày: 11 tháng 10 năm 2022
---

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử tại: <https://tracuuhoadon.vetc.com.vn>. Mã tra cứu: 45SgxbVcpyJWd



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 9 tháng 11 năm 2022

Ký hiệu: 1K22TNH  
Số: 00072567

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**

Mã số thuế: **4200442852**

Địa chỉ: 198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com

Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa



Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xi Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25	Mã khách hàng: KH052607
Địa chỉ: Phước Lâm, Ninh Xuân, TX Ninh Hòa, Khánh Hòa	Loại hình: SXVC NX2019
Mã số thuế: 4200570999-001	Hình thức thanh toán: TM/CK
Điện thoại: 0984395428	Thời gian sử dụng: Từ 05/10/2022 đến 04/11/2022
Kỳ hóa đơn: Tháng 11/2022	

STT	Chỉ số cuối kỳ	Chỉ số đầu kỳ	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Phân loại	Tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (vnd/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (vnd)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6x7)
1	1201+0	1166	35	>0	35	12.600	441.000
<b>Cộng tiền nước:</b>							441.000
<b>Thuế suất 5%:</b>							22.050
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>							463.050

Tổng số tiền bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi ba nghìn không trăm năm mươi đồng chẵn./.

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA  
Ký ngày: 9 tháng 11 năm 2022

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử tại: <https://tracuuhoadon.vetc.com.vn>. Mã tra cứu: 3yh3uXFas4ds2



# HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 7 tháng 12 năm 2022

Ký hiệu: 1K22TNH

Số: 00119811

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA**

Mã số thuế: **4 2 0 0 4 4 2 8 5 2**

Địa chỉ: 198 Đường 16/7, TDP 18, P. Ninh Hiệp, TX Ninh Hoà, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 02583 633 222 - Fax: 02583 844 147 - Email: niwencojsc@gmail.com



Số tài khoản: 0061001078728 tại Vietcombank - Chi nhánh Khánh Hòa

Tên khách hàng: Chi nhánh CTY Cổ Phần VLXD Khánh Hòa - Xí Nghiệp Gạch Ngói Ninh Hòa TN 25	Mã khách hàng: KH052607
Địa chỉ : Phước Lâm , Ninh Xuân, TX Ninh Hòa, Khánh Hòa	Loại hình: SX/VC NX 2019
Mã số thuế: 4200570999-001	Hình thức thanh toán: TM/CK
Điện thoại: 0984395428	Thời gian sử dụng: Từ 05/11/2022 đến 04/12/2022
Ký hóa đơn: Tháng 12/2022	

STT	Chỉ số cuối kỳ	Chỉ số đầu kỳ	Tổng tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Phân loại	Tiêu thụ (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (vnd/m <sup>3</sup> )	Thành tiền (vnd)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8=6x7)
1	1240+0	1201	39	>0	39	12.600	491.400
<b>Cộng tiền nước:</b>							491.400
<b>Thuế suất 5%:</b>							24.570
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>							<b>515.970</b>

Tổng số tiền bằng chữ: Năm trăm mười lăm nghìn chín trăm bảy mươi đồng chẵn./.

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

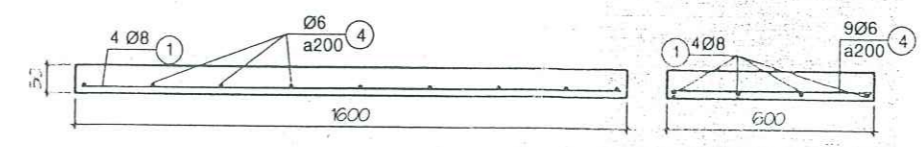
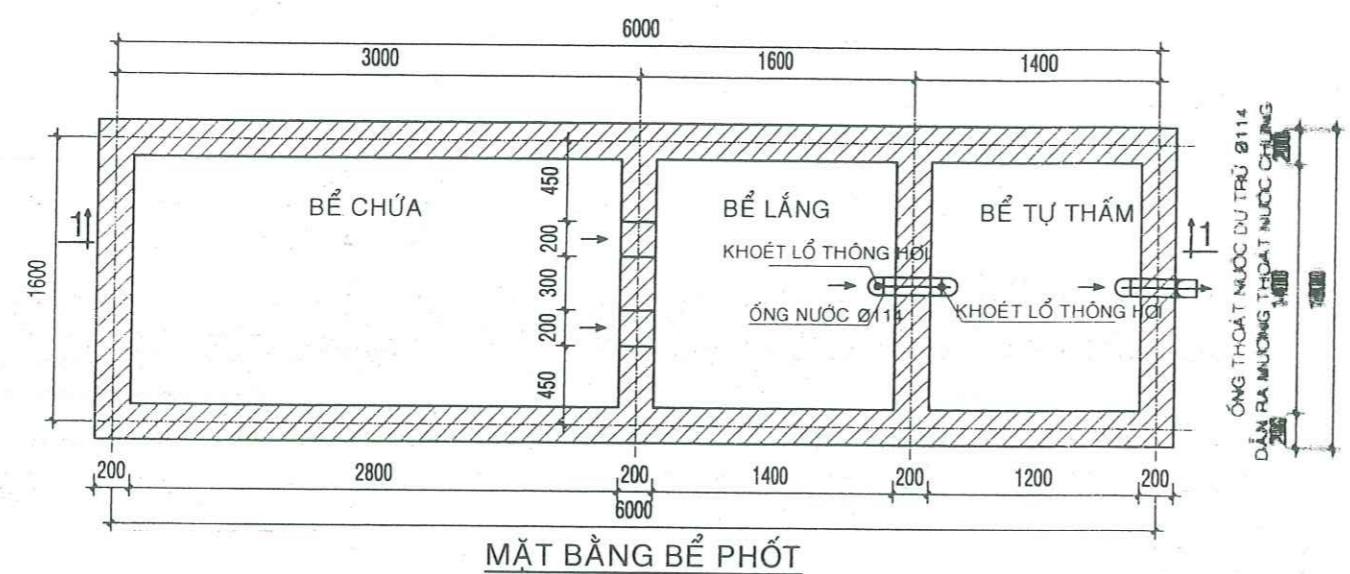
Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature Valid  
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ NINH HÒA  
Ký ngày: 7 tháng 12 năm 2022

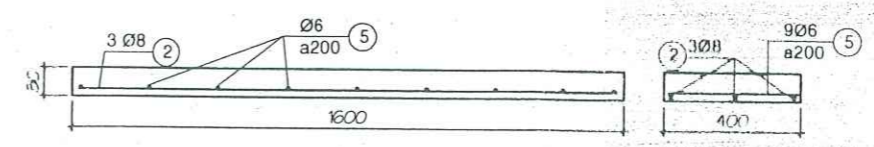
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu thông tin hóa đơn điện tử tại: <https://tracuuhoadon.vetc.com.vn>. Mã tra cứu: w9GsK8RCmtY1

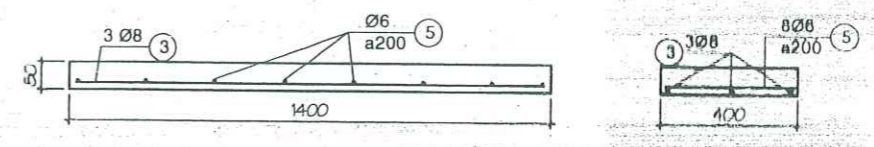




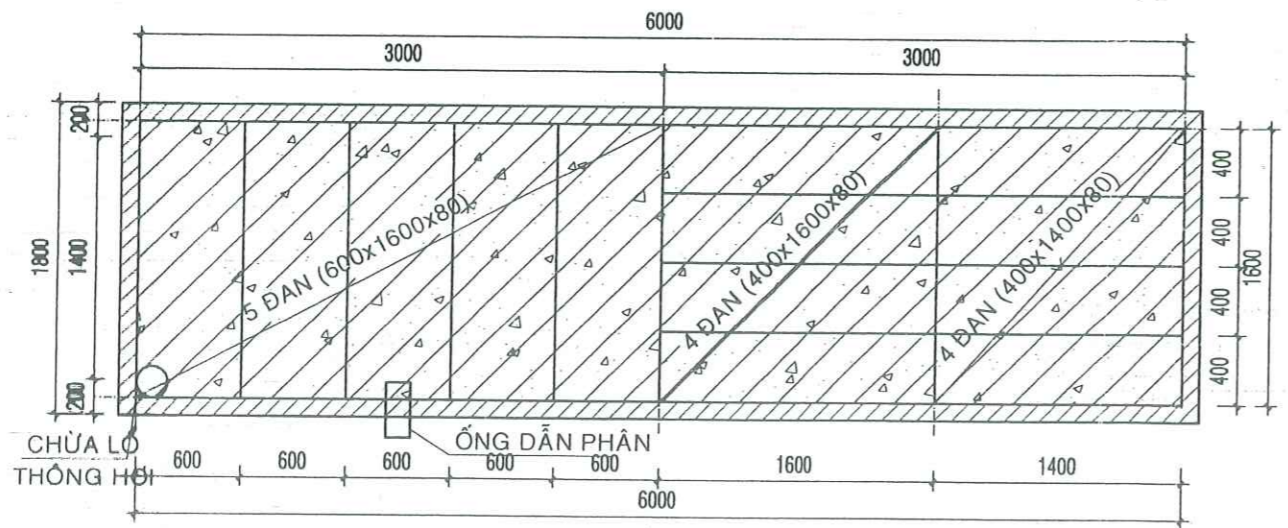
ĐAN 600x1600x80 (SL: 05CK)



ĐAN 400x1600x80 (SL: 04CK)



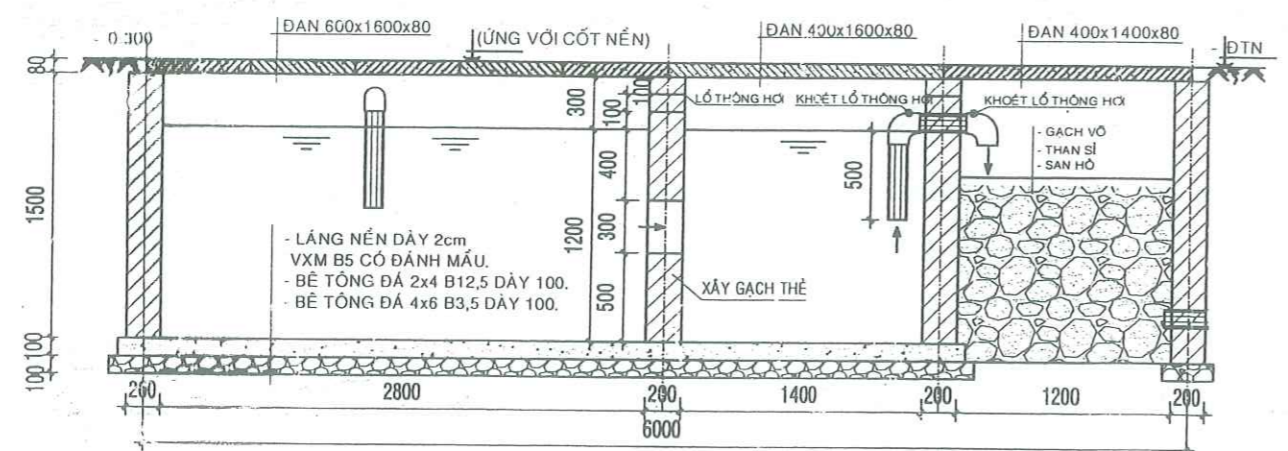
ĐAN 400x1400x80 (SL: 04CK)



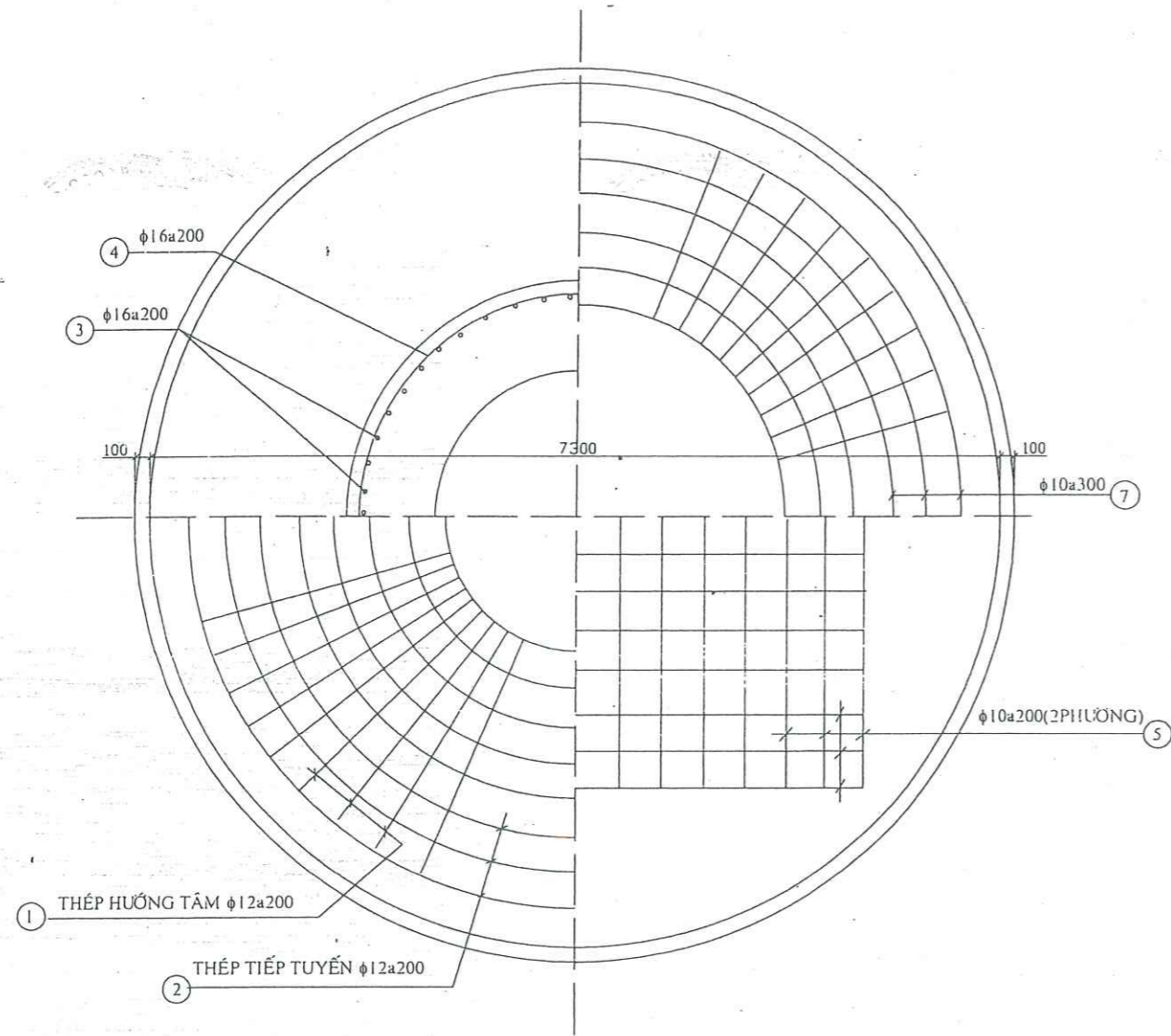
BẢNG THỐNG KÊ THÉP ĐAN

TÊN CK	TT	QUY CÁCH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ THANH	TỔNG SỐ THANH	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG KHỐI LƯỢNG (kg)
	1	1560	8	1560	4	20	31.2	12.27
	2	1560	8	1560	3	12	18.7	7.35
	3	1360	8	1360	3	12	16.3	6.4
	4	570	6	570	9	45	25.7	5.7
	5	370	6	370	17	85	25.2	5.6

37.32 KG



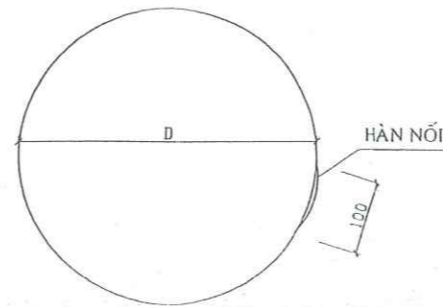




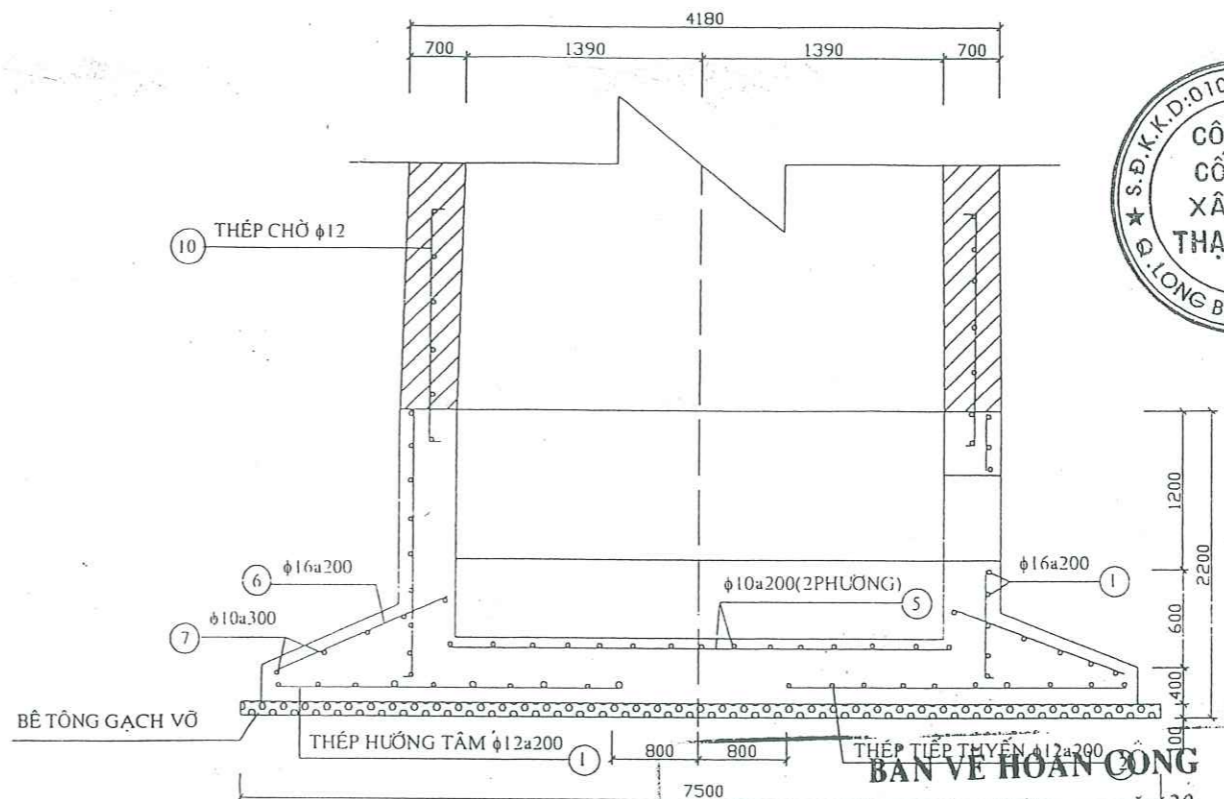
MẶT BẰNG THÉP MÓNG

BẢNG THỐNG KÊ THÉP

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	φ	SỐ THANH	L mm		
THÉP MÓNG	1	3000	12	116	3000	349	310
	2	CV=14000	12	16	14500	232	209
	3	100L 2100	16	64	2200	134,5	213
	4	CV=12700	16	11	13200	145,2	229,5
	5	3200	10	2x16	3200	102,5	63,5
	6	2500	10	77	2500	192,5	119
	7	CV=15000	10	8	15500	155	95,6
ĐAI XÂY	8		10	115	7950	914,5	564
NẤP HỒ	9	980	10	20	980	19,6	12
THÉP CHỖ	10	900-1400-1900-2400	12	54	Tb 1850	100	90



ĐẶT THÉP TRONG KHỐI XÂY  
CỨ 3 LỚP ĐẶT 1 THÉP φ10



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày... tháng... năm 20...

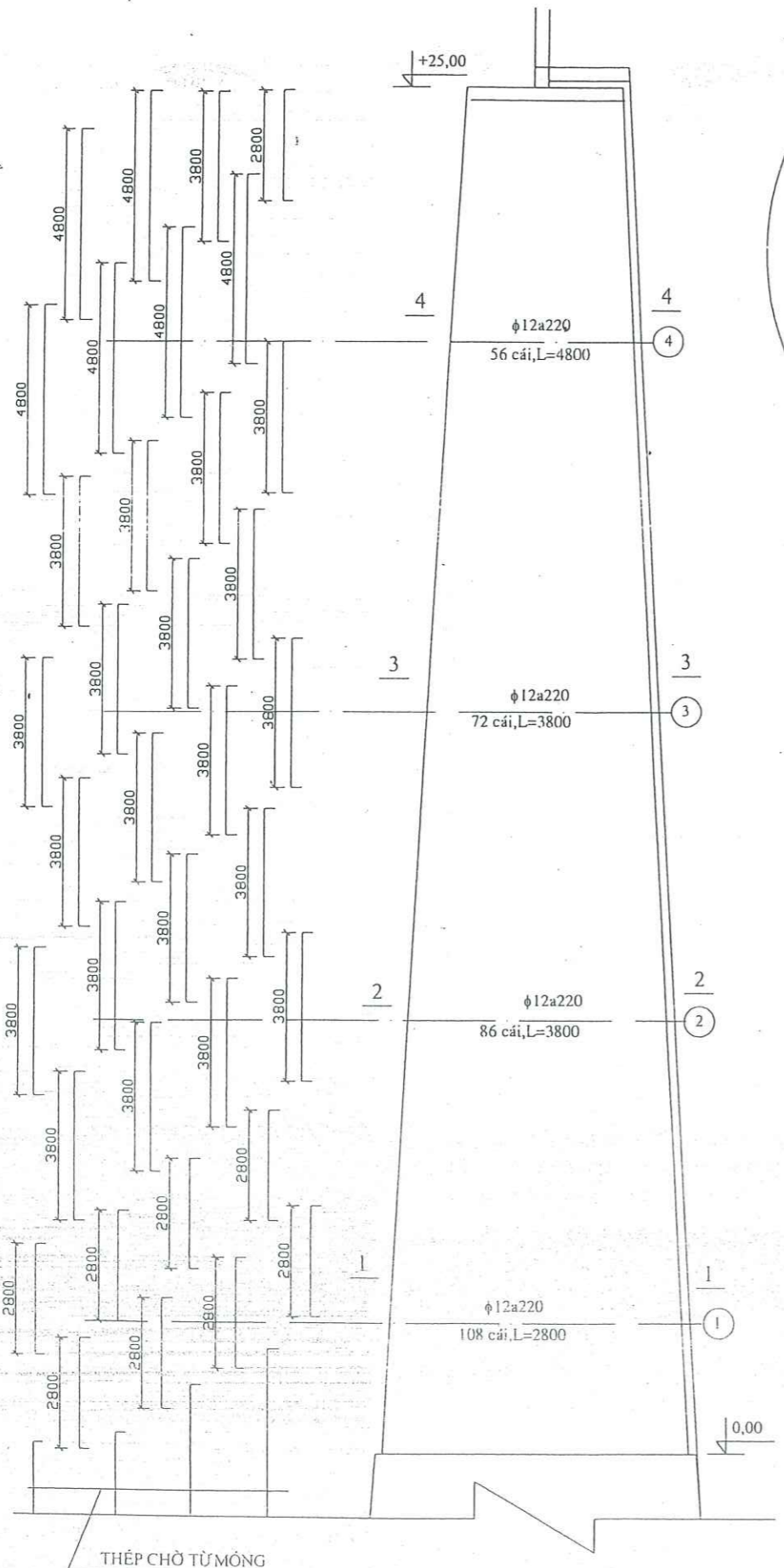
Công trình: Nhà máy gạch Tuynel Điện Lâm


CHỦ THÍCH: GIÁM ĐỐC

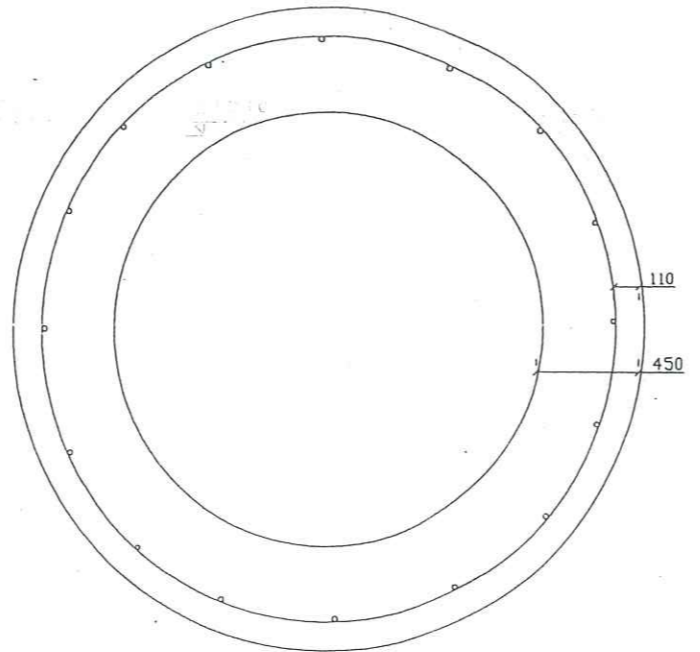
*Nguyễn Hồng Nam*

CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG MÓNG CỘT GIỮNG M200 CỐT THÉP AI RA = 2100KG/CM2 AI RA = 2800KG/CM2  
TƯỜNG ỐNG KHỐI XÂY GẠCH ĐỎ M75 VXM M50

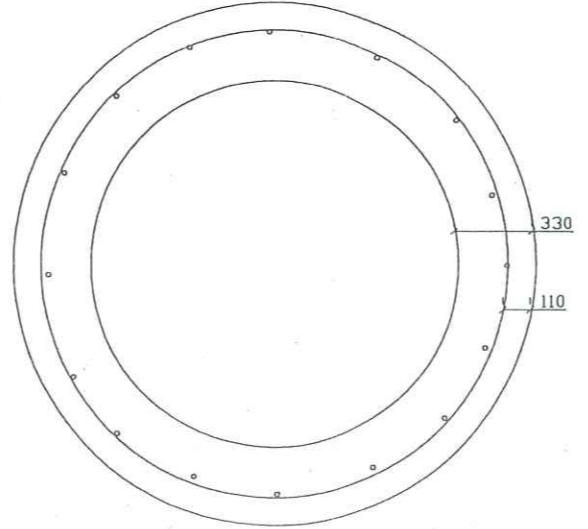




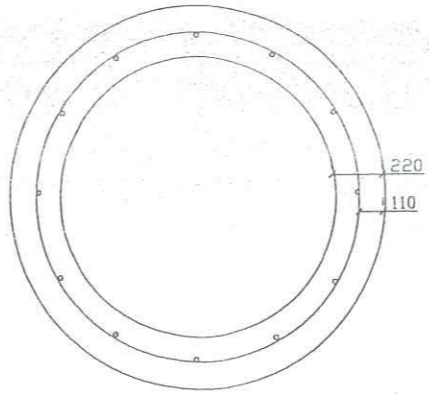
SƠ ĐỒ BỐ TRÍ THÉP DỌC



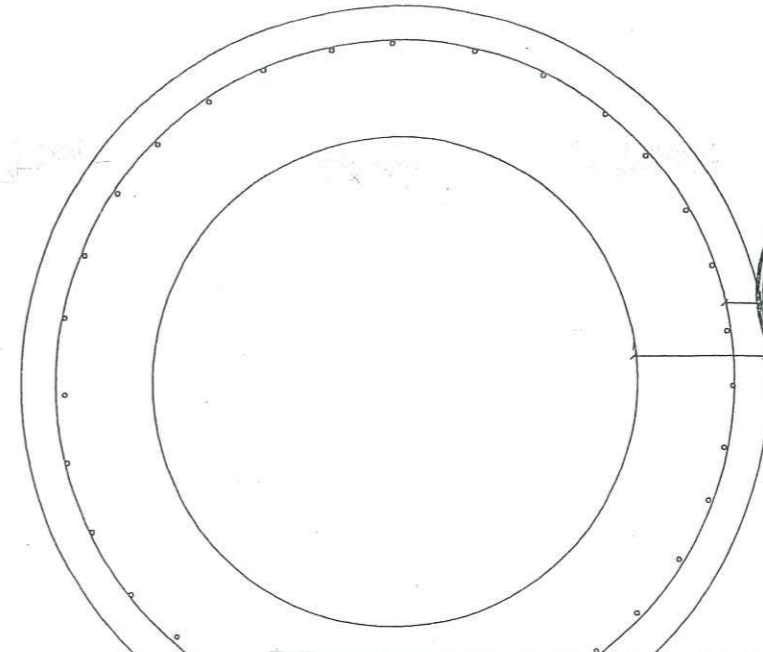
MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Lập ngày... tháng... năm 20...

Song trình: Nhà máy gạch Tuynel Điện Lãm



ĐƠN VỊ GIÁM SÁT

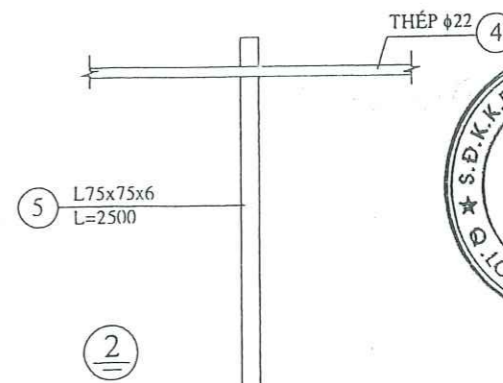
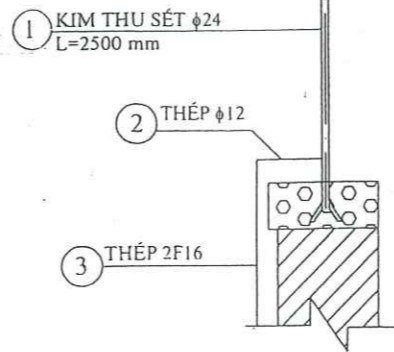
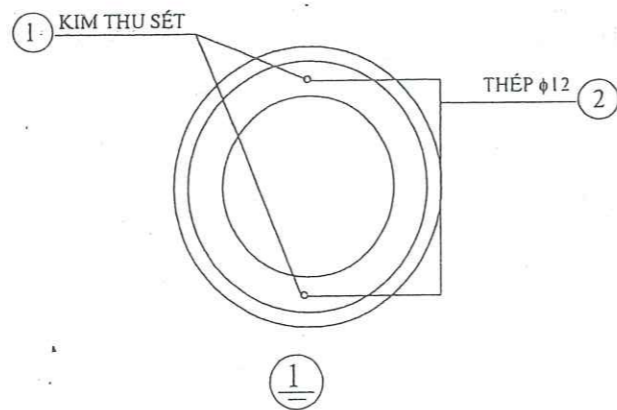
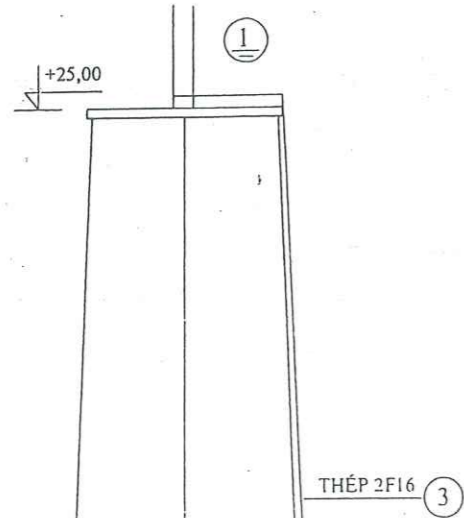


GIÁM ĐỐC THỐNG KÊ THÉP

*Nguyễn Hồng Nam*

SỐ HIỆU	QUY CÁCH	φ	L mm	SỐ THANH	Σ m	Σ kg
1	2800   100	12	3000	108	324	288
2	3800   100	12	4000	86	344	305
3	3800   100	12	4000	72	288	256,5
4	4800   100	12	5000	56	280	249

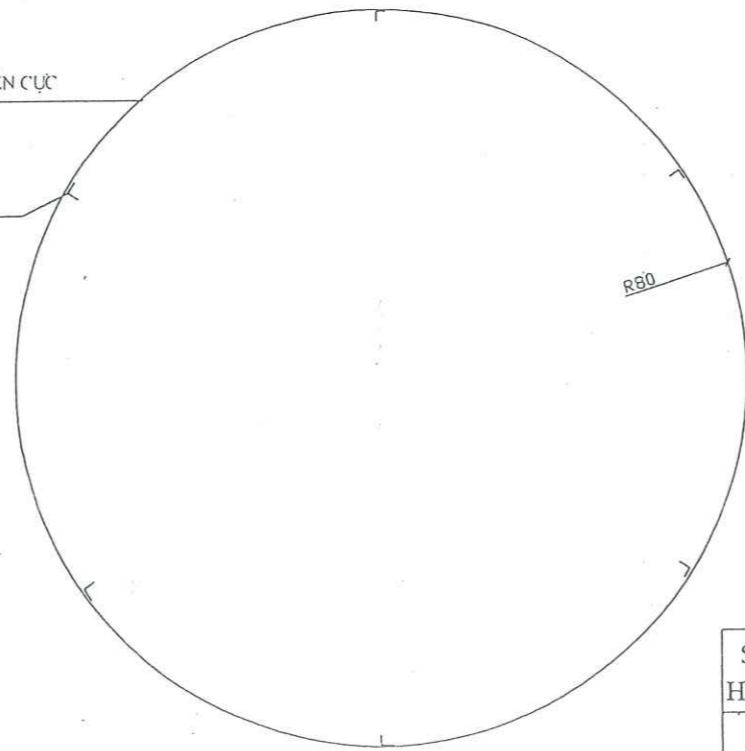
*Phạm Hồng Mạnh*  
QUY CÁCH



THÉP 2F16 ③

④ VÀNH ĐAI ĐIỆN CỰC

⑤ 6 ĐIỆN CỰC L75 TIẾP ĐẤT 2500



MẶT BẰNG TIẾP ĐẤT

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Lập ngày . . . . tháng . . . . năm 20 . . .

Công trình: Nhà máy gạch Tuynel Điện Lâm



ĐƠN VỊ GIÁM SÁT



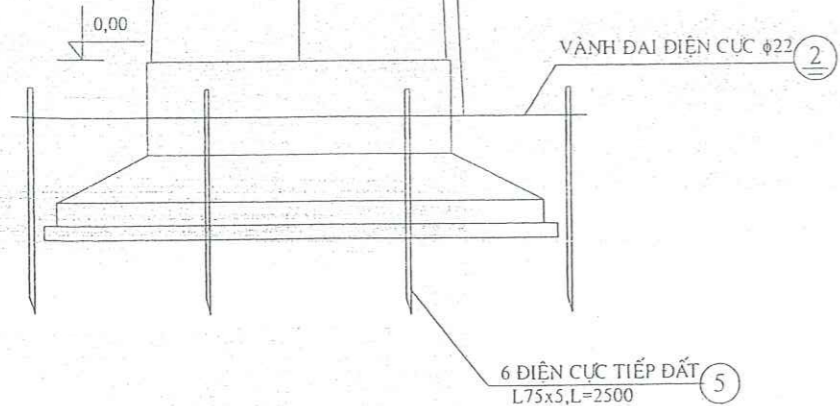
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Nam

Phạm Hồng Mạnh

**THỐNG KÊ THÉP**

SỐ HIỆU	QUY CÁCH	φ	L mm	SỐ THANH	Σ m	Σ Kg
1	KIM THU SÉT	24	2500	2	5,0	18
2	6000	12	6000	1	6	9,4
3	27000	16	27000	2	54	85
4	R=3750	22		1	24	71
5	L75x75x6		2500	6	15	120



6 ĐIỆN CỰC TIẾP ĐẤT L75x5, L=2500 ⑤